

Phụ lục I

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BỊ BÃI BỎ

(Kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ)

TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản
1	Nghị định	09/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006	Về phòng cháy và chữa cháy rừng
2	Nghị định	23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006	Về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng
3	Nghị định	48/2007/NĐ-CP ngày 28/3/2007	Về nguyên tắc và phương pháp xác định giá các loại rừng
4	Nghị định	05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008	Về quỹ bảo vệ và phát triển rừng
5	Nghị định	99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010	Về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng
6	Nghị định	117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010	Về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng
7	Nghị định	147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng
8	Quyết định	178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001	Về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp
9	Quyết định	186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006	Ban hành Quy chế quản lý rừng
10	Quyết định	34/2011/QĐ-TTg ngày 24/6/2011	Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ
11	Quyết định	39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012	Ban hành Quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ
12	Quyết định	17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015	Ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ
13	Quyết định	49/2016/QĐ-TTg ngày 01/11/2016	Ban hành Quy chế quản lý rừng sản xuất

TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản
14	Thông tư	99/2006/TT-BNN ngày 06/11/2006	Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg, ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ
15	Thông tư	38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007	Hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn
16	Thông tư	57/2007/TT-BNN ngày 13/6/2007	Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 06/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế quản lý rừng, ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ
17	Thông tư	70/2007/TT-BNN ngày 01/8/2007	Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện Quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư
18	Thông tư	05/2008/TT-BNN ngày 14/01/2008	Hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng
19	Thông tư	58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09/9/2009	Hướng dẫn việc trồng cao su trên đất lâm nghiệp
20	Thông tư	24/2009/TT-BNN ngày 05/5/2009	Hướng dẫn chuyển đổi rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được quy hoạch sang rừng sản xuất và ngược lại từ rừng sản xuất được quy hoạch thành rừng phòng hộ, đặc dụng sau rà soát quy hoạch lại 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ
21	Thông tư	34/2009/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2009	Quy định tiêu chí xác định và phân loại rừng
22	Thông tư	78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011	Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng
23	Thông tư	60/2012/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2012	Quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định diện tích rừng trong lưu vực phục vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng

TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản
24	Thông tư	10/2014/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2014	Quy định về tiêu chí xác định vùng đệm của khu rừng đặc dụng và vành đai bảo vệ của khu bảo tồn biển
25	Thông tư	20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016	Điều 1, Điều 3 của Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN
26	Thông tư	22/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017	Hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng
27	Thông tư	85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012	Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng
28	Thông tư	04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018	Hướng dẫn chế độ quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng
29	Quyết định	46/2007/QĐ-BNN ngày 28/5/2007	Ban hành quy định về xác định rừng trồng, rừng khoanh nuôi thành rừng
30	Quyết định	62/2005/QĐ-BNN ngày 12/10/2005	Ban hành Bản quy định về tiêu chí phân loại rừng đặc dụng
31	Quyết định	106/2006/QĐ-BNN ngày 27/11/2006	Ban hành bản hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn
32	Quyết định	104/2007/QĐ-BNN ngày 27/12/2007	Quy chế quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên
33	Thông tư liên tịch	80/2003/TTLT-BNN-BTC ngày 03/9/2003	Hướng dẫn Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp
34	Thông tư liên tịch	62/2005/TTLT-BTC-BNN&PTNT ngày 04/8/2005	Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng
35	Thông tư liên tịch	61/2007/TTLT-BNN-BTC ngày 22/6/2007	Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động cơ quan Kiểm lâm các cấp; thanh toán chi phí cho các tổ chức, cá nhân được huy động để ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng trái phép, phòng cháy chữa cháy rừng

TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản
36	Thông tư liên tịch	07/2011/TILT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29/01/2011	Hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp
37	Thông tư liên tịch	20/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 27/3/2013	Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư liên tịch số 61/2007/TTLT-BNN-BTC ngày 22/6/2007 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động cơ quan Kiểm lâm các cấp; thanh toán chi phí cho các tổ chức, cá nhân được huy động để ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng trái pháp luật và phòng cháy, chữa cháy rừng

Phụ lục I¹**ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT (HOẶC ĐIỀU CHỈNH) PHƯƠNG ÁN
TẠM SỬ DỤNG RỪNG***(Kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 08 năm 2025 của
Chính phủ)***TÊN CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/...

..., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT (HOẶC ĐIỀU CHỈNH)**PHƯƠNG ÁN TẠM SỬ DỤNG RỪNG****để thực hiện Dự án**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp.....

*Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Quyết định số;**Căn cứ Quyết định số;**Căn cứ**- Tên tổ chức/chủ đầu tư dự án (chữ in hoa): (1)**- Địa chỉ trụ sở chính:**- Điện thoại:**- Họ và tên người đại diện:**+ Chức vụ:**+ Số CCCD:ngày, tháng, năm cấp:**+ Nơi cư trú:***Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp xem xét, quyết
định phê duyệt (hoặc điều chỉnh) Phương án tạm sử dụng rừng như sau:****1. Các thông tin về tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng):**

¹ Phụ lục I được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2025.

a) Thông tin về chủ rừng:

- Tên chủ rừng:.....

- Địa chỉ chủ rừng (xã, tỉnh)

b) Các thông tin về: Vị trí khu rừng (ghi rõ tên lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính); diện tích rừng (ha); loại rừng (ghi rõ rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất); nguồn gốc hình thành (ghi rõ rừng tự nhiên, rừng trồng).

c) Mục đích của việc tạm sử dụng rừng..... (2)

d) Thời gian tạm sử dụng rừng: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày... tháng ... năm ...

đ) Kinh phí và nguồn kinh phí khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ:.....

2. Lý do điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (nếu có):

3. Khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ.....

a) Phương thức khai thác:

b) Sản lượng dự kiến khai thác: gỗ.....m³; củi hoặc sản phẩm khác....ster/m³.

c) Thực vật rừng ngoài gỗ:tán; hoặccây (nếu xác định được).

4. Về trồng lại rừng, phục hồi rừng

Nêu rõ việc trồng lại rừng, phục hồi rừng; kinh phí và nguồn kinh phí trồng rừng,

5. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác về các thông tin trên.

6. Hồ sơ

Có hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ kèm theo, gồm:

Để có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện, (3) kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tpxem xét, phê duyệt.

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên tổ chức, ngày thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(2) Ghi rõ mục đích tạm sử dụng rừng: Để xây dựng hạng mục công trình xây dựng tạm thực hiện Dự án.....,

(3) Ghi rõ tên tổ chức/chủ đầu tư dự án.

Phụ lục IA²
(Kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
BQL RỪNG/TÊN CHỦ RỪNG ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/HĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG
Để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
trong rừng đặc dụng/phòng hộ/sản xuất(tên khu rừng)

Số :..../năm/HĐ-CTMTR

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số:..../2024/NĐ-CP ngày .../.../2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Các căn cứ của pháp luật khác có liên quan.....;

Căn cứ Quyết định số về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững khu rừng..... giai đoạn;

Căn cứ Quyết định số về việc phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu rừng giai đoạn;

Liệt kê các văn bản hành chính có liên quan đến việc cho thuê môi trường rừng có liên quan đến hợp đồng;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng ... năm tại, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê môi trường rừng (Bên A)

- Do ông (bà): (Ghi họ tên, chức vụ, cơ quan) làm đại diện.

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Tài khoản số:.....; tại Kho bạc nhà nước

- Mã số thuế:

² Phụ lục IA được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2024.

- Điện thoại :

II. Bên thuê môi trường rừng là: (Bên B)

Do ông (bà): Số CCCD/CC:..... làm đại diện (*đối với cá nhân*)

Do ông (bà): chức vụ (*đối với tổ chức*):
làm đại diện.

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Tài khoản số:, tại

- Mã số thuế:

- Điện thoại:

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Nội dung

1. Diện tích cho thuê môi trường rừng:m² (hoặc ha) (ghi rõ bằng số và bằng chữ), cụ thể:

a) Địa điểm (khu vực) cho thuê (theo số thứ tự được ghi trong đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và tên địa điểm).

b) Vị trí: thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, phân khu (đối với khu rừng đặc dụng có chia phân khu), thuộc địa giới hành chính của xã, huyện, tỉnh.

c) Vị trí, ranh giới, đặc điểm, hiện trạng rừng được ghi trong biểu đồ, bản đồ, báo cáo thống kê hiện trạng rừng kèm theo và kết quả bàn giao ranh giới của hiện trường để làm căn cứ cho thuê, kiểm tra, giám sát theo quy định.

2. Mục đích: Để sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và bảo vệ, phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng.

3. Thời gian cho thuê môi trường rừng: năm, kể từ ngày ký hợp đồng (ngày tháng Năm), định kỳ 5 năm đánh giá việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian cho thuê, nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu thì bên cho thuê môi trường rừng xem xét kéo dài thời gian cho thuê theo quy định của pháp luật, không quá hai phần ba thời gian thuê lần đầu.

4. Nguyên tắc thuê môi trường rừng:

a) Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định, kê khai doanh thu thực hiện trong phạm vi thuê môi trường rừng.

b) Việc cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí không làm thay đổi quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất của khu vực cho thuê.

c) Đơn vị thuê môi trường rừng không được xâm hại đến tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất trong khu vực được thuê.

d) Việc sử dụng diện tích trong khu vực thuê môi trường rừng để tổ chức không gian du lịch và xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phải thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ về Quy chế quản lý rừng và pháp luật liên quan.

đ) Các công trình xây dựng phải dựa theo các điều kiện tự nhiên, hài hòa với cảnh quan môi trường thiên nhiên, không làm thay đổi diện mạo, địa hình tự nhiên theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững và đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi khu rừng đã được phê duyệt.

e) Không được chuyển quyền sử dụng đất lâm nghiệp, rừng và các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí cho bất kỳ chủ thể nào khác.

g) Căn cứ đặc điểm sinh học, sinh thái và hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng đối với từng loài cây cụ thể để xác định diện tích đất sử dụng và chỉ được phép trồng bổ sung các loài cây có nguồn gốc xuất xứ đã được cơ quan nhà nước công nhận và được sự chấp thuận của chủ rừng.

h) Các trường hợp vi phạm phải được xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

5. Nguyên tắc tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

a) Không gây ảnh hưởng tiêu cực đến bảo tồn diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng, cảnh quan, môi trường, đời sống của cộng đồng dân cư ở địa phương. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về lâm nghiệp và biển, hải đảo; bảo vệ môi trường và quy chế quản lý rừng.

b) Bảo vệ môi trường, duy trì hệ sinh thái và không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, cảnh quan, môi trường, đời sống tự nhiên của các loài động vật, thực vật hoang dã cũng như bản sắc văn hóa của cộng đồng dân cư địa phương.

c) Hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải dựa vào thiên nhiên, thúc đẩy các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng; tạo cơ hội việc làm và mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương, thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch; kết hợp giữa bảo vệ, phát triển rừng với bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa.

Điều 2. Giá cho thuê môi trường rừng và phương thức thanh toán

1. Giá cho thuê môi trường rừng theo hợp đồng này là ...% trên tổng doanh thu hàng năm của hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng. Tương ứng với phương án kinh doanh ghi trong hồ sơ đăng ký của Bên B tính ra số tiền tuyệt đối là..... (a) đồng.

Trường hợp sau khi ký hợp đồng, số tiền tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu theo thực tế thấp hơn số tiền(a) đồng nêu trên, thì bên B thanh toán đủ cho Bên A số tiền (a) đồng.

2. Tiền thuê môi trường rừng được tính kể từ khi hoạt động kinh doanh của Bên B có phát sinh doanh thu và Bên B cam kết thời gian đi vào hoạt động có doanh thu theo đúng hồ sơ đăng ký.

3. Phương thức và thời hạn nộp tiền thuê môi trường rừng: Chuyển khoản một lần trong thời hạn 10 ngày sau khi có báo cáo quyết toán thuế hàng năm được cơ quan thuế xác nhận. Tiền nộp thuế doanh nghiệp theo quy định phải nộp tại cơ quan thuế(ghi cụ thể cơ quan thuế Bên B nộp).

4. Đồng tiền thanh toán: Đồng.

5. Ngoài tiền thuê môi trường rừng, bên thuê môi trường rừng khi thực hiện các hoạt động tại Điều 1 còn phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo các quy định của Nhà nước.

Điều 3. Về nguồn vốn đầu tư

Toàn bộ nguồn vốn thực hiện dự án..... do bên thuê môi trường rừng đầu tư.

Điều 4. Quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ các bên

1. Quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A:

a) Quyền lợi:

Được thụ hưởng đầy đủ tiền cho thuê môi trường rừng theo đúng quy định như hợp đồng đã ký kết.

b) Trách nhiệm và nghĩa vụ:

- Bên A đảm bảo việc sử dụng diện tích cho thuê môi trường rừng của Bên B trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng môi trường rừng đối với diện tích trong hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có quyết định thu hồi theo quy định của pháp luật.

- Cung cấp bản đồ và xác định rõ cho Bên B biết về ranh giới, hiện trạng rừng, diện tích đất lâm nghiệp, rừng, loại rừng, số lượng, vị trí trên bản đồ và ngoài thực địa; hướng dẫn Bên B xây dựng hệ thống mốc giới xung quanh khu vực cho thuê môi trường rừng theo ranh giới và số hiệu mốc giới đã được xác định trên bản đồ và cắm mốc ngoài thực địa (đính kèm Biên bản bàn giao ranh giới, hiện trạng rừng).

- Phối hợp trong công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng đối với khu vực cho thuê môi trường rừng, bảo đảm rừng được bảo vệ và phát triển theo chức năng của khu rừng.

- Phối hợp với bên thuê môi trường rừng trong công tác: Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về lâm nghiệp, bảo vệ môi trường. Thường xuyên hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát các khu vực có nguy cơ phát sinh các hành vi tác động gây ảnh hưởng xấu, xâm hại đến rừng.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin vào công tác quản lý, theo dõi diễn biến rừng, kiểm tra phương án, kế hoạch phòng cháy và cháy rừng và cập nhật tình hình bảo vệ, phát triển rừng trong khu vực cho thuê môi trường rừng, nơi có các điểm tham quan du lịch.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thực thi hợp đồng đối với hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu vực cho thuê môi trường rừng; kịp thời chấn chỉnh những sai sót, xử lý đúng quy định các vi phạm liên quan đến bảo vệ, phát triển rừng và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Trách nhiệm và nghĩa vụ khác (do hai bên thỏa thuận).

2. Quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B

a) Quyền lợi:

- Được sử dụng môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo đúng quy định của pháp luật.

- Được sử dụng, khai thác, định đoạt các tài sản hình thành trên đất do Bên B đầu tư xây dựng trong khu vực thuê môi trường rừng phù hợp với mô hình kinh doanh, thời gian tồn tại của công trình được xác định trong đề án, dự án đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc phê duyệt và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

b) Trách nhiệm và nghĩa vụ:

- Sử dụng khu vực thuê môi trường rừng phải phù hợp với mục đích sử dụng đã được phê duyệt trong Phương án quản lý rừng bền vững và Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của khu rừng được phê duyệt và quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Bên A để được hướng dẫn xây dựng hệ thống mốc giới xung quanh khu vực thuê môi trường rừng theo ranh giới và số hiệu mốc giới đã được xác định trên bản đồ, ngoài thực địa để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Thực hiện đúng quy định các nội dung kinh doanh du lịch theo quy chế quản lý quản lý rừng; chịu trách nhiệm bảo vệ rừng, phòng cháy và cháy rừng và có kế hoạch, báo cáo công tác phát triển rừng đối với khu vực thuê môi trường rừng.

- Xây dựng hệ thống thu gom rác thải; xử lý nước thải, vận chuyển rác thải theo đúng quy định. Hệ thống nước thải bắt buộc phải xử lý theo đúng tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học khu vực thuê môi trường rừng; có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn rừng trong khu vực được thuê; chịu sự giám sát và chấp hành quy định của pháp luật và nội quy của chủ rừng.

- Đối với các công trình xây dựng do Bên B đầu tư trong khu vực rừng cho thuê phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc phê duyệt hoặc cho phép

theo Quy chế quản lý rừng và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Sau khi kết thúc hợp đồng cho thuê môi trường rừng, chủ đầu tư bàn giao lại cho chủ rừng các công trình xây dựng để quản lý theo quy định của pháp luật.

- Hằng năm thực hiện đầy đủ việc chi trả tiền thuê môi trường rừng cho chủ rừng và đảm bảo thực hiện đúng thời hạn.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin trong các tổ chức hoạt động du lịch, tuyên truyền quảng bá du lịch, tuyên truyền về bảo vệ, phát triển rừng; có trách nhiệm tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư địa phương tham gia vào các dịch vụ du lịch, ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

- Trách nhiệm và nghĩa vụ khác (do hai bên thỏa thuận).

Điều 5. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng cho thuê môi trường rừng chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn cho thuê môi trường rừng mà các bên không thống nhất tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê hoặc Bên A xét thấy Bên B không đủ năng lực đáp ứng kéo dài thời gian thuê môi trường rừng;

2. Bên thuê môi trường rừng không có nhu cầu, bị phá sản, giải thể, chuyển nhượng hợp đồng;

3. Bên thuê môi trường rừng không thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, gây thiệt hại đến đất, rừng trong việc bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và đến các tài nguyên, tài sản khác tại khu vực thuê;

4. Do bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, rừng theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về lâm nghiệp;

5. Kể từ ngày ký hợp đồng, nếu sau tháng mà Bên B không đi vào hoạt động có doanh thu thì Bên A đơn phương thông báo chấm dứt hợp đồng. Bên B phải giải quyết tài sản đã đầu tư trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ra thông báo. Nếu sau thời hạn 12 tháng mà Bên B không giải quyết tài sản đã đầu tư thì Bên A sẽ cưỡng chế theo quy định;

6. Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.

Điều 6. Khiếu nại, tranh chấp

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm hợp đồng thì hai bên sẽ tự giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết được, hai bên sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành. Mọi phí tổn sẽ do bên vi phạm chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 7. Điều khoản chung

1. Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Bên A và Bên B cam kết rằng người đại diện của mỗi bên ký tên dưới

đây là có đầy đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng và thông báo chấm dứt hợp đồng này theo đúng quy định pháp luật.

2. Các bên cam kết thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

3. Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản và gửi đến cơ quan thuế để xác định mức thu tiền cho thuê môi trường rừng 01 bản, Kho bạc nhà nước nơi thu tiền cho thuê môi trường rừng 01 bản.

Cam kết khác (nếu có).

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày...../.

ĐẠI DIỆN BÊN A

*[Ghi tên, chức danh, ký tên
và đóng dấu (nếu có)]*

ĐẠI DIỆN BÊN B

*[Ghi tên, chức danh, ký tên
và đóng dấu (nếu có)]*

Phụ lục IB³
*(Kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP
 Ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Tờ trình về việc phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là tổ chức)
Mẫu số 02	Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là tổ chức)
Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là tổ chức)
Mẫu số 04	Đơn đề nghị phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)
Mẫu số 05	Tổng hợp danh sách hộ gia đình, cá nhân hoặc nhóm hộ, cộng đồng dân cư tham gia xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)
Mẫu số 06	Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết theo nhóm hộ)
Mẫu số 07	Quyết định phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)
Mẫu số 08	Phiếu thông tin thu hoạch cây dược liệu trong rừng
Mẫu số 09	Hợp đồng cho thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

³ Phụ lục IB được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2025.

Mẫu số 01

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN CHỦ RỪNGCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Về việc phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch
cây dược liệu trong rừng**
(Áp dụng cho chủ rừng là tổ chức)

Kính gửi: (1).....

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.*

(Tên chủ rừng) kính trình(1).....xem xét, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng như sau:

1. Tên phương án: Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng, giai đoạn 20...- 20...

2. Tên chủ rừng:

3. Địa chỉ:

4. Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng, cây dược liệu (nêu tóm tắt).

5. Mục tiêu phương án:

6. Những nội dung chính thực hiện phương án (nêu tóm tắt).

7. Dự kiến nhu cầu và nguồn vốn thực hiện phương án (nêu tóm tắt).

8. Giải pháp và tổ chức thực hiện phương án (nêu tóm tắt nội dung).

(Có phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

và bản đồ kèm theo).

Chủ rừng (tên chủ rừng) kính trình.....(1)..... xem xét, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,

CHỦ RỪNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của chủ rừng.

**PHƯƠNG ÁN NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH
CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**
(Áp dụng cho chủ rừng là tổ chức)

MỞ ĐẦU

Nêu sự cần thiết và lý do xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (sau đây viết tắt là phương án)

Chương I CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

I. CĂN CỨ

1. Căn cứ pháp lý (nêu căn cứ pháp lý quan trọng làm cơ sở xây dựng phương án).
2. Căn cứ thực tiễn (nêu căn cứ thực tiễn đã nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong khu vực).

II. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Tài liệu giao đất, giao rừng, thuê rừng; quyết định thành lập khu rừng, chức năng, nhiệm vụ của chủ rừng.
2. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, các tài liệu điều tra chuyên đề có liên quan của khu rừng; kế hoạch sử dụng đất của đơn vị.
3. Phương án quản lý rừng bền vững của khu rừng trong giai đoạn đã được phê duyệt.
4. Bản đồ: bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các loại bản đồ có liên quan khác (nếu có).

Chương II ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA CHỦ RỪNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị (chủ rừng):.....
2. Địa chỉ (trụ sở làm việc của chủ rừng): xã; tỉnh
3. Quyết định thành lập; chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/chủ rừng hoặc đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật; cơ cấu tổ chức.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về điều kiện tự nhiên

- a) Vị trí địa lý (tiếp giáp: Đông, Tây, Nam, Bắc); tọa độ: kinh độ; vĩ độ.
- b) Khí hậu.
- c) Thủy văn.
- d) Địa hình.
- đ) Thổ nhưỡng.

2. Về phát triển kinh tế

a) Tình hình chung về phát triển kinh tế, sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp, thương mại trong khu vực và kết nối với địa phương lân cận; tình hình nuôi, trồng phát triển cây dược liệu và thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm dược liệu trên địa bàn.

b) Tình hình chung về cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của chủ rừng.

c) Tình hình chung về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; sản xuất, kinh doanh của chủ rừng.

3. Về xã hội

a) Tình hình chung về dân số, dân tộc, lao động trong khu vực.

b) Tình hình chung về giáo dục, y tế, trình độ dân trí và khả năng áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; xác định những nội dung hay yếu tố gì cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của chủ rừng.

III. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ TIỀM NĂNG NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

1. Hiện trạng tài nguyên rừng

a) Hiện trạng rừng: loại rừng, diện tích, trạng thái, trữ lượng bình quân; năm trồng, loài cây (đối với rừng trồng) thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng.

b) Hiện trạng tài nguyên cây dược liệu hiện có trong phạm vi lâm phần của chủ rừng (loài cây, diện tích, sản lượng thu hoạch hàng năm,...).

Nhận xét: hiện trạng tài nguyên rừng, tài nguyên cây dược liệu có những thuận lợi, khó khăn gì đối với hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

2. Tiềm năng nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Về điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, đất đai,...) phù hợp với nuôi, trồng phát triển các loài cây dược liệu nào.

b) Về phân bố các loài cây dược liệu, đặc biệt là các loài cây quý, hiếm, đặc hữu, có giá trị kinh tế cao (nếu có).

c) Về kinh nghiệm nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu của chủ rừng và của người dân trong khu vực.

d) Về cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm dược liệu trong khu vực.

đ) Về thị trường tiêu thụ sản phẩm dược liệu.

Nhận xét: từ hiện trạng về tài nguyên rừng và tiềm năng, thuận lợi gì đối với hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch, tiêu thụ cây dược liệu trong rừng; sự phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Mục tiêu:

2. Phạm vi: phạm vi quản lý của chủ rừng theo địa bàn.

3. Thời gian thực hiện phương án: từ năm ... đến năm

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

1. Kế hoạch, phương thức trồng và hình thức tổ chức thực hiện nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng

a) Đối với rừng đặc dụng

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch.

- Phương thức trồng:

+ Phương thức trồng: trồng phân tán hoặc theo đám dưới tán rừng;

+ Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo từng khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.

- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới trong từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu đảm bảo không làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.

- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.

- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

b) Đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch.

- Phương thức nuôi, trồng phát triển:

+ Phương thức trồng: trồng phân tán, theo băng, theo đám dưới tán rừng;

+ Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích nuôi, trồng phát triển cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo từng khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.

- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới trong từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu đảm bảo không được làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.

- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.

- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

Biểu 01: Dự kiến kế hoạch nuôi, trồng phát triển cây dược liệu

TT	Loài cây	Chu kỳ canh tác dự kiến (năm)	Tỷ lệ diện tích trồng dưới tán rừng (%)	Phương thức trồng	Diện tích (ha)	Hình thức tổ chức	Khu vực dự kiến trồng
I. RỪNG ĐẶC DỤNG (nếu có):							
1	Ví dụ: Cây Sâm Ngọc Linh	7	15	Phân tán	10	Tự tổ chức	Khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh
2							
II. RỪNG PHÒNG HỘ (nếu có):							
1	Ví dụ: Cây Khôi	10	20	Băng	5	Thuê môi trường rừng	Khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh
2							
III. RỪNG SẢN XUẤT (nếu có)							

1	Ví dụ: Cây Ba kích	5	30	Đám	15	Tự tổ chức	Khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh
2							
Tổng (I+II+III):							

2. Kế hoạch thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Loài cây dự kiến thu hoạch (bao gồm các loài thuộc danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm, đặc hữu).

b) Diện tích dự kiến thu hoạch (ha) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (tiểu khu, xã, tỉnh).

c) Phương thức thu hoạch (thu hoạch toàn bộ cây; thu hái hoa, quả, củ, lá, thân,...).

d) Biện pháp quản lý cây dược liệu sau thu hoạch.

3. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng ở khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Diện tích rừng quản lý, bảo vệ; bảo tồn đa dạng sinh học (đối với rừng đặc dụng).

b) Diện tích rừng dự kiến áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp lâm sinh tác động).

c) Diện tích, biện pháp lâm sinh dự kiến áp dụng đối với khu vực rừng sau khi kết thúc chu kỳ canh tác nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về tổ chức sản xuất.

2. Về khoa học, kỹ thuật, công nghệ.

3. Về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư.

4. Về thị trường.

5. Giải pháp khác.

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN

Bao gồm hiệu quả về kinh tế; về xã hội (tạo việc làm cho người lao động và người dân,...); về môi trường.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Mô tả và phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng vị trí, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ đã xác định trong phương án.

II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Các nội dung, hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý, địa phương, chủ rừng. Xác định cụ thể các chỉ tiêu kiểm tra, giám sát đối với từng nhiệm vụ, hoạt động.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận.
2. Kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

CHỦ RỪNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

CƠ QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH**V/v phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển,
thu hoạch cây dược liệu trong rừng**
(Áp dụng cho chủ rừng là tổ chức)**THỦ THƯỜNG CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC BỘ.../GIÁM ĐỐC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH (TP)***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Điều 248 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng.... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;**Căn cứ Quyết định số (các quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững).....;**Căn cứ**Xét đề nghị của tại***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của.....(tên chủ rừng) giai đoạn:.....với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên gọi của phương án: Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của.....(tên chủ rừng) giai đoạn:.....

2. Phạm vi thực hiện của phương án:...

3. Thời gian thực hiện:...

4. Mục tiêu:

5. Kế hoạch nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Rừng đặc dụng;
- Rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

b) Loài cây được liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch.

c) Phương thức nuôi, trồng phát triển, chu kỳ canh tác, dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích nuôi, trồng phát triển cây được liệu trong rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu.

d) Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu (khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

đ) Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng ở khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu.

- Diện tích rừng quản lý, bảo vệ; bảo tồn đa dạng sinh học (đối với rừng đặc dụng).

- Diện tích rừng dự kiến áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp lâm sinh tác động) trong khu vực nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu trong rừng.

- Biện pháp lâm sinh dự kiến áp dụng đối với diện tích rừng sau khi nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của chủ rừng

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan chuyên môn thuộc bộ ngành hoặc thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

3. Các cơ quan và địa phương có liên quan

4.

(Chi tiết thông tin tại phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu trong rừng kèm theo).

Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

.....thông kê các cơ quan, cá nhân trực tiếp liên quan và.....(tên chủ rừng)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Các Sở/cơ quan...;
- ...
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên xã)....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển,
thu hoạch cây dược liệu trong rừng
(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (tên xã):.....

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã (tên xã)..... xem xét, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng như sau:

1. Họ và tên chủ rừng/trưởng nhóm hộ/người đại diện cộng đồng dân cư:

.....

2. Địa chỉ (Thôn/bản/buôn, xã, tỉnh):.....

3. Nơi cư trú: (Thôn/bản/buôn, xã, tỉnh):.....

4. Số CCCD/CC:.....; ngày cấp:...../...../.....

5. Hồ sơ gửi kèm:

- Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng;

- Các loại bản đồ, sơ đồ, gồm:.....

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã (tên xã)..... xem xét, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: CR hoặc nhóm hộ, THT.

CHỦ RỪNG/ĐẠI DIỆN CHỦ RỪNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên xã)....., ngày tháng năm ...

TỔNG HỢP DANH SÁCH

**Hộ gia đình, cá nhân hoặc nhóm hộ, cộng đồng dân cư tham gia xây dựng
phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**

Xã..... tỉnh.....

(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)

Tên đại diện chủ rừng/trưởng nhóm hộ/cộng đồng dân cư:

Địa chỉ:.....

TT	Tên chủ rừng	Thôn, bản, làng	Tiểu khu, khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Rừng đặc dụng (ha)		Rừng phòng hộ (ha)		Rừng sản xuất (ha)	
						Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng
1											
											
Tổng:											

**XÁC NHẬN CỦA KIỂM LÂM
PHỤ TRÁCH ĐỊA BÀN
(HOẶC CÁN BỘ NÔNG,
LÂM XÃ)⁴**

**ĐẠI DIỆN CHỦ RỪNG/NHÓM
HỘ/CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(4) Xác nhận về tính chính xác của: tên chủ rừng, địa chỉ, loại rừng và diện tích rừng được giao, cho thuê hoặc đang quản lý không có tranh chấp.

**PHƯƠNG ÁN NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN,
THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**
(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)

MỞ ĐẦU

Chương I
ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA CHỦ RỪNG

I. LOẠI HÌNH CHỦ RỪNG

1. Hộ gia đình/cá nhân (hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ), cộng đồng dân cư để xây dựng phương án.
2. Số lượng thành viên tham gia xây dựng phương án (trường hợp liên kết theo nhóm hộ).

II. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG, LOÀI CÂY DƯỢC LIỆU HIỆN CÓ TRONG RỪNG

1. Nêu đặc điểm chung về hiện trạng tài nguyên rừng của chủ rừng: hộ gia đình/cá nhân/nhóm hộ/cộng đồng dân cư.
2. Tổng diện tích rừng:ha, trong đó:
 - Rừng đặc dụng ...ha (rừng tự nhiên ...ha, rừng trồng ...ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu);
 - Rừng phòng hộ ...ha (rừng tự nhiên ...ha, rừng trồng ...ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu);
 - Rừng sản xuất ...ha (rừng tự nhiên ...ha, rừng trồng ...ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu).

Diện tích của từng thành viên nhóm hộ/cộng đồng dân cư, gồm: diện tích loại rừng được tổng hợp theo mẫu Biểu 01.

- Cây dược liệu hiện có trong rừng (thống kê các loài cây dược liệu chính):
.....

**Biểu 01: Tổng hợp diện tích rừng của hộ gia đình,
cá nhân hoặc nhóm hộ, cộng đồng dân cư**

Tên chủ rừng	Tổng diện tích (ha)	Rừng đặc dụng (ha) ¹	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)
(1)	(2=3+4+5)	(3)	(4)	(5)
.....				
.....				
Tổng				

(1) Đối với rừng tín ngưỡng do cộng đồng quản lý.

Chương II

KẾ HOẠCH NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN: Từ năm ... đến năm ...

II. KẾ HOẠCH NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

1. Đối với rừng đặc dụng

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh.

- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển.

- Phương thức trồng:

+ Phương thức trồng: phân tán hoặc theo đám dưới tán rừng;

+ Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo lô, khoảnh, tiểu khu,...) theo diện tích rừng của chủ rừng.

- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.

- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới đảm bảo không làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.

- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.

- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên kết) theo từng chủ rừng (theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

(Chi tiết thống kê theo mẫu Biểu 02)

2. Đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển.

- Phương thức trồng:

+ Phương thức trồng: trồng phân tán hoặc theo băng hoặc theo đám dưới tán rừng.

+ Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích nuôi, trồng phát triển cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo từng diện tích rừng của chủ rừng).

- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.
- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới đảm bảo không làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.
- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.
- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết) theo từng chủ rừng (theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

(Chi tiết thống kê theo mẫu Biểu 02)

Biểu 02: Dự kiến kế hoạch nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng

TT	Chủ rừng	Diện tích trồng (ha)	Loài cây trồng	Năm trồng	Chu kỳ canh tác dự kiến (năm)	Phương thức trồng	Khu vực
I. RỪNG ĐẶC DỤNG (nếu có):							
1	Cộng đồng Bản A, xã....., tỉnh/tp	2,5	...	2025	8	Phân tán	Lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh
2							
II. RỪNG PHÒNG HỘ (nếu có):							
1	Đình Văn B						
2							
III. RỪNG SẢN XUẤT (nếu có)							
1	Nguyễn Văn C						
2							
Tổng (I+II+III):							

III. KẾ HOẠCH THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

Nêu cụ thể các nội dung sau:

1. Diện tích dự kiến thu hoạch:ha theo chủ rừng (lô, khoảnh, tiểu khu).
2. Loài cây dược liệu dự kiến thu hoạch.
3. Phương thức thu hoạch dự kiến (thu hoạch toàn bộ cây; thu hái hoa, quả, củ, lá, thân,...).
4. Biện pháp quản lý cây dược liệu sau thu hoạch.

IV. KẾ HOẠCH BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG Ở KHU VỰC NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU

1. Diện tích rừng quản lý, bảo vệ.

2. Diện tích rừng áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp tác động) theo chủ rừng và theo địa danh lô, khoảnh, tiểu khu tại khu vực dự kiến nuôi trồng, phát triển cây dược liệu.

3. Diện tích áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trên diện tích nuôi, trồng phát triển sau khi thu hoạch cây dược liệu theo chủ rừng và theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu,...).

Chương III **TỔ CHỨC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nêu cụ thể nhiệm vụ của chủ rừng hoặc trưởng nhóm; ban quản lý nhóm (nếu có) và từng thành viên nhóm (trường hợp liên kết) để xây dựng và thực hiện phương án.

II. THEO DÕI KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Nội dung theo dõi đánh giá, giám sát bao gồm:

1. Kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân xã, cơ quan Kiểm lâm.
2. Kiểm tra, giám sát định kỳ đối với chủ rừng và thành viên nhóm (trường hợp tổ chức theo nhóm hộ).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN (nêu các giải pháp thực hiện phương án)

1. Về tổ chức nhóm (trường hợp tổ chức theo nhóm hộ gia đình), cộng đồng dân cư.
2. Hỗ trợ của cơ quan Kiểm lâm.
3. Kiến nghị đối với địa phương.

CHỦ RỪNG
ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ/CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển,
thu hoạch cây dược liệu trong rừng**
(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng.... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số (các quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, nếu có).....;

Căn cứ

Xét đề nghị của tại

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của.....(tên chủ rừng/nhóm hộ/cộng đồng dân cư) giai đoạn:.....với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên gọi của phương án: Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng của.....(tên chủ rừng) giai đoạn:.....

2. Phạm vi thực hiện của phương án: nêu địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu) hoặc số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, giao rừng, cho thuê đất của chủ rừng.

3. Thời gian thực hiện:...

4. Kế hoạch nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Rừng đặc dụng;
- Rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

b) Loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch.

c) Phương thức trồng, chu kỳ canh tác dự kiến.

d) Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu (tiểu khu, xã, tỉnh).

đ) Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng ở khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu.

- Diện tích rừng quản lý, bảo vệ; bảo tồn đa dạng sinh học (đối với rừng đặc dụng);

- Diện tích rừng dự kiến áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp lâm sinh tác động) trong khu vực nuôi, trồng phát triển cây dược liệu;

- Biện pháp lâm sinh dự kiến áp dụng đối với khu vực rừng sau khi thu hoạch cây dược liệu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của chủ rừng.

2. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn cấp xã.

3. Các phòng, ban và địa phương có liên quan.

4.

(Chi tiết thông tin tại phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng kèm theo).

Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

.....thống kê các cơ quan, cá nhân trực tiếp liên quan và.....(tên chủ rừng)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Các phòng cơ quan...;
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THÔNG TIN THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

1. Thông tin chung

- Tên chủ rừng/chủ nuôi, trồng cây dược liệu⁽¹⁾:.....
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CC/CMND/HC⁽²⁾:.....
- Địa chỉ chủ rừng⁽³⁾:.....
- Số điện thoại:.....; Địa chỉ Email:.....
- Khu vực thu hoạch⁽⁴⁾:.....
- Diện tích thu hoạch⁽⁵⁾:..... ha; Thời gian thu hoạch: từ..... đến.....

2. Thông tin cây dược liệu thu hoạch

TT	Vị trí			Tên loài cây dược liệu		Số lượng (bao, kiện...)	Khối lượng (kg hoặc tấn)	Ghi chú
	Lô	Khoảnh	Tiểu khu, xã, tỉnh	Tên thông thường	Tên khoa học			
01								
02								
...								
Tổng								

CHỦ DƯỢC LIỆU
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu
đối với tổ chức)

XÁC NHẬN CỦA CHỦ RỪNG
(ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHỦ DƯỢC LIỆU
KHÔNG PHẢI LÀ CHỦ RỪNG)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc ghi đầy đủ họ tên đối với cá nhân chủ rừng hoặc chủ nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu (trường hợp chủ rừng không là chủ nuôi, trồng cây dược liệu).

⁽²⁾ Ghi Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/mã số doanh nghiệp/giấy phép thành lập/dăng ký hoạt động đối với tổ chức; số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu đối với cá nhân.

⁽³⁾ Ghi rõ địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập/dăng ký hoạt động với tổ chức; địa chỉ thường trú trên chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu đối với cá nhân.

⁽⁴⁾ Ghi khu vực thu hoạch cây dược liệu (tiểu khu, xã, tỉnh/thành phố).

⁽⁵⁾ Ghi diện tích khu vực dự kiến thu hoạch.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
BQL RỪNG/TÊN CHỦ RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../HĐ-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG
Để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng
(tên khu rừng)
Số:năm/HĐ-CTMTR

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;

Các căn cứ của pháp luật khác có liên quan.....;

Căn cứ Quyết định số về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững khu rừng giai đoạn.....;

Căn cứ Quyết định số về việc phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng;

Liệt kê các văn bản hành chính có liên quan đến việc cho thuê môi trường rừng có liên quan đến hợp đồng;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng ... năm tại, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê môi trường rừng là:..... (Bên

A)

- Do ông (bà): (Ghi họ tên, chức vụ, cơ quan) làm đại diện.

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Tài khoản số:.....; tại Kho bạc Nhà nước

- Mã số thuế:

- Điện thoại:

II. Bên thuê môi trường rừng là: (Bên

B)

Doông/bà Số CCCD/CC: làm đại diện (*đối với cá nhân*).

Do ông (bà): (*Ghi họ tên, chức vụ, cơ quan đối với tổ chức*) làm đại diện.

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Tài khoản số:; tại

- Mã số thuế:

- Điện thoại:

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Nội dung:

1. Diện tích cho thuê môi trường rừng:m² (hoặc ha) (*ghi rõ bằng số và bằng chữ*), cụ thể:

- Địa điểm (khu vực) cho thuê môi trường rừng (theo số thứ tự được ghi trong phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng và tên địa điểm).

- Vị trí: thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, phân khu (*đối với khu rừng đặc dụng có chia phân khu*), thuộc địa giới hành chính của xã, tỉnh.

- Vị trí, ranh giới, đặc điểm, hiện trạng tài nguyên rừng được ghi trong biểu đồ, bản đồ, báo cáo thống kê hiện trạng kèm theo và kết quả bàn giao ranh giới của hiện trường để làm căn cứ cho thuê môi trường rừng, kiểm tra, giám sát theo quy định.

2. Mục đích: để sử dụng vào mục đích nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu và bảo vệ, phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng.

3. Thời gian cho thuê môi trường rừng: năm (không quá 10 năm), kể từ ngày ký hợp đồng (*ghi rõ ngày, tháng, năm*), hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu gia hạn thì chủ rừng xem xét tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê; thời gian kéo dài không quá 2/3 thời gian thuê lần đầu.

4. Nguyên tắc cho thuê môi trường rừng:

- Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về xác định, kê khai doanh thu thực hiện trong phạm vi thuê môi trường rừng.

- Việc cho thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu không làm thay đổi quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất của khu vực cho thuê.

- Đơn vị thuê môi trường rừng không được xâm hại tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất trong khu vực được thuê.

- Việc sử dụng diện tích trong khu vực thuê môi trường rừng để tổ chức hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu phải thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ về Quy chế quản lý rừng.

- Không được chuyển quyền sử dụng đất lâm nghiệp, diện tích rừng.

- Chỉ được thu hoạch các sản phẩm của cây dược liệu từ các hoạt động nuôi, trồng phát triển cây dược liệu theo phương án được duyệt; không lợi dụng hoạt động nuôi, trồng phát triển cây dược liệu để thu hoạch cây dược liệu tự nhiên trong rừng; sản phẩm cây dược liệu sau khi thu hoạch phải được vận chuyển ra khỏi rừng, không được ngâm, ủ, sấy, bảo quản và chế biến cây dược liệu trong rừng.

- Các trường hợp vi phạm phải được xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

5. Nguyên tắc tổ chức hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

Thực hiện theo nguyên tắc được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (Điều 32a).

Điều 2. Giá cho thuê môi trường rừng và phương thức thanh toán

1. Giá cho thuê môi trường rừng theo hợp đồng này là ...% trên tổng doanh thu hàng năm của hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong khu vực cho thuê môi trường rừng. Tương ứng với phương án kinh doanh ghi trong hồ sơ đăng ký của Bên B tính ra giá trị tuyệt đối là..... (a) đồng.

Trường hợp sau khi ký hợp đồng, tỷ lệ phần trăm doanh thu theo thực tế thấp hơn mức giá trị(a) đồng nêu trên, thì bên B thanh toán đủ cho Bên A số tiền (a) đồng.

2. Tiền thuê môi trường rừng được tính kể từ ngày..... và Bên B cam kết thời gian đi vào hoạt động có doanh thu theo đúng hồ sơ đăng ký.

3. Phương thức và thời hạn nộp tiền thuê môi trường rừng: Chuyển khoản một lần trong thời hạn 10 ngày sau khi có báo cáo quyết toán thuế hàng năm được cơ quan thuế xác nhận. Tiền nộp thuế doanh nghiệp theo quy định phải nộp tại cơ quan thuế(ghi cụ thể cơ quan thuế Bên B nộp).

4. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

5. Ngoài tiền thuê môi trường rừng, bên thuê môi trường rừng khi thực hiện các hoạt động tại Điều 1 còn phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo các quy định của Nhà nước.

Điều 3. Về nguồn vốn đầu tư

Toàn bộ nguồn vốn thực hiện dự án..... do bên thuê môi trường rừng đầu tư.

Điều 4. Quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ các bên

1. Quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ Bên A:

a) Quyền lợi:

Được thụ hưởng đầy đủ tiền cho thuê môi trường rừng theo đúng quy định như hợp đồng đã ký kết.

b) Trách nhiệm và nghĩa vụ:

Bên A đảm bảo việc sử dụng diện tích cho thuê môi trường rừng của Bên B trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng môi trường rừng đối với diện tích trong hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có quyết định thu hồi theo quy định của pháp luật.

Cung cấp bản đồ và xác định rõ cho Bên B biết về ranh giới, hiện trạng rừng, diện tích đất lâm nghiệp, loại rừng, số lượng, vị trí trên bản đồ và ngoài thực địa; hướng dẫn Bên B xây dựng hệ thống mốc giới xung quanh khu vực cho thuê môi trường rừng theo ranh giới và số hiệu mốc giới đã được xác định trên bản đồ và cắm mốc ngoài thực địa (*đính kèm Biên bản bàn giao ranh giới, hiện trạng rừng*).

Phối hợp trong công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng đối với khu vực cho thuê môi trường rừng, bảo đảm rừng được bảo vệ và phát triển theo chức năng của khu rừng.

Phối hợp với bên thuê môi trường rừng trong công tác: tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về lâm nghiệp, bảo vệ môi trường. Thường xuyên hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát các khu vực có nguy cơ phát sinh các hành vi tác động gây ảnh hưởng xấu và xâm hại đến rừng.

Ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin vào công tác quản lý, theo dõi diễn biến rừng, kiểm tra phương án, kế hoạch phòng chống cháy rừng và cập nhật tình hình bảo vệ, phát triển rừng trong khu vực cho thuê môi trường rừng.

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thực thi hợp đồng đối với hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong khu vực cho thuê môi trường rừng; kịp thời chấn chỉnh những sai sót, xử lý đúng quy định các vi phạm liên quan đến bảo vệ, phát triển rừng và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Trách nhiệm và nghĩa vụ khác (*do hai bên thỏa thuận*).

2. Quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ Bên B

a) Quyền lợi:

Được sử dụng môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo đúng quy định của pháp luật.

Được sử dụng, khai thác, định đoạt các tài sản hình thành trên đất do Bên B đầu tư trong khu vực thuê môi trường rừng và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

b) Trách nhiệm và nghĩa vụ:

Sử dụng khu vực thuê môi trường rừng phải phù hợp với mục đích sử dụng đã được phê duyệt trong phương án quản lý rừng bền vững và phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu của khu rừng được phê duyệt và quy định của pháp luật.

Phối hợp với Bên A để được hướng dẫn xây dựng hệ thống mốc giới xung quanh khu vực thuê môi trường rừng theo ranh giới và số hiệu mốc giới đã được xác định trên bản đồ, ngoài thực địa để nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu.

Thực hiện đúng quy định các nội dung, hoạt động theo Quy chế quản lý rừng. Chịu trách nhiệm bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và có kế hoạch, báo cáo công tác phát triển rừng đối với khu vực thuê môi trường rừng.

Xây dựng hệ thống thu gom rác thải; xử lý nước thải, vận chuyển rác thải theo đúng quy định. Hệ thống nước thải bắt buộc phải xử lý theo đúng tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học khu vực thuê môi trường rừng; có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn rừng trong khu vực được thuê; chấp hành quy định của pháp luật, chịu sự giám sát và thực hiện nội quy của chủ rừng.

Hàng năm thực hiện việc trả đủ tiền thuê môi trường rừng cho chủ rừng và đúng thời hạn.

Ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu, tuyên truyền về bảo vệ, phát triển rừng; có trách nhiệm tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư địa phương tham gia vào các dịch vụ, ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

Trách nhiệm và nghĩa vụ khác *(do hai bên thỏa thuận)*.

Điều 5. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng cho thuê môi trường rừng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn cho thuê môi trường rừng mà các bên không thống nhất tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê hoặc Bên A xét thấy Bên B không đủ năng lực đáp ứng kéo dài thời gian thuê môi trường rừng;

- Bên thuê môi trường rừng không có nhu cầu, bị phá sản, giải thể, chuyển nhượng hợp đồng;

- Bên thuê môi trường rừng không thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, gây thiệt hại đến đất, rừng trong việc bảo vệ và phát triển rừng,

phòng cháy chữa cháy rừng và đến các tài nguyên, tài sản khác tại khu vực thuê;

- Do bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, rừng theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về lâm nghiệp;

- Kể từ ngày ký hợp đồng, nếu sau tháng mà Bên B không đi vào hoạt động có doanh thu thì Bên A đơn phương thông báo chấm dứt hợp đồng. Bên B phải giải quyết tài sản đã đầu tư trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ra thông báo. Nếu sau thời hạn 12 tháng mà Bên B không giải quyết tài sản đã đầu tư thì Bên A sẽ cưỡng chế theo quy định.

- Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận theo quy định hiện hành.

Điều 6. Khiếu nại, tranh chấp

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm hợp đồng thì hai bên sẽ tự giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết được, hai bên sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành. Mọi phí tổn sẽ do bên vi phạm chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 7. Điều khoản chung

1. Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Bên A và Bên B cam kết rằng người đại diện của mỗi bên ký tên dưới đây là có đầy đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng và thông báo chấm dứt hợp đồng này theo đúng quy định pháp luật.

2. Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

3. Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản và gửi đến cơ quan thuế để xác định mức thu tiền cho thuê môi trường rừng 01 bản, kho bạc nhà nước nơi thu tiền cho thuê môi trường rừng 01 bản.

Cam kết khác (nếu có).

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

BÊN CHO THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

Phụ lục IB⁴
CÁC MẪU VỀ QUY CHẾ QUẢN LÝ RỪNG
(Kèm theo Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị thành lập khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ
Mẫu số 02	Phương án thành lập khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ
Mẫu số 03	Quyết định thành lập khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ
Mẫu số 04	Tờ trình đề nghị điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ của chủ rừng
Mẫu số 05	Văn bản đề nghị điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ
Mẫu số 06	Phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ của chủ rừng
Mẫu số 07	Tờ trình đề nghị điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ của cơ quan có thẩm quyền
Mẫu số 08	Quyết định phê duyệt điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ
Mẫu số 09	Tờ trình đề nghị điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng của chủ rừng
Mẫu số 10	Phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng
Mẫu số 11	Tờ trình đề nghị điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng của cơ quan có thẩm quyền
Mẫu số 12	Quyết định điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng
Mẫu số 13	Thuyết minh đánh giá sơ bộ hiện trạng rừng, khả năng tổ chức thực hiện và các loại sản phẩm, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Mẫu số 14	Tờ trình đề nghị phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của chủ rừng
Mẫu số 15	Quyết định phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
Mẫu số 16	Tờ trình đề nghị phê duyệt đề án đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên trên phạm vi tỉnh/vùng/cả nước
Mẫu số 17	Đề án đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên trên phạm vi tỉnh/vùng/cả nước
Mẫu số 18	Quyết định phê duyệt đề án đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên trên phạm vi tỉnh/vùng/cả nước

⁴ Phụ lục IB được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 34 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 01

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM/
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

Số: .../TTTr-...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thành lập khu rừng ____ [ghi tên khu rừng]

Kính gửi: (1).....

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi, bổ sung các năm 2023, 2024 và 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số... ngày ...tháng...năm...;

Căn cứ Quy hoạch tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số... ngày ...tháng...năm...;

Các căn cứ của pháp luật khác và các văn bản có liên quan.

..... (2) kính trình ...(1)... xem xét phê duyệt phương án thành lập khu rừng ____ [ghi tên khu rừng] với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên gọi khu rừng: Khu rừng ____ [ghi tên khu rừng].

2. Địa điểm: xã ..., tỉnh...

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

b) Mục tiêu cụ thể

4. Phạm vi ranh giới, diện tích, địa giới

- Phạm vi ranh giới:

Khu rừng ____ [ghi tên khu rừng] có tổng diện tích ... ha (bao gồm: đất có

rừng tự nhiên: ... ha; đất có rừng trồng: ... ha; đất chưa có rừng ... ha; đất mặt nước: ... ha; đất chưa sử dụng: ... ha và đất khác: ... ha,...) nằm trên địa bàn các xã: ..., tỉnh ... Phạm vi ranh giới như sau:

- Tọa độ địa lý: Từ ...⁰...’...” đến ...⁰...’...” Vĩ độ Bắc và từ ...⁰...’...” đến ...⁰...’...” Kinh độ Đông.

- Về địa giới:

Phía Bắc giáp xã ..., tỉnh...

Phía Nam giáp xã ..., tỉnh...

Phía Đông giáp xã ..., tỉnh...

Phía Tây giáp xã ..., tỉnh...

5. Các phân khu chức năng (đối với khu rừng đặc dụng):

Phân khu chức năng của Khu rừng___[ghi tên khu rừng] gồm:

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: ha;
- Phân khu phục hồi sinh thái: ha;
- Phân khu dịch vụ, hành chính: ha.

6. Vùng đệm (đối với khu rừng đặc dụng):

Tổng diện tích vùng đệm của Khu rừng___[ghi tên khu rừng] là ... ha thuộc các xã..., tỉnh/thành phố.....

Ranh giới vùng đệm gồm các thôn:..., xã...; thôn..., xã.....

7. Các chương trình hoạt động

Tùy từng loại rừng cụ thể, có thể xem xét các chương trình hoạt động sau:

- a) Chương trình bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng.
- b) Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và phòng trừ sinh vật gây hại rừng.
- c) Quản lý bảo tồn đa dạng sinh học:
 - Đa dạng thực vật rừng;
 - Đa dạng động vật rừng;
 - Cứu hộ, phát triển sinh vật rừng;
 - Chương trình bảo tồn nguồn gen sinh vật rừng đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm;
 - Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm.
- d) Chương trình nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo.
- đ) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
- e) Hoạt động phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng và hoạt động

sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp (đối với khu rừng phòng hộ).

g) Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu quản lý khu rừng.

h) Chương trình theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học.

i) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

k) Chương trình hợp tác quốc tế.

l) Chương trình ổn định đời sống dân cư vùng đệm (đối với khu rừng đặc dụng).

m) Các chương trình hoạt động khác (nếu có).

8. Khái toán vốn đầu tư

9. Giải pháp thực hiện Phương án

10. Hồ sơ kèm theo, gồm:

- Thuyết minh phương án thành lập Khu rừng____[ghi tên khu rừng], bao gồm bản đồ;

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với khu rừng nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên) hoặc văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với khu rừng nằm trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương);

- Báo cáo thẩm định phương án thành lập của Hội đồng thẩm định.

(Xin gửi kèm theo dự thảo Quyết định và hồ sơ liên quan)

...(2)... báo cáo và kính trình ...(1)... xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu: VT,

**CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM/
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

*** Ghi chú:**

(1) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với khu rừng nằm trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(2) Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đối với khu rừng nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng nằm trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP KHU RỪNG ĐẶC DỤNG HOẶC KHU RỪNG PHÒNG HỘ

MỞ ĐẦU

Khái quát chung về tầm quan trọng của các hệ sinh thái tự nhiên của khu rừng; các giá trị của nguồn gen sinh vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm có phân bố tự nhiên trong khu vực này, hoặc là hành lang di chuyển của chúng; chức năng phòng hộ của khu rừng. Nêu bật được sự cần thiết phải xây dựng phương án thành lập khu rừng.

Chương I CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

II. CĂN CỨ KHOA HỌC

Nêu các nghiên cứu khoa học có liên quan.

III. CƠ SỞ THỰC TIỄN

IV. CAM KẾT QUỐC TẾ

V. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Tài liệu liên quan đến hiện trạng rừng, hiện trạng sử dụng đất, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương
2. Các tài liệu điều tra chuyên đề của khu rừng
3. Bản đồ: bản đồ hiện trạng rừng và hiện trạng sử dụng đất, bản đồ giao đất, giao rừng, các loại bản đồ chuyên đề khác có liên quan
4. Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng có liên quan của quy hoạch tỉnh
5. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, kế hoạch sử dụng đất của địa phương
6. Các tài liệu khác có liên quan

Chương II ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG

1. Vị trí địa lý, địa hình
2. Khí hậu

3. Thủy văn

4. Địa chất và thổ nhưỡng

II. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Dân số, dân tộc, lao động

2. Kinh tế: những hoạt động kinh tế chính của địa phương, thu nhập và đời sống của dân cư; những tác động, ảnh hưởng đến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học

3. Xã hội: thực trạng văn hóa, y tế, giáo dục và tri thức bản địa trong việc sử dụng gỗ, lâm sản ngoài gỗ của người dân địa phương

III. GIAO THÔNG

1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực

2. Hệ thống giao thông đường thủy

Phân tích, đánh giá những ảnh hưởng của hệ thống giao thông tới công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, chức năng phòng hộ của khu rừng và công tác bảo tồn đa dạng sinh học.

Chương III

HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CÁC GIÁ TRỊ HỆ SINH THÁI RỪNG

I. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ CÁC GIÁ TRỊ HỆ SINH THÁI RỪNG

1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng

2. Đặc điểm các hệ sinh thái tự nhiên; tính kết nối của khu rừng với các hệ sinh thái tự nhiên khác

3. Các giá trị về đa dạng sinh học của hệ sinh thái, loài, nguồn gen; các loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc đặc hữu

4. Giá trị về cảnh quan, lịch sử, văn hóa, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

5. Tiềm năng, giá trị phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và cung ứng dịch vụ môi trường rừng

6. Các chức năng phòng hộ quan trọng và bảo vệ cảnh quan, môi trường (đối với khu rừng phòng hộ)

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của các chủ quản lý

2. Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước tại khu vực xây dựng phương án

III. ĐÁNH GIÁ SỰ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP KHU RỪNG

Thuyết minh đánh giá sự đáp ứng các tiêu chí thành lập khu rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 6 hoặc các tiêu chí thành lập khu rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Chương IV MỤC TIÊU, PHẠM VI, RANH GIỚI VÀ NỘI DUNG THÀNH LẬP

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung
2. Mục tiêu cụ thể

II. PHẠM VI, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU RỪNG

1. Ranh giới đề xuất thành lập khu rừng thể hiện trên bản đồ (tỷ lệ phù hợp)
2. Tổng diện tích khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ

Nêu chính xác tổng diện tích khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ và thuyết minh làm rõ nguồn gốc rừng, thể hiện cụ thể ở bảng sau:

Diện tích khu rừng đặc dụng hoặc rừng phòng hộ (ha)	Nguồn gốc			Ghi chú
	Từ loại rừng đặc dụng	Từ loại rừng phòng hộ	Từ loại rừng sản xuất	
Tổng				
Khu vực 1				
Khu vực 2				
.....				

Nguồn số liệu:.....

3. Cơ cấu và xác định phân khu chức năng: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt; phân khu phục hồi sinh thái; phân khu dịch vụ, hành chính (đối với khu rừng đặc dụng)

4. Xác định vùng đệm theo quy định tại khoản 25 Điều 2 Luật Lâm nghiệp và các chương trình hoạt động, dự án ổn định đời sống dân cư vùng đệm, giải pháp thực hiện, tổ chức quản lý (đối với khu rừng đặc dụng)

5. Cơ cấu diện tích các loại rừng theo chức năng phòng hộ

III. PHÂN KHU CHỨC NĂNG (ĐỐI VỚI KHU RỪNG ĐẶC DỤNG)

1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: xác định theo tiêu chí quy định tại điểm a khoản 7 Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung năm 2026

2. Phân khu phục hồi sinh thái: xác định theo tiêu chí quy định tại điểm b khoản 7 Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung năm 2026

3. Phân khu dịch vụ, hành chính: xác định theo tiêu chí quy định tại điểm c khoản 7 Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung năm 2026

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG

Tùy từng loại rừng cụ thể, có thể xem xét các chương trình hoạt động sau:

1. Chương trình bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng
2. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và phòng trừ sinh vật gây hại rừng
3. Quản lý bảo tồn đa dạng sinh học
 - a) Đa dạng thực vật rừng
 - b) Đa dạng động vật rừng
 - c) Cứu hộ, phát triển sinh vật rừng
 - d) Chương trình bảo tồn nguồn gen sinh vật rừng đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm
 - đ) Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm
4. Chương trình nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo
5. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
6. Hoạt động phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng và hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp (đối với khu rừng phòng hộ)
7. Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu quản lý khu rừng
8. Chương trình theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học
9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật
10. Chương trình hợp tác quốc tế
11. Chương trình ổn định đời sống dân cư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng
12. Các chương trình hoạt động khác (nếu có)

V. KHÁI TOÁN VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

1. Tổng hợp nhu cầu vốn theo các chương trình, hoạt động của phương án thành lập khu rừng và phân kỳ đầu tư
2. Kinh phí thường xuyên phục vụ hoạt động bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng bền vững
3. Dự kiến nguồn vốn: ngân sách nhà nước, ODA, dịch vụ môi trường rừng, xã hội hóa, ...
4. Hiệu quả: môi trường, xã hội, kinh tế

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan chủ trì, đơn vị phối hợp
2. Tiến độ, lộ trình thực hiện
3. Kiểm tra, giám sát và cập nhật phương án

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Những nội dung cơ bản có tính chất tổng hợp nhất đã được xác định trong phương án. Việc thực hiện phương án sẽ đạt được những kết quả mong muốn.
2. Để thực hiện phương án đạt mục tiêu đề ra, những vấn đề khó khăn phải kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền để tháo gỡ hoặc cần phải bổ sung cơ chế, chính sách.

PHỤ LỤC

BẢN ĐỒ: Bản đồ hiện trạng rừng của khu rừng dự kiến thành lập bằng bản số và bản giấy tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000 hoặc 1:25.000 theo TCVN 11565:2016 tùy theo quy mô diện tích của khu rừng, thể hiện rõ phạm vi, ranh giới, phân khu chức năng (đối với khu rừng đặc dụng là vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên và khu bảo tồn loài - sinh cảnh).

UBND TỈNH (TP)/BỘ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập khu rừng___ [ghi tên khu rừng]

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP)/BỘ TRƯỞNG BỘ...

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi, bổ sung các năm 2023, 2024 và 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số... ngày ...tháng...năm...;

Căn cứ Quy hoạch tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số... ngày ...tháng...năm...;

Các căn cứ của pháp luật khác và các văn bản có liên quan;

Xét đề nghị của ...(1)... tại Tờ trình số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc thành lập khu rừng___[ghi tên khu rừng].

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ ___[ghi tên khu rừng].

1. Tên gọi khu rừng: Khu rừng___[ghi tên khu rừng].

2. Địa điểm: xã ..., tỉnh...

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

b) Mục tiêu cụ thể

4. Phạm vi ranh giới, diện tích, địa giới

- Phạm vi ranh giới:

Khu rừng___[ghi tên khu rừng] có tổng diện tích ... ha (bao gồm: đất có rừng tự nhiên: ... ha; đất có rừng trồng: ... ha; đất chưa có rừng: ... ha; đất mặt nước: ... ha; đất chưa sử dụng: ... ha và đất khác: ... ha,...) nằm trên địa bàn các xã: ..., tỉnh... Phạm vi ranh giới như sau:

- Tọa độ địa lý: Từ ...⁰...’...” đến ...⁰...’...” Vĩ độ Bắc và từ ...⁰...’...” đến ...⁰...’...” Kinh độ Đông.

- Về địa giới:

Phía Bắc giáp xã ..., tỉnh...

Phía Nam giáp xã ..., tỉnh...

Phía Đông giáp xã ..., tỉnh...

Phía Tây giáp xã ..., tỉnh...

5. Các phân khu chức năng (đối với khu rừng đặc dụng):

Phân khu chức năng khu rừng đặc dụng: Khu rừng___[ghi tên khu rừng] gồm:

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: ha;

- Phân khu phục hồi sinh thái: ha;

- Phân khu dịch vụ, hành chính: ha.

6. Vùng đệm (đối với khu rừng đặc dụng):

Tổng diện tích vùng đệm của Khu rừng___[ghi tên khu rừng] là ... ha thuộc các xã,... tỉnh/thành phố.....

Ranh giới vùng đệm gồm các thôn:..., xã...; thôn..., xã...

7. Các chương trình hoạt động

Tùy từng loại rừng cụ thể, có thể xem xét các chương trình hoạt động sau:

a) Chương trình bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng

b) Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và phòng trừ sinh vật gây hại rừng

c) Quản lý bảo tồn đa dạng sinh học:

- Đa dạng thực vật rừng

- Đa dạng động vật rừng

- Cứu hộ, phát triển sinh vật rừng

- Chương trình bảo tồn nguồn gen sinh vật rừng đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm

- Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm

d) Chương trình nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo

đ) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái,

nghi dưỡng, giải trí

e) Hoạt động phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng và hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp (đối với khu rừng phòng hộ)

g) Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu quản lý khu rừng

h) Chương trình theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học

i) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

k) Chương trình hợp tác quốc tế

l) Chương trình ổn định đời sống dân cư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng

m) Các chương trình hoạt động khác (nếu có).

8. Khái toán vốn đầu tư

9. Giải pháp thực hiện Phương án

10. Định hướng tổ chức bộ máy quản lý (nếu có)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở/cơ quan.....

2. Chủ rừng:.....

3.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng bộ/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố; Cục trưởng Cục chuyên môn thuộc bộ/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường/cơ quan chuyên môn trực thuộc bộ, ngành được giao tiếp nhận hồ sơ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

-

- Các Sở/cơ quan...;

- ...

CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH/

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

*** Ghi chú:** (1) Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đối với khu rừng dự kiến thành lập nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng dự kiến thành lập nằm trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN CHỦ RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt phương án điều chỉnh ranh giới,
diện tích khu rừng ____ [ghi tên khu rừng]

Kính gửi: (1).....

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi, bổ sung các năm 2023, 2024 và 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày .../.../... của [cơ quan phê duyệt] về việc thành lập khu rừng ____ [ghi tên khu rừng];

Căn cứ Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số... ngày ...tháng...năm...;

Căn cứ Quy hoạch tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số... ngày ...tháng...năm...;

Các căn cứ của pháp luật khác và các văn bản có liên quan.

(Tên chủ rừng) kính trình ...(1)... thẩm định, trình ...(2)... xem xét phê duyệt phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng ____ [ghi tên khu rừng] với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên khu rừng: [ghi rõ tên đầy đủ]

2. Địa điểm: [xã, tỉnh].

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

b) Mục tiêu cụ thể

4. Phạm vi, ranh giới, diện tích khu rừng (theo Thuyết minh Phương án)

5. Thuyết minh các chương trình, hoạt động, dự án đối với diện tích điều chỉnh về địa phương quản lý, sử dụng

6. Đánh giá hiệu quả và tác động dự kiến

- Đánh giá hiệu quả môi trường: bảo tồn đa dạng sinh học, ổn định hệ sinh thái, giảm suy thoái rừng.

- Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội: tạo điều kiện cho phát triển du lịch sinh thái, nghiên cứu, giáo dục, tăng thu nhập cho cộng đồng vùng đệm.

- Nhận định tác động pháp lý và quản lý sau điều chỉnh: thống nhất ranh giới, rõ trách nhiệm quản lý, thuận lợi cho giám sát và đầu tư.

7. Hồ sơ kèm theo gồm

- Thuyết minh phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng ____ [*ghi tên khu rừng*];

- Các loại bản đồ theo quy định:.....;

____ [*ghi tên chủ rừng*] kính trình ...(1)... thẩm định, trình ...(2)... xem xét, phê duyệt phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng ____ [*ghi tên khu rừng*].

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,

CHỦ RỪNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

* Ghi chú:

(1) Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.

(2) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.

Mẫu số 05**UBND⁽¹⁾****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../-...

V/v đề nghị điều chỉnh ranh giới, diện
tích khu rừng___[ghi tên khu rừng]

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi⁽²⁾: ...

...(1)... đề nghị ...(2)... xem xét điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng___[ghi tên khu rừng], cụ thể như sau:

1. Phạm vi đề nghị điều chỉnh:

- Tổng diện tích đề nghị điều chỉnh là (ha), tại các khu vực (*lập bảng ghi cụ thể diện tích của từng khu vực đề nghị điều chỉnh thuộc địa giới hành chính xã, tỉnh*).

- Ranh giới: ... (*ghi vị trí, ranh giới, tọa độ*) (được thể hiện cụ thể tại bản đồ số và bản đồ giấy⁽³⁾ kèm theo Văn bản này).

2. Mục tiêu điều chỉnh⁽⁴⁾:

3. Sự cần thiết điều chỉnh⁽⁵⁾:

4. Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh⁽⁶⁾:
.....

5. Cam kết tổ chức tiếp nhận nguyên trạng, quản lý, sử dụng diện tích được điều chỉnh nêu trên của khu rừng___[ghi tên khu rừng] theo đúng Quy chế quản lý rừng và Phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng___[ghi tên khu rừng] được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài liệu kèm theo:

- Thuyết minh đề nghị điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng___[ghi tên khu rừng];
- Bản đồ số và bản đồ giấy thể hiện phạm vi điều chỉnh;
- Các tài liệu khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ rừng;
-;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)*

*** Ghi chú:**

(1) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.

(2) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.

(3) Bản đồ hiện trạng khu rừng trước khi điều chỉnh và bản đồ hiện trạng rừng khu rừng sau khi điều chỉnh (có thể hiện ranh giới, diện tích điều chỉnh) bằng bản số và bản giấy tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000 hoặc 1:25.000 theo TCVN 11565:2016 tùy theo quy mô diện tích của khu rừng.

(4) Ví dụ: Giải quyết tranh chấp, chồng lấn diện tích rừng, đất lâm nghiệp, giải quyết đất ở, sản xuất của người dân hoặc nhằm mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương...

(5) Nêu rõ: Hiện trạng tranh chấp, chồng lấn diện tích rừng, đất lâm nghiệp (nếu có); nhu cầu giải quyết đất ở, sản xuất của người dân (nếu có); mục tiêu, thông tin về các chương trình, hoạt động, dự án đang thực hiện hoặc dự kiến thực hiện (nếu có) đối với phần ranh giới, diện tích tại từng khu vực đề nghị điều chỉnh về địa phương quản lý, sử dụng.

(6) Đánh giá sự phù hợp của phần ranh giới, diện tích đề nghị điều chỉnh đối với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh.

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU RỪNG ĐẶC DỤNG HOẶC KHU RỪNG PHÒNG HỘ

MỞ ĐẦU

Khái quát chung và nêu bật được sự cần thiết phải xây dựng phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng.

Chương I CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

II. CĂN CỨ KHOA HỌC

Các báo cáo nghiên cứu khoa học có liên quan

III. CƠ SỞ THỰC TIỄN

IV. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Tài liệu liên quan đến hiện trạng rừng, hiện trạng sử dụng đất, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương
2. Các tài liệu điều tra chuyên đề của khu rừng
3. Bản đồ: bản đồ hiện trạng rừng và hiện trạng sử dụng đất, bản đồ giao đất, giao rừng, các loại bản đồ chuyên đề khác có liên quan
4. Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; bản đồ phương án khoanh vùng, phân bổ đất đai, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng có liên quan trong Quy hoạch tỉnh
5. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, kế hoạch sử dụng đất của địa phương
6. Các tài liệu khác có liên quan

Chương II HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CÁC GIÁ TRỊ HỆ SINH THÁI RỪNG PHẦN DIỆN TÍCH ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH CỦA KHU RỪNG

I. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ CÁC GIÁ TRỊ HỆ SINH THÁI RỪNG PHẦN DIỆN TÍCH ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH

1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng
2. Đặc điểm các hệ sinh thái tự nhiên; tính kết nối của khu rừng với các hệ sinh thái tự nhiên khác
3. Các giá trị đa dạng sinh học của hệ sinh thái, loài, nguồn gen; các loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc đặc hữu

4. Giá trị về cảnh quan, lịch sử, văn hóa, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

5. Tiềm năng, giá trị phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và cung ứng dịch vụ môi trường rừng

6. Các chức năng phòng hộ quan trọng và bảo vệ cảnh quan, môi trường

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của các chủ quản lý

2. Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước tại khu vực xây dựng phương án điều chỉnh

III. ĐÁNH GIÁ SỰ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG PHÒNG HỘ ĐỐI VỚI DIỆN TÍCH KHU RỪNG SAU ĐIỀU CHỈNH

Thuyết minh đánh giá sự đáp ứng các tiêu chí rừng đặc dụng hoặc rừng phòng hộ đối với diện tích còn lại của khu rừng sau điều chỉnh theo quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Chương III

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU RỪNG

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

Ví dụ: *Giải quyết tranh chấp, chồng lấn diện tích rừng, đất lâm nghiệp, giải quyết đất ở, sản xuất của người dân hoặc nhằm mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý).*

II. PHẠM VI, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU RỪNG

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Tổng diện tích điều chỉnh là (ha), tại các khu vực *(ghi cụ thể diện tích của từng khu vực điều chỉnh thuộc địa giới hành chính xã, tỉnh).*

- Ranh giới: ... *(ghi vị trí, ranh giới, tọa độ)* (được thể hiện cụ thể tại bản đồ số và bản đồ giấy của Phương án này).

2. Ranh giới, diện tích khu rừng sau khi điều chỉnh

- Tổng diện tích khu rừng sau điều chỉnh là (ha), tại các khu vực *(ghi cụ thể thuộc địa giới hành chính xã, tỉnh).*

- Ranh giới: ... *(ghi vị trí, ranh giới, tọa độ)* (được thể hiện cụ thể tại bản

đồ số và bản đồ giấy của Phương án này).

3. Cơ cấu và xác định diện tích, ranh giới phân khu của khu rừng đặc dụng sau điều chỉnh: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt; phân khu phục hồi sinh thái; phân khu dịch vụ, hành chính bảo đảm đáp ứng tiêu chí của từng phân khu chức năng theo quy định.

4. Xác định vùng đệm của khu rừng đặc dụng sau điều chỉnh theo quy định tại khoản 25 Điều 2 Luật Lâm nghiệp và các chương trình, hoạt động, dự án ổn định đời sống dân cư vùng đệm, giải pháp thực hiện, tổ chức quản lý.

5. Cơ cấu diện tích các loại rừng theo chức năng phòng hộ của khu rừng sau điều chỉnh (đối với điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ).

III. THUYẾT MINH CÁC CHƯƠNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG, DỰ ÁN ĐỐI VỚI DIỆN TÍCH ĐIỀU CHỈNH VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Thông kê, thuyết minh nêu rõ mục tiêu, xác định rõ các chương trình, hoạt động, dự án thực hiện đối với phần ranh giới, diện tích tại từng khu vực đề nghị điều chỉnh về địa phương quản lý, sử dụng.

(Chủ rừng tổng hợp từ hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chuyển đến đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuyển đến đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

V. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG DỰ KIẾN

1. Đánh giá hiệu quả môi trường: bảo tồn đa dạng sinh học, ổn định hệ sinh thái, giảm suy thoái rừng.

2. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội: tạo điều kiện cho phát triển du lịch sinh thái, nghiên cứu, giáo dục, tăng thu nhập cho cộng đồng vùng đệm.

3. Nhận định tác động pháp lý và quản lý sau điều chỉnh: thống nhất ranh giới, rõ trách nhiệm quản lý, thuận lợi cho giám sát và đầu tư.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan chủ trì, đơn vị phối hợp

2. Tiến độ, lộ trình thực hiện

3. Kiểm tra, giám sát và cập nhật phương án

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

2. Kiến nghị

PHỤ LỤC

BẢN ĐỒ: Bản đồ hiện trạng khu rừng trước khi điều chỉnh và bản đồ hiện trạng khu rừng sau khi điều chỉnh (*có thể hiện ranh giới, diện tích điều chỉnh*) bằng bản số và bản giấy tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000 hoặc 1:25.000 theo TCVN 11565:2016 tùy theo quy mô diện tích của khu rừng, thể hiện rõ phạm vi, ranh giới, phân khu chức năng (đối với khu rừng đặc dụng là vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên và khu bảo tồn loài - sinh cảnh).

Mẫu số 07

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ QUAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh ranh giới,
diện tích khu rừng** *[ghi tên khu rừng]*

Kính gửi: (1).....

...(2)... nhận được Tờ trình số .../TTTr-... ngày .../.../20.. về việc đề nghị phê duyệt phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng *[ghi tên khu rừng]* của *[ghi tên chủ rừng]* (sau đây gọi tắt là Phương án điều chỉnh), ...(2)... báo cáo ...(1)... với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN

Trình bày quá trình chủ rừng tổ chức thực hiện xây dựng phương án điều chỉnh khu rừng *[ghi tên khu rừng]* và quá trình thẩm định phương án điều chỉnh.

II. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH

Trình bày sự cần thiết xây dựng phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng *[ghi tên khu rừng]*.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA PHƯƠNG ÁN

Nêu khái quát mục tiêu, phạm vi, ranh giới, diện tích khu rừng,... (theo phương án điều chỉnh).

IV. ĐỀ XUẤT CỦA [2]

Trình bày đề xuất của (2), ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng *[ghi tên khu rừng]*.

...

(Xin gửi kèm theo dự thảo Quyết định và hồ sơ liên quan)

...(2)... báo cáo và kính trình ...(1)... xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,

**CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM/
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

*** Ghi chú:**

(1) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.

(2) Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.

UBND TỈNH (TP)/BỘ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt điều chỉnh ranh giới, diện tích
khu rừng___[ghi tên khu rừng]****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP)/BỘ TRƯỞNG BỘ...**

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi, bổ sung các năm 2023, 2024 và 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số... ngày ...tháng...năm...;

Căn cứ Quy hoạch tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số... ngày ...tháng...năm...;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày .../.../... của [cơ quan phê duyệt] về việc phê duyệt thành lập/xác lập/luận chứng kinh tế kỹ thuật khu rừng___[ghi tên khu rừng] hoặc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững;

Các căn cứ của pháp luật khác và các văn bản có liên quan;

Căn cứ đề nghị của ... (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với khu thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý) tại văn bản số... ngày ... tháng... năm... về việc điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng ___[ghi tên khu rừng];

Xét đề nghị của... ___[ghi tên khu rừng] tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm... về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng___[ghi tên khu rừng];

Theo đề nghị của ...(1)... tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm... về việc đề nghị phê duyệt phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng___[ghi tên khu rừng].

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng____[ghi tên khu rừng], như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng____[ghi tên khu rừng], cụ thể:

- Tổng diện tích điều chỉnh là (ha), tại các khu vực (ghi cụ thể diện tích của từng khu vực điều chỉnh thuộc địa giới hành chính xã, tỉnh).

- Ranh giới: ... (ghi vị trí, ranh giới, tọa độ) (được thể hiện cụ thể tại bản đồ số và bản đồ giấy của Phương án điều chỉnh kèm theo Quyết định này).

2. Mục tiêu điều chỉnh:

Ví dụ: Giải quyết tranh chấp, chồng lấn diện tích rừng, đất lâm nghiệp, giải quyết đất ở, sản xuất của người dân hoặc nhằm mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý).

3. Ranh giới, diện tích khu rừng____[ghi tên khu rừng] sau khi điều chỉnh

- Tổng diện tích khu rừng sau điều chỉnh là (ha), tại các khu vực (ghi cụ thể thuộc địa giới hành chính xã, tỉnh).

- Ranh giới: ... (ghi vị trí, ranh giới, tọa độ) (được thể hiện cụ thể tại bản đồ số và bản đồ giấy của Phương án điều chỉnh kèm theo Quyết định này).

- Diện tích các phân khu chức năng (đối với khu rừng đặc dụng có phân chia phân khu chức năng: bảo vệ nghiêm ngặt; phục hồi sinh thái; dịch vụ, hành chính).

- Tổng diện tích vùng đệm của Khu rừng____[ghi tên khu rừng] sau điều chỉnh là ... ha thuộc các xã..., tỉnh/thành phố.....

Ranh giới vùng đệm gồm các thôn:....., xã...; thôn..., xã...

(Chi tiết tại Phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng____[ghi tên khu rừng] kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ rừng____[ghi tên chủ rừng],

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, dữ liệu, bản đồ và nội dung thuyết minh Phương án điều chỉnh khu rừng____[ghi tên khu rừng], bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; tuân thủ đúng quy định của pháp luật về lưu trữ, công bố hồ sơ được phê duyệt.

b) Thực hiện quản lý, sử dụng diện tích khu rừng____[ghi tên khu rừng] sau điều chỉnh theo đúng quy định hiện hành; bàn giao nguyên trạng ranh giới, diện

tích được điều chỉnh nêu trên về địa phương quản lý theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý)

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý của nội dung và hồ sơ, bản đồ kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng____[ghi tên khu rừng] trên địa bàn tỉnh/xã.

b) Tổ chức tiếp nhận nguyên trạng, quản lý, sử dụng diện tích được điều chỉnh nêu trên của khu rừng____[ghi tên khu rừng] theo đúng Quy chế quản lý rừng và Phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng____[ghi tên khu rừng] ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng bộ/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố; Cục trưởng Cục chuyên môn thuộc bộ/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường/cơ quan chuyên môn trực thuộc bộ, ngành được giao tiếp nhận hồ sơ; chủ rừng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-;
- Các Sở/cơ quan...;
- ...

**CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH/
BỘ TRƯỞNG**
(Ký tên, đóng dấu)

* **Ghi chú:** (1) Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.

Mẫu số 09

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN CHỦ RỪNGCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị phê duyệt Phương án điều chỉnh phân khu chức năng của
khu rừng**____[ghi tên khu rừng]

Kính gửi: (1).....

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi, bổ sung các năm 2023, 2024 và 2025;**Căn cứ Luật Đất đai năm 2024, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày .../.../... của____ [cơ quan phê duyệt] về việc thành lập khu rừng____[ghi tên khu rừng];**Các căn cứ của pháp luật khác và các văn bản có liên quan.**[Tên chủ rừng]____ kính trình ...(1)... xem xét, thẩm định và trình ...(2)... phê duyệt “Phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng ____[ghi tên khu rừng]” với những nội dung chính sau:***1. Tên Phương án:** Phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng ____[ghi tên khu rừng].**2. Cơ quan xây dựng Phương án:** ____[ghi tên chủ rừng]**3. Mục tiêu, phạm vi điều chỉnh:**

...

4. Nội dung điều chỉnh phân khu chức năng:

...

5. Cơ sở khoa học và thực tiễn về điều chỉnh phân khu chức năng

...

6. Hiện trạng về đa dạng sinh học tại các phân khu chức năng đề nghị điều chỉnh.

...

7. Kết quả điều chỉnh các phân khu chức năng ____*[ghi tên khu rừng]*

8. Giải pháp thực hiện, tổ chức quản lý sau khi điều chỉnh các phân khu

9. Hồ sơ kèm theo gồm

- Báo cáo thuyết minh Phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng ____*[ghi tên khu rừng]*;

- Bản đồ hiện trạng rừng trước khi điều chỉnh và bản đồ hiện trạng rừng dự kiến sau khi điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thể hiện rõ phạm vi, ranh giới, phân khu chức năng (bản chính). Tùy theo quy mô diện tích của khu rừng đặc dụng, chủ rừng lựa chọn các loại bản đồ phù hợp, thống nhất bằng bản số và bản giấy tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000 hoặc 1:25.000 theo TCVN 11565:2016;

[Tên chủ rừng] ____ kính trình ...(1)... xem xét, thẩm định và trình ...(2)... phê duyệt “*Phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng* ____*[ghi tên khu rừng]*”.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,

CHỦ RỪNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

*** Ghi chú:**

(1) Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đối với khu rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.

(2) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG

MỞ ĐẦU

Khái quát chung và nêu bật được sự cần thiết phải xây dựng phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng.

Chương I CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

II. CĂN CỨ KHOA HỌC

Nêu các nghiên cứu khoa học có liên quan

III. CƠ SỞ THỰC TIỄN

IV. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Tài liệu liên quan đến hiện trạng rừng, hiện trạng sử dụng đất rừng đặc dụng
2. Các tài liệu điều tra chuyên đề của khu rừng
3. Bản đồ: bản đồ hiện trạng rừng và hiện trạng sử dụng đất, bản đồ giao đất, giao rừng, các loại bản đồ chuyên đề khác có liên quan
4. Các tài liệu khác có liên quan.

Chương II HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CÁC GIÁ TRỊ HỆ SINH THÁI RỪNG ĐỐI VỚI DIỆN TÍCH ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG

I. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ CÁC GIÁ TRỊ HỆ SINH THÁI RỪNG

1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng
2. Đặc điểm các hệ sinh thái tự nhiên; tính kết nối của khu rừng với các hệ sinh thái tự nhiên khác
3. Các giá trị đa dạng sinh học của hệ sinh thái, loài, nguồn gen; các loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc đặc hữu
4. Giá trị về cảnh quan, lịch sử, văn hóa, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
5. Tiềm năng, giá trị phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và cung ứng dịch vụ môi trường rừng

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất đối với phần diện tích điều chỉnh
2. Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước tại khu vực xây dựng phương án điều chỉnh

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUẢN LÝ DIỆN TÍCH, RANH GIỚI THEO PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG GẮN VỚI MỤC TIÊU, CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG

1. Đánh giá kết quả chính đạt được trong quá trình quản lý khu rừng theo phân khu chức năng
2. Phân tích tồn tại, hạn chế trong quá trình quản lý khu rừng theo phân khu chức năng

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI, RANH GIỚI CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG SAU ĐIỀU CHỈNH VÀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH PHÂN KHU CHỨC NĂNG

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung
2. Mục tiêu cụ thể

II. PHẠM VI, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU RỪNG

1. Phạm vi, ranh giới, diện tích các phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng sau điều chỉnh thể hiện trên bản đồ (tỷ lệ phù hợp)
2. Thống kê diện tích, vị trí điều chỉnh giữa các phân khu chức năng
3. Thuyết minh chi tiết lý do điều chỉnh của từng khu vực, bảo đảm việc điều chỉnh tuân thủ tiêu chí của từng phân khu chức năng theo quy định

III. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP QUẢN LÝ SAU ĐIỀU CHỈNH

1. Định hướng cụ thể các chương trình, hoạt động cụ thể đối với từng phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng
2. Giải pháp thực hiện

IV. KHÁI TOÁN VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

1. Tổng hợp nhu cầu vốn theo các chương trình, hoạt động phục vụ công tác quản lý khu rừng đặc dụng sau điều chỉnh phân khu chức năng và phân kỳ đầu tư
2. Kinh phí thường xuyên phục vụ hoạt động bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng bền vững khu rừng đặc dụng sau điều chỉnh phân khu chức năng
3. Dự kiến nguồn vốn: ngân sách nhà nước, ODA, dịch vụ môi trường rừng, xã hội hóa,...

4. Hiệu quả: môi trường, xã hội, kinh tế

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan chủ trì, đơn vị phối hợp
2. Tiến độ, lộ trình thực hiện
3. Kiểm tra, giám sát và cập nhật phương án

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận
2. Kiến nghị

PHỤ LỤC

BẢN ĐỒ: Bản đồ hiện trạng rừng của khu rừng đặc dụng trước khi điều chỉnh và bản đồ hiện trạng rừng của khu rừng đặc dụng sau khi điều chỉnh bằng bản số và bản giấy tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000 hoặc 1:25.000 theo TCVN 11565:2016 tùy theo quy mô diện tích của khu rừng, thể hiện rõ phạm vi, ranh giới, phân khu chức năng.

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt phương án điều chỉnh phân khu chức năng của
khu rừng đặc dụng___[ghi tên khu rừng]

Kính gửi: (1).....

...(2)... nhận được Tờ trình số .../TTTr-... ngày .../.../20.. về việc đề nghị phê duyệt phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng___[ghi tên khu rừng] của ___[ghi tên chủ rừng] (sau đây gọi tắt là Phương án), ...(2)... báo cáo ...(1)... với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH PHÂN KHU CHỨC NĂNG

Trình bày quá trình chủ rừng tổ chức thực hiện xây dựng phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng___[ghi tên khu rừng]; quá trình thẩm định phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng.

II. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH PHÂN KHU CHỨC NĂNG

Trình bày sự cần thiết xây dựng phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng___[ghi tên khu rừng].

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Tên khu rừng: [ghi rõ tên đầy đủ]

2. Địa điểm: [xã, tỉnh].

3. Mục tiêu

4. Nội dung cơ bản của Phương án

a) Phạm vi điều chỉnh

Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng___[ghi tên khu rừng]: phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái và phân khu dịch vụ, hành chính trong phạm vi, ranh giới đã quy hoạch ___[ghi tên khu rừng]. Tổng diện tích ___[ghi tên khu rừng] không thay đổi.

b) Nội dung điều chỉnh

Ghi rõ từng diện tích, phân khu chức năng điều chỉnh

...

c) Kết quả điều chỉnh các phân khu chức năng ____ [*ghi tên khu rừng*]

ĐVT: ha

Diện tích phân khu chức năng	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Tăng (+)/giảm (-)
1. Bảo vệ nghiêm ngặt	...	...	...
2. Phục hồi sinh thái	...	...	...
3. Dịch vụ, hành chính	...	...	...
Tổng diện tích khu rừng đặc dụng	...	...	0

(Chi tiết tại Phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng ____ [*ghi tên khu rừng*] kèm theo)

IV. ĐỀ XUẤT CỦA [2]

Căn cứ kết quả rà soát, thẩm định hồ sơ của Hội đồng thẩm định, (2) đưa ra nội dung đề xuất đối với phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng ____ [*ghi tên khu rừng*], nhằm bảo đảm việc điều chỉnh được thực hiện đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

...

(Xin gửi kèm theo dự thảo Quyết định và hồ sơ liên quan)

...(2)... báo cáo và kính trình ...(1)... xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,

**CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM/
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

* Ghi chú:

(1) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.

(2) Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đối với khu rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.

Mẫu số 12

UBND TỈNH (TP)/BỘ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng ____ [ghi tên khu rừng]****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP)/BỘ TRƯỞNG BỘ...***Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi, bổ sung các năm 2023, 2024 và 2025;**Căn cứ Luật Đất đai năm 2024, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... ngày .../.../... của [ghi tên cơ quan phê duyệt] về việc thành lập khu rừng ____ [ghi tên khu rừng];**Các căn cứ của pháp luật khác và các văn bản có liên quan;**Theo đề nghị của ... (1) ... tại Tờ trình số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc đề nghị phê duyệt phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng ____ [ghi tên khu rừng].***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng ____ [ghi tên khu rừng], với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Điều chỉnh diện tích phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng ____ [ghi tên khu rừng]: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt; phân khu phục hồi sinh thái; phân khu dịch vụ, hành chính trong phạm vi, ranh giới đã quy hoạch ____ [ghi tên khu rừng]. Tổng diện tích ____ [ghi tên khu rừng] không thay đổi

2. Mục tiêu:

3. Nội dung điều chỉnh:

Ghi rõ từng diện tích, phân khu chức năng điều chỉnh

...

4. Kết quả điều chỉnh các phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng [ghi tên khu rừng].

DVT: ha

Diện tích phân khu chức năng	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Tăng (+)/giảm (-)
1. Bảo vệ nghiêm ngặt	...	...	...
2. Phục hồi sinh thái	...	...	...
3. Dịch vụ, hành chính	...	...	...
Tổng diện tích khu rừng đặc dụng	...	...	

(Chi tiết tại Phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng [ghi tên khu rừng] kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở/cơ quan.....
2. Chủ rừng:.....
3.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng bộ/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố; Cục trưởng Cục chuyên môn thuộc bộ/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường/cơ quan chuyên môn trực thuộc bộ, ngành được giao tiếp nhận hồ sơ; chủ rừng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-
- Các Sở/cơ quan...;
- ...

**CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH/
BỘ TRƯỞNG**
(Ký tên, đóng dấu)

*** Ghi chú:** (1) Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đối với khu rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hoặc Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.

Mẫu số 13

Mẫu thuyết minh: Đánh giá sơ bộ hiện trạng rừng, khả năng tổ chức thực hiện và các loại sản phẩm, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

1. Diện tích rừng

a) Tổng diện tích rừng và diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp (theo nguồn gốc hình thành, mục đích sử dụng);

b) Hiện trạng rừng theo các phân khu chức năng (đối với khu rừng đặc dụng có phân chia phân khu chức năng)/phân chia theo kiểu rừng/chức năng phòng hộ của khu rừng;

c) Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ (nếu có);

d) Nêu được các khu vực/phân khu có thể sử dụng cho mục đích tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí;

đ) Đánh giá sơ bộ hiện trạng rừng khu vực dự kiến tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

Bảng thống kê hiện trạng rừng khu vực dự kiến tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (Nguồn: ... theo Quyết định ... của UBND cấp tỉnh ... về công bố hiện trạng rừng năm ...)

Qua kết quả điều tra, khảo sát, khu vực dự kiến tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có tổng diện tích ... ha, trong đó: chi tiết theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; xác định các diện tích trống cỏ, đất trống, đất có cây bụi của khu vực nơi có thể bố trí công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí mà không làm ảnh hưởng tiêu cực đến sinh trưởng và phục hồi tự nhiên của cây rừng.

Đánh giá khu vực có đặc trưng nổi bật là hệ sinh thái rừng ... (ghi rõ: rừng đất ngập nước, rừng thường xanh, rừng núi thấp, ...), với cảnh quan đẹp, hệ động thực vật phong phú, thích hợp để phát triển các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí hoặc kết hợp với giáo dục môi trường, bảo tồn và phát triển rừng. Các công trình phục vụ du lịch dự kiến sẽ được xây dựng chủ yếu trên các khoảng đất trống, trống cỏ, bố trí dưới tán rừng hoặc nổi trên mặt nước, sử dụng vật liệu lắp ghép, thân thiện môi trường, dễ tháo dỡ, bảo đảm tính hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và phù hợp với chức năng của rừng (theo quy định tại khoản 7, khoản 11 Điều 1, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

2. Khả năng tổ chức thực hiện

Căn cứ vào hiện trạng tài nguyên rừng, cảnh quan thiên nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội khu vực, khả năng tổ chức thực hiện hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được đánh giá như sau:

a) Điều kiện thuận lợi:

- Vị trí địa lý: Khu vực nằm gần các trung tâm kinh tế - du lịch lớn như ... (ghi rõ), cách trung tâm tỉnh/thành phố ... km, thuận lợi cho kết nối du lịch và thu hút khách trong nước, quốc tế.

- Giao thông tiếp cận: Có tuyến đường ... (*ghi rõ quốc lộ, tỉnh lộ, đường rừng*) với chiều dài ... km, bề rộng ... m; ngoài ra còn có hệ thống đường mòn, đường tuần tra bảo vệ rừng hiện đang được sử dụng tốt, tạo điều kiện di chuyển thuận lợi.

- Hạ tầng kỹ thuật: Khu vực có thể đầu nối hệ thống điện, cấp thoát nước, viễn thông từ ... (*nguồn lân cận*), đảm bảo phục vụ các hoạt động du lịch.

- Nguồn nhân lực: Người dân địa phương (*các dân tộc ...*) có thể tham gia vào các hoạt động du lịch cộng đồng, dịch vụ lưu trú, ẩm thực, văn nghệ dân gian, góp phần tăng cường tính bản địa và tạo sinh kế.

- Cảnh quan - hệ sinh thái: Hệ sinh thái rừng ... (*ghi cụ thể: thường xanh, ngập mặn, hỗn giao...*) cùng với các yếu tố cảnh quan đặc sắc như: thác, suối, hồ, hang động... là lợi thế tự nhiên để hình thành các sản phẩm du lịch.

b) Khó khăn, hạn chế

- Khí hậu, ví dụ: Khu vực có mùa mưa từ tháng ... đến tháng ..., lượng mưa chiếm trên ...% tổng lượng mưa năm; thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, gây khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động ngoài trời.

- Hạ tầng du lịch chưa đồng bộ, ví dụ: Hệ thống cơ sở lưu trú, nhà hàng, khu vui chơi giải trí chưa đáp ứng nhu cầu của du khách; cần được đầu tư xây dựng, nâng cấp theo quy hoạch.

- Nguồn nhân lực, ví dụ: Lao động địa phương chủ yếu chưa qua đào tạo chuyên môn, thiếu kỹ năng phục vụ, ngoại ngữ; cần có kế hoạch đào tạo, tập huấn.

c) Cơ hội:

- Thị trường khách du lịch, ví dụ: Nhu cầu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí xanh ngày càng tăng. Theo số liệu năm ..., lượng khách đến tỉnh ... đạt ... triệu lượt, tăng ...% so với năm ..., tạo dư địa lớn cho khai thác sản phẩm du lịch.

- Chính sách hỗ trợ, ví dụ: Nhà nước có nhiều chính sách khuyến khích phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng; các văn bản như Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP,... tạo hành lang pháp lý thuận lợi.

- Ứng dụng công nghệ: Các nền tảng số, truyền thông trực tuyến giúp quảng bá sản phẩm du lịch nhanh chóng, tiếp cận khách hàng rộng rãi.

d) Thách thức:

- Sức ép phát triển, ví dụ: Nếu khai thác quá mức, du lịch có thể gây áp lực đến tài nguyên rừng, môi trường và cảnh quan.

- Vốn đầu tư, ví dụ: Cần nguồn vốn lớn và dài hạn để đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch, trong khi khả năng huy động của chủ rừng còn hạn chế.

- Nguy cơ mai một văn hóa, ví dụ: Quá trình giao lưu văn hóa nhanh có thể làm thay đổi phong tục, bản sắc truyền thống của cộng đồng dân tộc địa phương.

- Rủi ro môi trường - xã hội, ví dụ: Nếu không quản lý tốt, du lịch phát triển nóng có thể làm gia tăng rác thải, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội và mất an ninh trật tự.

đ) Kết luận

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định khu vực dự kiến tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có nhiều tiềm năng và lợi thế để triển khai. Với điều kiện tự nhiên, cảnh quan, đa dạng sinh học phong phú, cùng với vị trí địa lý thuận lợi và sự hỗ trợ của chính sách, *(tên chủ rừng)* hoàn toàn có khả năng tổ chức và phát triển hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo hướng bền vững, góp phần bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao sinh kế cộng đồng và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

3. Các loại sản phẩm, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có thể phát triển

Căn cứ Luật Du lịch, Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP và Nghị định số .../2026/NĐ-CP) và trên cơ sở hiện trạng tài nguyên rừng, cảnh quan thiên nhiên và đặc điểm kinh tế - xã hội địa phương, khu vực có thể phát triển đa dạng các loại hình sản phẩm, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, ví dụ được định hướng như sau:

a) Du lịch sinh thái trải nghiệm thiên nhiên

Khu rừng sở hữu hệ sinh thái rừng tự nhiên đa dạng với thảm thực vật phong phú, nhiều suối, thác, hồ, hang động và cảnh quan đẹp. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái như: đi bộ đường mòn, leo núi, trekking, quan sát động thực vật hoang dã, tham quan thác, suối, hồ, dựng trại dưới tán rừng, tour giáo dục môi trường cho học sinh, sinh viên. Các sản phẩm này vừa đáp ứng nhu cầu khám phá của du khách, vừa nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng.

b) Du lịch nghỉ dưỡng - chữa lành

Khu vực có khí hậu trong lành, thảm thực vật xanh mát, không gian yên tĩnh, phù hợp phát triển các dịch vụ nghỉ dưỡng, chữa lành. Có thể xây dựng hệ thống bungalow sinh thái, homestay, glamping, khu tắm lá thuốc, spa, yoga, thiền, trị liệu tự nhiên, nghỉ dưỡng dưỡng sinh, du lịch chăm sóc sức khỏe tinh thần và thể chất. Đây là xu hướng du lịch đang gia tăng mạnh mẽ, phù hợp với thị trường khách nội địa và quốc tế tìm kiếm “du lịch xanh - sống chậm - phục hồi sức khỏe”.

c) Du lịch văn hóa - cộng đồng

Trong khu vực rừng và vùng đệm hoặc khu vực xung quanh có cộng đồng cư dân bản địa với truyền thống văn hóa đa dạng (... *điền tên cộng đồng, tên dân tộc cụ thể* ...). Đây là cơ sở để phát triển loại hình du lịch văn hóa - cộng đồng, bao gồm: trải nghiệm đời sống sinh hoạt, tham gia lễ hội dân gian, giao lưu nghệ thuật truyền thống, ẩm thực bản địa, học nghề thủ công, tìm hiểu tri thức bản địa về dược liệu, săn bắt, nông - lâm kết hợp. Hoạt động này không chỉ tạo sản phẩm du lịch đặc trưng mà còn góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và mang lại sinh kế bền vững cho người dân.

d) Du lịch nghiên cứu, giáo dục môi trường

Với sự phong phú của hệ sinh thái rừng, khu vực có tiềm năng lớn để phát triển du lịch nghiên cứu, giáo dục môi trường. Các chương trình nghiên cứu khoa học về động, thực vật rừng, khảo sát sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học; các hoạt động thực địa cho sinh viên, học sinh về môi trường, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên có thể được

tổ chức thường xuyên. Đây là thế mạnh gắn kết du lịch với giáo dục và nghiên cứu, đồng thời góp phần lan tỏa giá trị bảo vệ rừng.

d) Dịch vụ vui chơi, giải trí sinh thái

Căn cứ vào địa hình rừng và tiềm năng cảnh quan, có thể tổ chức các hoạt động giải trí gắn với thiên nhiên như: cắm trại, picnic, chèo thuyền kayak, đạp xe địa hình, zipline, leo núi thể thao, quan sát cảnh quan từ đài quan sát hoặc flycam. Các loại hình này cần được thiết kế theo hướng nhẹ, thân thiện môi trường, dễ tháo dỡ, bảo đảm không tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

e) Các sản phẩm du lịch đặc thù theo tiềm năng rừng

Tùy theo đặc trưng tài nguyên từng khu vực, có thể phát triển thêm các sản phẩm đặc thù như:

- Du lịch trải nghiệm dược liệu rừng (tham quan vườn dược liệu, trải nghiệm chế biến, sử dụng thuốc cổ truyền).
- Du lịch nông, lâm kết hợp (tham quan, trải nghiệm thu hái, chế biến sản phẩm dưới tán rừng).
- Du lịch tâm linh, tín ngưỡng (nếu trong khu vực có các di tích lịch sử, đền, miếu, cây cổ thụ gắn với truyền thuyết dân gian).
- Du lịch kết hợp “digital detox”, tách biệt công nghệ, sống chậm, hòa mình vào thiên nhiên, vốn là xu hướng đang được du khách tìm kiếm mạnh mẽ.

*** Ghi chú:**

Hướng dẫn sử dụng mẫu

- Tính chất mẫu: Nội dung trên mang tính chất tham khảo. Chủ rừng cần căn cứ vào điều kiện hiện trạng rừng, cảnh quan, cộng đồng, hạ tầng và định hướng phát triển của mình để biên soạn nội dung chi tiết, phù hợp.
- Số liệu diện tích, phân loại rừng, tỷ lệ %: Lấy từ báo cáo hiện trạng rừng hàng năm của UBND cấp tỉnh hoặc Ban quản lý rừng được giao quản lý, bảo đảm tính chính xác và thống nhất, đủ tính pháp lý.
- Thông tin về cộng đồng, vị trí địa lý, tuyến đường, hạ tầng kỹ thuật: Điền theo thực tế tại địa phương nơi có rừng được giao quản lý, gắn với điều kiện kết nối hạ tầng và khả năng khai thác.
- Số liệu khách du lịch, tốc độ tăng trưởng, chính sách hỗ trợ: Trích từ báo cáo ngành du lịch cấp tỉnh hoặc các văn bản quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội có liên quan.
- Loại hình sản phẩm du lịch đặc thù: Chủ rừng cần căn cứ vào tài nguyên đặc trưng thực tế của khu rừng (thác, suối, rừng ngập mặn, dược liệu, di tích văn hóa, cộng đồng dân tộc bản địa,...) để lựa chọn loại hình sản phẩm phù hợp, tránh sao chép máy móc.
- Ngôn ngữ thuyết minh: Cần trình bày theo văn phong hành chính, trình ký, đảm bảo đầy đủ căn cứ pháp lý và logic khoa học; tránh sử dụng từ ngữ cảm tính hoặc mô tả không có số liệu minh chứng.

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
TÊN CHỦ RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
...(tên khu rừng) giai đoạn 20... - 20...

Kính gửi: (2).....

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi, bổ sung các năm 2023, 2024 và 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số ... về việc phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững khu rừng___[ghi tên khu rừng] giai đoạn...;

Các căn cứ của pháp luật khác và các văn bản có liên quan.

(1) kính trình ...(2)... thẩm định, trình ...(3)... xem xét phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí___[ghi tên khu rừng] giai đoạn 20... - 20... với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Đề án

Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí___[ghi tên khu rừng] giai đoạn 20... - 20...

2. Phạm vi thực hiện Đề án

Phạm vi thực hiện Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ...(tên khu rừng) được xác định cụ thể trên lâm phần thuộc quyền quản lý của (1), với tổng diện tích ... ha, thuộc các phân khu chức năng: (đối với khu rừng đặc dụng), Khu vực này thuộc các xã ..., tỉnh.

3. Đánh giá sơ bộ hiện trạng rừng và khả năng tổ chức du lịch

- Hiện trạng rừng, tài nguyên hệ sinh thái.

- Khả năng tổ chức thực hiện du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

4. Các loại sản phẩm, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

5. Nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

6. Nội dung chính của Đề án

a) Mục tiêu Đề án

- Mục tiêu chung:

- Mục tiêu cụ thể:

b) Phương án phát triển các tuyến, điểm du lịch

- Vị trí, diện tích, hiện trạng.

- Mục đích, thời gian khai thác.

- Phương thức tổ chức thực hiện.

c) Công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Vị trí, địa điểm.

- Quy mô, diện tích xây dựng.

- Vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ xây dựng.

- Thời gian tồn tại của công trình.

7. Giải pháp thực hiện Đề án

- Giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư, phân kỳ thực hiện.

- Giải pháp bảo vệ và phát triển rừng.

- Giải pháp bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.

- Giải pháp bảo vệ môi trường.

- Giải pháp phòng cháy, chữa cháy.

- Phương thức tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Giá cho thuê môi trường rừng theo quy định.

8. Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Cơ chế phối hợp giám sát.

- Nội dung giám sát: bảo tồn, môi trường, xây dựng, văn hóa, xã hội,...

9. Tổ chức thực hiện

10. Hiệu quả của Đề án

11. Hồ sơ kèm theo gồm

- Báo cáo thuyết minh Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí *[ghi tên khu rừng]* giai đoạn 20... - 20...;

- Bản đồ hiện trạng rừng khu rừng *[ghi tên khu rừng]* tỷ lệ theo quy định;

- Bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải

trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch ____ [*ghi tên khu rừng*] tỷ lệ theo quy định;

- Bản đồ theo quy định và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông; đường cáp trên không gồm tuyến cáp, nhà ga và trụ đỡ; hệ thống đầu nối và khả năng cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy.

(1) kính trình ...(2)... thẩm định, trình ...(3)... xem xét, phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ____ [*ghi tên khu rừng*] giai đoạn 20... - 20...

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,

CHỦ RỪNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

*** Ghi chú:**

- (1) Tên chủ rừng.
- (2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng.
- (3) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng.

Mẫu số 15

UBND TỈNH (TP)/BỘ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ...
[ghi tên khu rừng] giai đoạn 20... - 20...****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP)/BỘ TRƯỞNG BỘ...***Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi, bổ sung các năm 2023, 2024 và 2025;**Căn cứ Luật Đất đai năm 2024, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;**Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày .../.../2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;**Căn cứ Quyết định số ... về việc phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững khu rừng ... giai đoạn...;**Các căn cứ của pháp luật khác và các văn bản có liên quan;**Xét đề nghị của ...(1)... tại Tờ trình số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí [ghi tên khu rừng] giai đoạn 20... - 20....**Theo đề nghị của ...(2)... tại Tờ trình số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí [ghi tên khu rừng] giai đoạn 20... - 20....*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí____[ghi tên khu rừng] giai đoạn 20... - 20..., gồm những nội dung chính sau:

1. Tên Đề án: Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí____[ghi tên khu rừng] giai đoạn 20... - 20...

2. Mục tiêu của Đề án

- a) Mục tiêu chung
- b) Mục tiêu cụ thể

3. Nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

4. Nội dung chính của Đề án

- a) Quy mô thực hiện hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
 - Tổng diện tích quy hoạch cho ... điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí là ... ha.
 - Quy hoạch cho ... tuyến du lịch sinh thái dựa trên các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng, tuyến đường mòn hiện có với tổng chiều dài các tuyến là ... km.
- b) Phát triển các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
 - Số lượng và diện tích các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
 - Các điểm quy hoạch tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí là ... điểm, với tổng diện tích là ... ha, gồm: ...
 - Vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và dự kiến phương thức tổ chức thực hiện
 - Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
- c) Phát triển các tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
 - Số lượng và diện tích các tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
 - Vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và dự kiến phương thức tổ chức thực hiện
 - Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
- d) Giải pháp thực hiện Đề án
 - Giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư
 - Các giải pháp về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường
 - + Giải pháp bảo vệ rừng
 - + Giải pháp phát triển rừng

- + Giải pháp bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học
- + Giải pháp bảo vệ môi trường
- Giải pháp phòng cháy, chữa cháy
- Phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
- Giá cho thuê môi trường rừng

đ) Trách nhiệm tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở/cơ quan:.....
2. Chủ rừng:.....
3.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng bộ/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố; Cục trưởng Cục chuyên môn thuộc bộ/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường/cơ quan chuyên môn trực thuộc bộ, ngành được giao tiếp nhận hồ sơ; chủ rừng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-
- Các Sở/cơ quan...;
- ...

**CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH/
BỘ TRƯỞNG**
(Ký tên, đóng dấu)

*** Ghi chú:**

- (1) Tên chủ rừng.
- (2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng.

Mẫu số 16

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM/
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr...

..., ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt đề án đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên
trên phạm vi tỉnh/vùng/cả nước

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/
 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/TP.....

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi, bổ sung các năm 2023, 2024 và 2025;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ.....;

Đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp xem xét, quyết định phê duyệt đề án đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên như sau:

1. Mục đích đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên
2. Lý do đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên
3. Phạm vi đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên
4. Nội dung đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên
5. Thời gian đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên: Từ ngày ... tháng ... năm
6. Hồ sơ kèm theo:

Kính đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phốxem xét, phê duyệt Đề án.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- Lưu:...

CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm

**ĐỀ ÁN
ĐÓNG (HOẶC MỞ) CỬA RỪNG TỰ NHIÊN TRÊN PHẠM VI
TỈNH/VÙNG/CẢ NƯỚC**

MỞ ĐẦU

Nêu sự cần thiết và lý do xây dựng Đề án đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên (sau đây viết tắt là Đề án)

**Chương I
CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I. CĂN CỨ

1. Căn cứ pháp lý (nêu căn cứ pháp lý quan trọng làm cơ sở xây dựng Đề án).
2. Căn cứ thực tiễn (nêu căn cứ thực tiễn xây dựng Đề án).

II. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Tài liệu hiện trạng tài nguyên rừng của tỉnh/vùng/cả nước.
2. Tài liệu, báo cáo về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; khai thác, chế biến lâm sản.
3. Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, vùng, cả nước có liên quan

**Chương II
HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG**

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về điều kiện tự nhiên
2. Về phát triển kinh tế
 - a) Tình hình chung về phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh, thành phố/vùng/cả nước có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp.
 - b) Tình hình về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.
3. Về xã hội
 - a) Về lao động làm trong lĩnh vực lâm nghiệp
 - b) Về thu nhập, việc làm

Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; xác định những nội dung hay yếu tố gì cần quan tâm, chú ý khi xây dựng Đề án đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên.

II. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Hiện trạng tài nguyên rừng

a) Hiện trạng rừng: loại rừng, diện tích, trạng thái (rừng giàu, trung bình, rừng nghèo...), trữ lượng bình quân; diễn biến hiện trạng rừng trong giai đoạn 5 năm gần đây

b) Kết quả quản lý, bảo vệ, phát triển, khai thác, chế biến thương mại lâm sản trong thời gian 5 năm gần đây

2. Tình hình quản lý, bảo vệ rừng

a) Tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái quy định của pháp luật (trường hợp đóng cửa rừng tự nhiên) trong thời gian 5 năm gần đây

b) Kết quả khắc phục tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái quy định của pháp luật (trường hợp đề nghị mở cửa rừng tự nhiên) trong thời gian 5 năm gần đây

Nhận xét: từ hiện trạng về tài nguyên rừng, quản lý, bảo vệ rừng... sự cần thiết phải xây dựng Đề án đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI, NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Mục tiêu:

2. Phạm vi:

3. Thời gian đóng hoặc mở cửa rừng

II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Về đóng cửa rừng tự nhiên

a) Đối tượng rừng

b) Đối tượng chủ rừng

c) Phạm vi: loại rừng, diện tích...

d) Hoạt động không triển khai khi đóng cửa rừng

2. Về mở cửa rừng tự nhiên

a) Đối tượng rừng

b) Đối tượng chủ rừng

c) Phạm vi: loại rừng, diện tích...

d) Hoạt động triển khai khi mở cửa rừng

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về tuyên truyền, vận động
2. Về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng
3. Về tổ chức sản xuất cho chủ rừng khi đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên
4. Về giải pháp thay thế nguồn lâm sản khi đóng cửa rừng tự nhiên
5. Giải pháp về tài chính
6. Giải pháp khác

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Bao gồm hiệu quả về kinh tế; về xã hội (tạo việc làm cho người lao động và người dân,...); về môi trường.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Trung ương
2. Địa phương
3. Chủ rừng

...

II. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận
2. Kiến nghị

Mẫu số 18

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(hoặc UBND TỈNH, THÀNH PHỐ) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên trên phạm vi tỉnh, thành phố/vùng/cả nước

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng ... năm....;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017, được sửa đổi, bổ sung các năm 2023, 2024 và 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ

Theo đề nghị của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm/Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng (hoặc mở cửa rừng tự nhiên) trên phạm vi tỉnh, thành phố/vùng/cả nước với nội dung chính sau đây:

1. Mục đích đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên
2. Lý do đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên
3. Phạm vi đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên
4. Nội dung đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên
5. Thời gian đóng (hoặc mở) cửa rừng tự nhiên: Từ ngày ... tháng ... năm

Có Đề án kèm theo

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh trường hợp đóng (hoặc mở cửa rừng tự nhiên) trên phạm vi vùng/cả nước

2. Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm và các cơ quan liên quan
3. Sở Nông nghiệp và Môi trường:
4. Ủy ban nhân dân xã.....
5. Chủ rừng.....

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân.... Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và kiểm lâm,, và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng nhân dân (đề b/c);
- Sở: NN&MT, ...;
-

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)

Phụ lục IC⁵
CÁC MẪU VỀ THANH LÝ RỪNG TRỒNG

(Kèm theo Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị xác định thiệt hại rừng trồng
Mẫu số 02	Biên bản kiểm tra hiện trường xác định trường hợp, thiệt hại rừng trồng
Mẫu số 03	Văn bản đề nghị thanh lý rừng trồng
Mẫu số 04	Phương án thanh lý rừng trồng
Mẫu số 05	Biên bản xác minh, kiểm tra hiện trường xác định thiệt hại rừng trồng
Mẫu số 06	Biên bản họp Hội đồng thẩm định thanh lý rừng trồng
Mẫu số 07	Báo cáo kết quả thẩm định thanh lý rừng trồng
Mẫu số 08	Quyết định thanh lý rừng trồng

⁵ Phụ lục IC được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 34 của Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 01

**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
THANH LÝ RỪNG TRỒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / ...

V/v đề nghị xác định
thiệt hại rừng trồng

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ...

Căn cứ Nghị định số...../2026/NĐ-CP ngày / / của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

.....
.....

(Tên tổ chức có rừng trồng đề nghị thanh lý) đề nghị xác định thiệt hại rừng trồng do với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin chung khu rừng bị thiệt hại

- Loại rừng :.....
- Địa điểm rừng trồng bị thiệt hại (lô, khoảnh, tiểu khu):.....
- Diện tích rừng trồng, loài cây bị thiệt hại:

2. Trường hợp bị thiệt hại và thời điểm xảy ra thiệt hại

- Trường hợp bị thiệt hại:
- Thời điểm xảy ra thiệt hại:.....

3. Tình hình thiệt hại, ước tính thiệt hại

- Diện tích thiệt hại:
- Địa điểm thiệt hại (lô, khoảnh, tiểu khu):
- Ước tính mức độ thiệt hại:
- Ước tính giá trị thiệt hại:

(Tổ chức....) kính đề nghị cơ quan xác định thiệt hại rừng trồng để làm căn cứ đề nghị thanh lý rừng trồng theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../....

..., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN**Kiểm tra hiện trường xác định trường hợp, thiệt hại rừng trồng
Chủ rừng/Chủ đầu tư dự án:**

Căn cứ Nghị định số...../2026/NĐ-CP ngày/..../..... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ văn bản sốngày tháng năm của tổ chức....(Tên tổ chức có rừng trồng bị thiệt hại) đề nghị kiểm tra hiện trường xác định thiệt hại rừng trồng do (ghi trường hợp....) gây ra;

Hôm nay, ngày ... tháng năm tại: địa chỉ lô rừng....thôn... xã/phường/thị trấn tỉnh.....

Chúng tôi gồm:

I. THÀNH PHẦN

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

.....

.....

2. Đơn vị chủ rừng/chủ đầu tư dự án

.....

.....

3. Cơ quan chuyên môn xác định nguyên nhân (phòng chống thiên tai/cơ quan thực hiện nhiệm vụ bảo vệ thực vật/cơ quan xác định nguyên nhân cháy rừng).

4. Cơ quan/đơn vị khác có liên quan (nếu có)

II. NỘI DUNG

Biên bản kiểm tra hiện trường gồm các nội dung chính sau:

- Xác định rừng thiệt hại: *(xác định địa điểm rừng bị thiệt hại (lô, khoảnh, tiểu khu); loại rừng trồng; xác định diện tích, loài cây trồng, năm trồng, mật độ trồng, mật độ tại thời điểm xác minh, tình hình sinh trưởng);*

- Xác định trường hợp bị thiệt hại và thời điểm xảy ra thiệt hại: *(xác định rõ các trường hợp và thời gian xảy ra thiệt hại);*

III. KẾT LUẬN, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản gồm.... trang; được lập thành ... bản, đã được các thành viên tham gia nhất trí, không có ý kiến khác và kết thúc công tác kiểm tra hiện trường vào hồi giờ phút ngày ... tháng năm

THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG

(Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký, chức vụ, cơ quan)

**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
THANH LÝ RỪNG TRỒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../...

....., ngày.... tháng.... năm....

V/v đề nghị thanh lý rừng trồng

Kính gửi:

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số...../2026/NĐ-CP ngày/..... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;*.....
.....

..... (tên tổ chức có rừng trồng đề nghị thanh lý) đề nghị thanh lý rừng trồng với các nội dung chính sau:

1. Thông tin chung khu rừng đề nghị thanh lý

- Loại rừng:.....

- Diện tích rừng trồng, loài cây trồng cần được thanh lý:.....

- Địa điểm rừng trồng thanh lý (lô, khoảnh, tiểu khu):.....

- Thời gian đầu tư (năm trồng, năm kết thúc theo quyết định phê duyệt dự án/phương án):.....

- Nguồn vốn đầu tư:.....

- Giá trị đầu tư:

2. Trường hợp đề nghị thanh lý*(Ghi rõ thời điểm xảy ra thiệt hại theo trường hợp cụ thể quy định tại Điều 34a Nghị định số...../...../ND-CP ngày/..... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm).***3. Rừng trồng đề nghị thanh lý, ước tính thiệt hại**

- Địa điểm và diện tích đề nghị thanh lý thiệt hại (lô, khoảnh, tiểu khu, diện tích):

- Ước tính mức độ thiệt hại:

- Giá trị thiệt hại:

4. Nội dung đề nghị thanh lý

- Xác định diện tích rừng trồng bị thiệt hại đề nghị thanh lý (lô, khoảnh, tiểu khu):.....

- Xác định giá trị thiệt hại:.....

- Hình thức thanh lý:

5. Chi phí thực hiện thanh lý và quản lý sử dụng tiền thu được từ thanh lý rừng (nếu có)

a) Dự toán chi phí thanh lý:

b) Ước tính số tiền thu được từ bán lâm sản từ thanh lý rừng trồng (nếu có):

.....

c) Quản lý sử dụng số tiền thu được từ bán lâm sản từ thanh lý rừng trồng (nếu có):

(Căn cứ tình hình thực tế, tổ chức có rừng trồng đề nghị thanh lý đề xuất các nội dung trên phù hợp với khoản 5 Điều 34c Nghị định số...../...../ND-CP ngày/..... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm)

6. Đề xuất kế hoạch phục hồi rừng sau thanh lý

7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

.... (tổ chức trình thanh lý rừng trồng) kính đề nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan tài chính;
-;
- Lưu:

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ THANH LÝ RỪNG TRỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 04

**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
THANH LÝ RỪNG TRỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../....

..., ngày.... tháng.... năm....

PHƯƠNG ÁN THANH LÝ RỪNG TRỒNG
Chủ rừng/Chủ đầu tư dự án:

Kính gửi:

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số...../2026/NĐ-CP ngày .../.../..... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

.....

.... (tên cơ quan/đơn vị có rừng trồng đề nghị thanh lý) trình phương án thanh lý rừng trồng các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHU RỪNG TRỒNG ĐỀ NGHỊ THANH LÝ

1. Tên khu rừng trồng đề nghị thanh lý (lô, khoảnh, tiểu khu):
2. Địa điểm rừng trồng thanh lý:.....
3. Diện tích rừng trồng đề nghị thanh lý được xác định theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13458: 2021 về phương pháp xác định diện tích rừng bị thiệt hại (có bản đồ đính kèm):
4. Loại rừng:.....
5. Loài cây trồng:
6. Thời gian giai đoạn đầu tư (năm trồng, năm kết thúc):.....
7. Mật độ theo thiết kế:
8. Số cây còn lại trên diện tích đề nghị thanh lý: bình quân cây/ha hoặc số cây/toàn diện tích đề nghị thanh lý (nếu có):
9. Giá trị đầu tư ban đầu:
10. Nguồn vốn đầu tư, thuộc chương trình/dự án
11. Mật độ hiện tại (đối với rừng trồng trong giai đoạn đầu tư) hoặc hiện trạng rừng (đối với rừng trồng sau giai đoạn đầu tư):
12. Khối lượng lâm sản hiện tại (nếu có):

Mô tả phương pháp tính toán khối lượng, kèm theo các chỉ số đo đếm và tính toán, có biên bản xác minh.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Xác định rừng thiệt hại: *(xác định địa điểm rừng bị thiệt hại (lô, khoảnh, tiểu khu); loại rừng trồng; xác định diện tích, loài cây trồng, năm trồng, mật độ trồng, mật độ tại thời điểm xác minh, tình hình sinh trưởng).*
2. Xác định trường hợp bị thiệt hại và thời điểm xảy ra thiệt hại:
3. Ước tính khối lượng, giá trị lâm sản bị thiệt hại (nếu có): *(được tính toán theo từng lô, nếu rừng chưa có trữ lượng thì tính toán kinh phí đã đầu tư (trồng, chăm sóc, bảo vệ, vv...) theo số năm đầu tư. Đối với rừng đã có trữ lượng thì tính toán khối lượng bị thiệt hại, ước tính giá trị thiệt hại theo giá tại thời điểm xảy ra thiệt hại).*
4. Hình thức thanh lý:.....
5. Đề xuất chi phí thực hiện thanh lý và quản lý sử dụng tiền thu được từ thanh lý rừng (nếu có):
 - a) Dự toán chi phí thực hiện thanh lý:
 - b) Ước tính số tiền thu được từ bán lâm sản từ thanh lý rừng trồng (nếu có):
.....
 - c) Quản lý sử dụng số tiền thu được từ bán lâm sản từ thanh lý rừng trồng (nếu có):
- (Căn cứ tình hình thực tế, tổ chức đề nghị thanh lý đề xuất các nội dung trên phù hợp với Điều 34c Nghị định này)*
6. Đề xuất kế hoạch phục hồi lại rừng sau thanh lý (bao gồm cả giải pháp để giữ lại những cây còn khả năng phục hồi được thống kê, kiểm đếm theo mục 8 phần I phương án này).
7. Tổ chức thực hiện.

III. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ THANH LÝ RỪNG TRỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.... năm....

BIÊN BẢN

Xác minh, kiểm tra hiện trường xác định thiệt hại rừng trồng
Chủ rừng/Chủ đầu tư Dự án

I. THÀNH PHẦN

(Theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 34b Nghị định số...../...../ND-CP ngày/...../..... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm)

II. NỘI DUNG

Biên bản xác minh, kiểm tra hiện trường gồm các nội dung chính sau:

1. Xác định rừng thiệt hại: *(xác định địa điểm rừng trồng bị thiệt hại (lô, khoảnh, tiểu khu); loại rừng trồng; xác định diện tích, loài cây trồng, năm trồng, mật độ trồng, mật độ tại thời điểm xác minh, tình hình sinh trưởng);*
2. Xác định trường hợp bị thiệt hại và thời điểm xảy ra thiệt hại: *(xác định rõ các nguyên nhân và thời gian xảy ra thiệt hại).*
3. Ước tính khối lượng, giá trị lâm sản bị thiệt hại (nếu có): *(được tính toán theo từng lô rừng, nếu rừng chưa có trữ lượng thì tính toán kinh phí đã đầu tư (trồng, chăm sóc, bảo vệ...) theo số năm đầu tư đã thanh toán cho đối tượng trồng rừng. Đối với rừng trồng có trữ lượng thì tính toán khối lượng bị thiệt hại, giá trị thiệt hại theo giá tại thời điểm xảy ra thiệt hại).*
4. Ước tính giá trị lâm sản thu được nếu thực hiện thanh lý:

III. ĐỀ XUẤT CỦA ĐOÀN XÁC MINH, KIỂM TRA

1. Trường hợp rừng đủ điều kiện thanh lý
 - a) Hình thức thanh lý:.....
 - b) Xác định chi phí thực hiện thanh lý và số tiền thu được từ thanh lý rừng trồng (nếu có):
 - c) Nội dung chi phí thanh lý:.....
 - d) Ước tính số tiền thu được từ bán lâm sản từ thanh lý rừng trồng (nếu có):
 - đ) Đề xuất kế hoạch phục hồi rừng sau thanh lý:.....
 - e) Các nội dung khác có liên quan:

2. Trường hợp rừng có khả năng phục hồi (áp dụng các biện pháp lâm sinh để phục hồi theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp)

a)

b).....

Biên bản gồm trang; được lập thành ... bản và đã được các thành phần tham gia nhất trí, không có ý kiến khác và kết thúc hồi giờ phút ngày ... tháng năm

THÀNH PHẦN ĐOÀN XÁC MINH, KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG

(Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký, chức vụ, cơ quan)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày.... tháng.... năm....

BIÊN BẢN HỌP**Hội đồng thẩm định thanh lý rừng trồng****I. THÀNH PHẦN**

(Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 34b Nghị định số...../...../ND-CP ngày/...../..... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm)

II. NỘI DUNG HỌP THẨM ĐỊNH

Hội đồng họp thẩm định hồ sơ đề nghị thanh lý rừng trồng của chủ rừng/chủ đầu tư dự án

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Tính đầy đủ của hồ sơ:.....

2. Đánh giá sự cần thiết phải thanh lý rừng trồng, tính phù hợp của việc thanh lý rừng trồng với các quy định hiện hành của nhà nước:.....

3. Đánh giá chi tiết, cụ thể các nội dung của phương án thanh lý rừng trồng của chủ rừng/chủ đầu tư dự án với các nội dung cụ thể:.....

a) Thông tin về diện tích rừng trồng thanh lý

- Tên chủ rừng/chủ đầu tư dự án có rừng trồng đề nghị thanh lý:.....

- Tên khu rừng trồng đề nghị thanh lý:.....

- Địa điểm rừng trồng thanh lý:.....

- Diện tích rừng trồng đề nghị thanh lý:.....

- Loại rừng:.....

- Loài cây trồng:.....

- Năm trồng:.....

- Mật độ theo thiết kế:.....

- Mật độ hiện tại (đối với rừng trồng trong giai đoạn đầu tư):.....

- Khối lượng lâm sản hiện tại:.....

- Giá trị đầu tư:.....

- Nguồn vốn đầu tư, thuộc chương trình/dự án

-

- b) Trường hợp thiệt hại và thời điểm xảy ra thiệt hại:.....
- c) Ước tính khối lượng, giá trị lâm sản bị thiệt hại (nếu có):.....
- d) Hình thức thanh lý:.....
- đ) Chi phí thực hiện thanh lý (nếu có):.....
- e) Ước tính số tiền thu được từ bán lâm sản từ thanh lý rừng trồng (nếu có):
.....
- g) Kế hoạch phục hồi lại rừng sau thanh lý:.....
- h) Tổ chức thực hiện:

(Căn cứ chỉ tiêu nghiệm thu sau khi trồng rừng (đối với rừng trồng trong giai đoạn đầu tư) hoặc tiêu chuẩn quốc gia về rừng trồng (đối với rừng trồng sau giai đoạn đầu tư; thành viên Hội đồng thẩm định có ý kiến đánh giá cụ thể đối với các nội dung theo phương án của chủ rừng và kết quả thẩm định)

- i) Kết quả tổng hợp nội dung thẩm định thể hiện theo bảng sau:

TT	Nội dung phương án	Đề xuất phương án của chủ rừng	Ý kiến của Hội đồng thẩm định
-----------	-------------------------------	---	--

IV. KẾT LUẬN

1. Nhận xét:.....
2. Kiến nghị:.....
- Đối với cơ quan có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng:.....
 - Đối với chủ rừng/chủ đầu tư dự án:.....
 - Đối với các cơ quan khác (nếu có):.....

Biên bản gồm trang; được lập thành ... bản và đã được các thành phần tham gia nhất trí, không có ý kiến khác và kết thúc hội giờ phút ngày ... tháng năm

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
(Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký, chức vụ, cơ quan)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

..., ngày.... tháng.... năm.....

BÁO CÁO
Kết quả thẩm định thanh lý rừng trồng

Kính gửi:(cơ quan thẩm quyền phê duyệt)

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số...../2026/NĐ-CP ngày/..... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng thẩm định thanh lý rừng trồng ngàythángnămđối với chủ rừng/chủ đầu tư dự án....

Sau khi thẩm định, (Tên cơ quan thẩm định) báo cáo kết quả thẩm định thanh lý rừng trồng đối với chủ rừng/chủ đầu tư dự án.... như sau:

I. TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Tên chủ rừng/chủ đầu tư dự án có rừng trồng đề nghị thanh lý:
2. Tên khu rừng trồng đề nghị thanh lý:
3. Thông tin về diện tích rừng trồng bị thiệt hại
 - Địa điểm rừng trồng thanh lý: (có bản đồ đính kèm, trường hợp đã có hồ sơ thì không cần quy định bản đồ).
 - Diện tích rừng trồng đề nghị thanh lý:.....
 - Loại rừng:.....
 - Loài cây trồng:.....
 - Năm trồng:.....
 - Mật độ theo thiết kế:.....
 - Mật độ hiện tại (đối với rừng trồng trong giai đoạn đầu tư):.....
 - Khối lượng lâm sản hiện tại:.....
 - Giá trị đầu tư:.....
 - Nguồn vốn đầu tư, thuộc chương trình/dự án

-

4. Lý do đề nghị thanh lý (nêu rõ trường hợp thiệt hại và thời điểm xảy ra thiệt hại):

II. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

1. Đánh giá sự cần thiết phải thanh lý rừng trồng, tính phù hợp của việc thanh lý rừng trồng với các quy định hiện hành của Nhà nước:.....

2. Đánh giá chi tiết, cụ thể các nội dung của Phương án thanh lý rừng trồng của chủ rừng/chủ đầu tư dự án:.....

III. KẾT LUẬN

1. Nhận xét.

2. Kiến nghị:

- Đối với chủ rừng/chủ đầu tư dự án:.....

- Đối với cơ quan có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng:.....

- Đối với các cơ quan khác (nếu có):.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH THANH LÝ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..., ngày.... tháng.... năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thanh lý rừng trồng

TÊN CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của...;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số...../...../ND-CP ngày/..... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Xét đề nghị của ... tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của (tên cơ quan/đơn vị thẩm định) tại Báo cáo kết quả thẩm định số ngày... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thanh lý rừng trồng đối với diện tích rừng trồng bị thiệt hại do của chủ rừng/chủ đầu tư dự án với các nội dung chủ yếu sau:

1. Thông tin chung về rừng trồng được thanh lý

a) Tên khu rừng trồng đề nghị thanh lý:

b) Địa điểm rừng trồng thanh lý:

c) Diện tích rừng trồng đề nghị thanh lý:

d) Loại rừng:

đ) Loài cây trồng:.....

e) Năm trồng:.....

g) Mật độ theo thiết kế:.....

h) Mật độ hiện tại (đối với rừng trồng trong giai đoạn đầu tư):.....

i) Giá trị đầu tư:.....

k) Nguồn vốn đầu tư, thuộc chương trình/dự án:.....

2. Hình thức thanh lý:.....

3. Các nội dung khác (nếu có):

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đối với chủ rừng: *(nêu rõ trách nhiệm hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện phục hồi rừng bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh sau thanh lý rừng)*

2. Đối với các cơ quan liên quan:

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan, hiệu lực thi hành Quyết định....

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục II⁶**PHƯƠNG ÁN (HOẶC ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN)****TẠM SỬ DỤNG RỪNG***(Kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN LẬP PHƯƠNG ÁN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../...

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN**Tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng)
để thực hiện Dự án**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp

Căn cứ Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số;*Căn cứ Quyết định số*;*Căn cứ*;

..... (1) lập Phương án tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng) để xây dựng hạng mục công trình xây dựng tạm thực hiện Dự án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp xem xét, phê duyệt, như sau:

1. Thông tin về tổ chức/chủ đầu tư dự án tạm sử dụng rừng**- Tên tổ chức/chủ đầu tư dự án (chữ in hoa) (2):****- Địa chỉ trụ sở chính:****- Điện thoại:**

⁶ Phụ lục II được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2025.

- Họ và tên người đại diện:
- + Chức vụ:
- + Số CCCD:ngày, tháng, năm cấp:
- + Nơi cư trú:

2. Về vị trí, diện tích, loại rừng, trữ lượng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh tạm sử dụng rừng)

- a) Tên, địa chỉ chủ rừng (xã, tỉnh):
- b) Vị trí: lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính.
- c) Diện tích phân theo:

- Loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.
- Nguồn gốc hình thành: rừng tự nhiên, rừng trồng.

d) Trữ lượng rừng:

đ) Loài cây, năm trồng đối với rừng trồng:

3. Lý do điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (nếu có):

4. Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ trên phạm vi diện tích tạm sử dụng rừng

a) Phương thức khai thác (3):

b) Sản lượng dự kiến khai thác (4): gỗ.....m³; củi hoặc sản phẩm khác....ster/m³.

c) Thực vật rừng ngoài gỗ (5):tân; hoặccây (nếu xác định được).

d) Dự kiến hệ thống đường vận xuất, vận chuyển (6):

đ) Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng (7):

e) Phương thức thu hồi gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ khai thác tận dụng: ...

g) Kinh phí, nguồn kinh phí khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ:

h) Nội dung liên quan khác (nếu có)

5. Thời gian tạm sử dụng rừng:

Từ ngày ... tháng ... năm.... đến ngày ... tháng ... năm ...

6. Nội dung trồng lại diện tích rừng

a) Biện pháp trồng rừng: Thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về các biện pháp kỹ thuật lâm sinh.....

b) Thời gian trồng rừng, hoàn trả, bàn giao cho chủ rừng:

c) Nghiệm thu rừng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.....

d) Kinh phí trồng rừng:

đ)

Để có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện, (8) kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/tp xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT, ...

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LẬP PHƯƠNG ÁN**

(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)

Ghi chú:

(1), (2) và (8) ghi rõ tên tổ chức/chủ đầu tư dự án.

(3) Khai thác chọn, khai thác trắng toàn bộ, khai thác trắng theo băng, khai thác trắng theo đám.

(4) và (5) Phương pháp xác định các chỉ tiêu này theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quản lý lâm sản, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

(6) Tùy theo địa hình, khối lượng và kích thước gỗ khai thác, khả năng về trang thiết bị kỹ thuật để lựa chọn phương án và các loại hình vận xuất hợp lý, sao cho vừa đạt hiệu quả kinh tế, vừa hạn chế tác động xấu đến xói mòn đất, cây tái sinh.

(7) Nêu rõ các biện pháp như băm nhỏ cành ngọn sau khai thác, dọn vệ sinh rừng sau khai thác...

Phụ lục II⁷
*(Kèm theo Nghị định số 42/2026/NĐ-CP
 ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Tổng hợp nhu cầu giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn xã
Mẫu số 02	Tổng hợp thực trạng giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn xã
Mẫu số 03	Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn xã
Mẫu số 04	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn xã
Mẫu số 05	Tờ trình đề nghị trình phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Ủy ban nhân dân cấp xã
Mẫu số 06	Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Sở Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 07	Quyết định phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
Mẫu số 08	Phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng
Mẫu số 09	Quyết định phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng
Mẫu số 10	Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng
Mẫu số 11	Văn bản đề nghị giao rừng, cho thuê rừng (dùng cho cá nhân)
Mẫu số 12	Văn bản đề nghị giao rừng (dùng cho cộng đồng dân cư)
Mẫu số 13	Văn bản đề nghị giao rừng, cho thuê rừng (dùng cho tổ chức)
Mẫu số 14	Quyết định giao rừng, cho thuê rừng (dùng cho cá nhân, cộng đồng dân cư)
Mẫu số 15	Quyết định về giao rừng/cho thuê rừng (dùng cho tổ chức)
Mẫu số 16	Biên bản bàn giao rừng
Mẫu số 17	Đề nghị quyết định chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (dùng cho tổ chức)
Mẫu số 18	Đề nghị quyết định chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (dùng cho cá nhân)

⁷ Phụ lục II được thay thế theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 19	Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ trình chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
Mẫu số 20	Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quyết định chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
Mẫu số 21	Đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (dùng cho tổ chức)
Mẫu số 22	Đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (dùng cho cá nhân)
Mẫu số 23	Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
Mẫu số 24	Tờ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường về việc đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
Mẫu số 25	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (dùng cho tổ chức)
Mẫu số 26	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (dùng cho cá nhân)
Mẫu số 27	Phương án sử dụng rừng để thực hiện công trình....
Mẫu số 28	Văn bản đề nghị quyết định phê duyệt Phương án sử dụng rừng để thực hiện công trình...
Mẫu số 29	Quyết định về việc phê duyệt Phương án sử dụng rừng để thực hiện công trình
Mẫu số 30	Tờ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã/Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị quyết định thu hồi rừng
Mẫu số 31	Quyết định thu hồi rừng

Biểu.....

TỔNG HỢP**NHU CẦU GIAO RỪNG, CHO THUÊ RỪNG, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG NĂM.....***(Kèm theo Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng Xã.....)***I. GIAO RỪNG, CHO THUÊ RỪNG**

STT	Thôn, bản	Nhu cầu giao rừng (ha)	Nhu cầu thuê rừng (ha)	Loại rừng theo mục đích sử dụng ⁶	Thông tin về hiện trạng rừng					
					Rừng tự nhiên			Rừng trồng		
					Diện tích (ha)	Trạng thái ⁷	Trữ lượng ⁸ (m ³)	Diện tích (ha)	Loài cây	Năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

⁶ Loại rừng theo mục đích sử dụng: Đặc dụng, phòng hộ, sản xuất.⁷ Trạng thái: Theo số liệu diễn biến rừng hằng năm.⁸ Trữ lượng: Theo số liệu kiểm kê rừng trong kỳ.

II. CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

[illegible]

Biểu
TỔNG HỢP THỰC TRẠNG GIAO RỪNG, CHO THUÊ RỪNG, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
XÃ....., TỈNH.....
(Kèm theo Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng cấp xã.....)

Diện tích rừng	Tổng (ha)	Diện tích rừng đã giao	Diện tích rừng chưa giao	Diện tích rừng đã cho thuê	Diện tích rừng chưa cho thuê	Diện tích rừng đã CMĐSDR
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. Xã						
1. Rừng đặc dụng						
1.1. Rừng tự nhiên						
1.2. Rừng trồng						
2. Rừng phòng hộ						
2.1. Rừng tự nhiên						
2.2. Rừng trồng						
3. Rừng sản xuất						
3.1. Rừng tự nhiên						
3.2. Rừng trồng						
II. Xã						
1. Rừng đặc dụng						
1.1. Rừng tự nhiên						
1.2. Rừng trồng						
2. Rừng phòng hộ						
2.1. Rừng tự nhiên						
2.2. Rừng trồng						
3. Rừng sản xuất						
3.1. Rừng tự nhiên						
3.2. Rừng trồng						
.....						

Biểu

KẾ HOẠCH GIAO RỪNG, CHO THUÊ RỪNG NĂM.....
XÃ....., TỈNH.....

(Kèm theo Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng Xã.....)

STT	Thôn, bản	Diện tích rừng giao	Diện tích rừng cho thuê	Loại rừng theo mục đích sử dụng ¹⁰	Thông tin về hiện trạng rừng					
					Rừng tự nhiên			Rừng trồng		
					Diện tích (ha)	Trạng thái ¹¹	Trữ lượng ¹² (m ³)	Diện tích (ha)	Loài cây	Năm trồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

¹⁰ Loại rừng theo mục đích sử dụng: Đặc dụng, phòng hộ, sản xuất.

¹¹ Trạng thái: Theo số liệu diễn biến rừng hằng năm.

¹² Trữ lượng: Theo số liệu kiểm kê rừng trong kỳ.

**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG NĂM.....
XÃ....., TỈNH.....**

[illegible]

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNGCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-UBND-...

..., ngàythángnăm

TỜ TRÌNH**V/v đề nghị trình phê duyệt Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm xã.....**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;**Căn cứ.....(các văn bản liên quan khác).*

Ủy ban nhân dân xã trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm xã....., tỉnh, nội dung cụ thể như sau:

1. Hiện trạng giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác xã.....;
2. Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng năm xã
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nămxã.....;
4. Thời gian thực hiện:
5. Kinh phí thực hiện:
6. Tổ chức thực hiện:

*(Có Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng xã
.....và hồ sơ kèm theo)*

Ủy ban nhân dân xã đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm
định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-.....

....., ngàythángnăm

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị phê duyệt Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng,
chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm xã.....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Tờ trình số/TTr-UBND ngày ...tháng...năm của Ủy ban nhân dân xã về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm xã..... tỉnh

Căn cứ Báo cáo số/BC-.... ngày...tháng...năm của về kết quả thẩm định hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm xã...tỉnh

Căn cứ.....(các văn bản liên quan khác).

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân phê duyệt Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm xã....., tỉnh, nội dung cụ thể như sau:

1. Hiện trạng giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng xã.....;
2. Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng năm xã
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nămxã.....;
4. Thời gian thực hiện:

5. Kinh phí thực hiện:;

6. Tổ chức thực hiện;

7.

*(Có Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng xã
.....và hồ sơ kèm theo)*

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân xem xét,
phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng,
chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nămxã/phường.....**

ỦY BAN NHÂN DÂN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;**Căn cứ.....**Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình sốngày..... tháng.....năm.....**Theo đề nghị của.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm ...xã/phường, với các nội dung sau:

1. Hiện trạng giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng xã.....;

2. Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng năm xã/phường.....;

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nămxã/phường.....;

4.

(Có Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng xã/phườngvà hồ sơ kèm theo)

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân xã/phường có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đúng quy định của pháp luật.

2. Thực hiện giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo đúng Kế hoạch đã được duyệt.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

4.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-
-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

CƠ QUAN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN**Đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng xã/phường****I. MỤC ĐÍCH**

.....

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

.....

III. THÔNG TIN KHU RỪNG ĐẤU GIÁ

1. Vị trí, diện tích khu rừng đấu giá

- Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính):.....

- Diện tích (ha):

- Hiện trạng:.....

- Trữ lượng (m^3):

- Loài cây (rừng trồng):.....Năm trồng:.....

2. Mục đích, hình thức (cho thuê rừng), thời hạn sử dụng rừng

- Mục đích sử dụng rừng:.....

- Hình thức:.....

- Thời hạn sử dụng:.....

IV. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ

1. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá:.....

2. Đối tượng, điều kiện được tham gia đấu giá, mức phí tham gia đấu giá:

- Đối tượng:.....

- Điều kiện được tham gia đấu giá (thuộc đối tượng được thuê rừng theo quy định tại Điều 17 Luật Lâm nghiệp và đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản):.....

- Mức phí tham gia đấu giá:.....

3. Giá khởi điểm, khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật:

- Giá khởi điểm:

- Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:.....
- Khoản thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có):.....

4. Hình thức và phương thức tổ chức đấu giá

- Hình thức tổ chức đấu giá:.....
- Phương thức tổ chức đấu giá:.....

5. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá

- Kinh phí thực hiện:.....
- Nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá:.....

6. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá:.....

7. Các nội dung khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương:

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan xây dựng phương án đấu giá.
2. Tổ chức được lựa chọn thực hiện cuộc bán đấu giá.
3. Các cơ quan có liên quan.....
4. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 09

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND-....

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh.../xã....****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;**Căn cứ.....**Xét đề nghị của tại Tờ trình sốngày..... tháng.....năm.....**Theo đề nghị của.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt Phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh.../ xã..... (Có Phương án kèm theo).**Điều 2.** Giao nhiệm vụ:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường/cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã:.....

2. Cơ quan, đơn vị có liên quan:.....

3.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường...../Văn phòng Ủy ban nhân dân xã....; cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-;

-.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND-...

..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá thuê rừng**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;**Căn cứ.....**Xét đề nghị của tại Tờ trình sốngày..... tháng.....năm.....**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công nhận kết quả trúng đấu giá thuê rừng, với các nội dung sau:

1. Vị trí, diện tích khu rừng đấu giá

- Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính):.....

- Diện tích (ha):

- Hiện trạng:.....
- Trữ lượng (m³):
- Loài cây (rừng trồng):.....Năm trồng:.....
- 2. Mục đích, hình thức (cho thuê rừng), thời hạn sử dụng rừng
- Mục đích sử dụng rừng:.....
- Hình thức:.....
- Thời hạn sử dụng:.....
- 3. Cá nhân/tổ chức trúng đấu giá thuê rừng:.....
- 4. Tổng số tiền trúng đấu giá thuê rừng:
- 5. Nơi nộp tiền trúng đấu giá:

Điều 2. Giao nhiệm vụ:

- 1. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã:.....
- 2. Cá nhân/tổ chức trúng đấu giá thuê rừng.....
- 3. Cơ quan, đơn vị có liên quan:.....
- 4.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường,..../Văn phòng Ủy ban nhân dân xã; cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
-

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIAO RỪNG
(Dùng cho cá nhân)

Kính gửi:

1. Họ và tên người đề nghị giao rừng.....

Năm sinh..... Số CCCD:..... Ngày cấp.....

Nơi cấp

Họ và tên vợ hoặc chồng:

Năm sinh..... Số CCCD:..... Ngày cấp.....

Nơi cấp

2. Địa chỉ thường trú.....

.....

3. Địa điểm khu rừng đề nghị giao¹².....

.....

4. Diện tích đề nghị giao rừng (ha)

5. Để sử dụng vào mục đích quản lý, bảo vệ, phát triển rừng....

6. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

....ngày ... tháng ... năm

Người đề nghị giao rừng
(Ký và ghi họ, tên)

¹² Địa điểm khu rừng đề nghị giao ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, xã, tỉnh, có thể ghi cả địa danh địa phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIAO RỪNG
(Dùng cho cộng đồng dân cư)

Kính gửi:

1. Tên cộng đồng dân cư đề nghị giao rừng.....
2. Địa chỉ.....
3. Họ và tên người đại diện hợp pháp của cộng đồng dân cư:
- Chức vụ..... Số CCCD:.....

Sau khi được nghiên cứu quy định của pháp luật về lâm nghiệp, được trao đổi thống nhất trong cộng đồng dân cư, có quy chế quản lý rừng sơ bộ (kèm theo) và thống nhất đề nghị Ủy ban nhân dân xã giao rừng cho cộng đồng dân cư, như sau:

4. Địa điểm khu rừng đề nghị giao: vị trí..... tại..... (Trường hợp giao/thuê nhiều lô rừng thì thống kê theo Mẫu số 32 Phụ lục II kèm theo Nghị định này).

5. Diện tích đề nghị giao (ha).....

6. Để sử dụng vào mục đích quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng....

7. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về lâm nghiệp..

.....ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ GIAO/CHO THUÊ RỪNG
(Dùng cho tổ chức)

Kính gửi:

1. Tên tổ chức đề nghị giao rừng/cho thuê rừng¹³
 2. Địa chỉ trụ sở chính.....
 3. Địa chỉ liên hệ..... Điện thoại.....
 4. Người đại diện hợp pháp của tổ chức:
 - Họ và tên người đại diện:.....
 - Chức vụ:.....
 - Số Căn cước công dân/Căn cước:
 - Hộ khẩu thường trú:.....
 5. Địa điểm khu rừng đề nghị giao/cho thuê¹⁴
 6. Diện tích rừng đề nghị giao/cho thuê (ha).....; vị trí.....
 tại.....
 7. Để sử dụng vào mục đích¹⁵
 8. Thời hạn sử dụng (năm).....
 9. Phương thức nộp tiền sử dụng rừng (nếu có).....
 10. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, nộp tiền sử dụng rừng (nếu có) đầy đủ, đúng hạn

- Các cam kết khác (nếu có):

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

¹³ Đối với tổ chức phải ghi rõ: tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại; số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập tổ chức.

¹⁴ Địa điểm khu rừng đề nghị giao ghi rõ tên xã/phường, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tên tiểu khu, khoảnh.

¹⁵ Mục đích để quản lý, bảo vệ, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, dịch vụ du lịch, nghiên cứu khoa học...

Mẫu số 14

ỦY BAN NHÂN DÂN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND-...

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao rừng/cho thuê rừng
(Dùng cho cá nhân, cộng đồng dân cư)**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ...***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;**Căn cứ**Theo đề nghị của¹⁶***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Giao/cho thuê ha rừng; loại rừng (theo mục đích sử dụng, theo nguồn gốc hình thành).....; trạng thái.....; trữ lượng..... ; vị trí..... tại.....Người được giao/cho thuê rừng¹⁷:¹⁶ Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã/Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Số CCCD (đối với cá nhân):.....

Địa chỉ:

Thời gian được giao/cho thuê rừng là.....năm, kể từ ngày..... tháng..... năm.... đến ngày..... tháng.....năm.....

Người được giao/cho thuê rừng có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng diện tích rừng được giao/cho thuê đúng mục đích theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.../Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho người được giao/thuê rừng có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý rừng của nhà nước, nộp tiền phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Trao quyết định giao/cho thuê rừng cho người được giao/thuê rừng sau khi người được giao/thuê rừng hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan và người được giao/thuê rừng xác định cụ thể mốc giới và bàn giao rừng trên thực địa.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp thực hiện việc chỉnh lý, cập nhật hồ sơ quản lý rừng, đất rừng...

5.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng Ủy ban nhân dân xã; cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã/Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường,.....và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân xã/tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-;
-
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

¹⁷ Cá nhân, người đại diện hợp pháp của cộng đồng dân cư.

Mẫu số 15

ỦY BAN NHÂN DÂN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND-...

..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giao rừng/cho thuê rừng
(Dùng cho tổ chức)****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;**Căn cứ**Theo đề nghị của¹⁸***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Giao/cho thuê ha rừng; loại rừng (theo mục đích sử dụng, theo nguồn gốc hình thành).....; trạng thái.....; trữ lượng.....; vị trí..... tại.....

Tổ chức được giao/cho thuê rừng:

Do ông (bà).....chức vụ:

¹⁸ Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã/Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Làm đại diện hợp pháp của tổ chức được giao/cho thuê rừng.

Số CCCD:.....

Địa chỉ:

Thời gian được giao/cho thuê rừng là.....năm, kể từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng.....năm.....

Tổ chức được giao/cho thuê rừng có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng diện tích rừng được giao/cho thuê đúng mục đích theo các quy định của pháp luật về lâm nghiệp. Đối với trường hợp thuê rừng, trong thời gian sử dụng rừng, chủ rừng có trách nhiệm thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về lâm nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Môi trường/cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho tổ chức được giao/thuê rừng có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý rừng của nhà nước, nộp tiền phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Trao quyết định giao/cho thuê rừng cho tổ chức được giao/thuê rừng sau khi người được giao/thuê rừng hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan và tổ chức được giao/thuê rừng xác định cụ thể mốc giới và bàn giao rừng trên thực địa.

4. Thực hiện việc chỉnh lý, cập nhật hồ sơ quản lý rừng, đất rừng/chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp thực hiện việc chỉnh lý, cập nhật hồ sơ quản lý rừng, đất rừng...

5.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường;/Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.... và tổ chức được giao/thuê rừng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh/xã chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
-
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Bàn giao rừng

Căn cứ Quyết định¹⁹.....

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm.....

Tại²⁰.....

Chúng tôi gồm có:

I. Bên giao rừng

Do ông (bà).....làm đại diện²¹.

II. Bên nhận rừng

Do ông (bà).....làm đại diện²².

III. Đại diện chủ rừng liên hệ

- Ông (bà)²³.....

- Ông (bà).....

- Ông (bà).....

-

Đã cùng nhau xác định ranh giới; thống nhất về nhận xét, đánh giá hiện trạng khu rừng và bàn giao cho.....(có biểu thống kê và bản đồ kèm theo).

Những nhận xét khác (nếu có):

Biên bản đã được đọc để các thành viên tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản, chủ rừng giữ 01 bản, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi họ tên)

Đại diện chủ rừng liên hệ

(Ký, ghi họ tên)

Đại diện chủ rừng liên hệ

(Ký, ghi họ tên)

Đại diện chủ rừng liên hệ

(Ký, ghi họ tên)

¹⁹ Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cấp tỉnh về việc giao rừng, cho thuê rừng, ghi rõ số, ngày, tháng, năm và trích yếu nội dung của quyết định.

²⁰ Ghi rõ tên xã/phường; nếu bàn giao rừng cho cộng đồng dân cư thì ghi rõ thêm tên cộng đồng dân cư.

²¹ Bên giao rừng ghi rõ họ, tên, chức vụ của người làm đại diện.

²² Bên nhận rừng nếu là cá nhân thì ghi họ, tên cá nhân; nếu là tổ chức, cộng đồng dân cư thì ghi họ, tên và chức danh của người đại diện hợp pháp cho tổ chức, cộng đồng dân cư đó.

²³ Đại diện chủ rừng liên hệ nếu là cá nhân thì ghi họ, tên cá nhân; nếu là cộng đồng dân cư thì ghi họ, tên và chức danh của người đại diện hợp pháp cho cộng đồng dân cư.

Mẫu số 17

TÊN TỔ CHỨC/CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../...

....., ngày tháng năm

**ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG/ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG
 CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
 (Dùng cho tổ chức)**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày thángnăm..... của về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hoặc Quyết định số...../QĐ-.....ngày thángnăm..... của về việc phê duyệt dự án đầu tư.....;

Căn cứ.....

- Tên tổ chức/chủ đầu tư dự án

- Địa chỉ liên hệ

- Điện thoại

- Người đại diện:

+ Họ và tên:.....

+ Chức vụ:.....

+ Số Căn cước công dân/Căn cước:...ngày, tháng, năm cấp:.....

+ Hộ khẩu thường trú:.....

Đề nghị xem xét, quyết định chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác như sau:

1. Các thông tin về rừng:

a) Các thông tin về: Vị trí khu rừng (ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, lô); diện tích rừng (ha); chức năng rừng (ghi rõ rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất); loại rừng (ghi rõ rừng tự nhiên, rừng trồng).

b) Mục đích của việc chuyển mục đích sử dụng rừng:

2. Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số/.../ND-CP ngày .../.../.... của Chính phủ kèm theo, gồm:.....

3. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác về các thông tin trên.

...ngày....tháng...năm....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC/CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG/ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
(Dùng cho cá nhân)

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày thángnăm..... của về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hoặc Quyết định số...../QĐ-.....ngày thángnăm..... của về việc phê duyệt dự án đầu tư.....;

Căn cứ.....

- Tên cá nhân:.....

- Địa chỉ:

- Số Căn cước công dân/Căn cước:..... ngày cấp..... nơi cấp

- Điện thoại:.....

Đề nghị xem xét, quyết định chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác như sau:

1. Các thông tin về rừng:

a) Các thông tin về: Vị trí khu rừng (ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, lô); diện tích rừng (ha); loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất); nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng).

b) Mục đích của việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

.....

2. Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số .../.../ND-CP ngày .../.../.... của Chính phủ kèm theo, gồm:.....

3. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác về các thông tin trên.

.....ngày.... tháng năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi họ tên)

Mẫu số 19

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-SNNMT-...

..., ngày tháng năm ...

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định hồ sơ trình chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển
mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện ...**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ.....

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành văn bản lấy ý kiến thẩm định/hợp thẩm định đối với hồ sơ trình chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện...., Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh nội dung kết quả thẩm định như sau:

1. Cơ sở pháp lý
2. Thành phần, nội dung hồ sơ
3. Sự cần thiết đầu tư dự án
4. Vị trí, diện tích đề nghị chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
5. Về đáp ứng nguyên tắc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

6. Về tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác.

7.

.....

Sở Nông nghiệp và Môi trường đánh giá hồ sơ dự án đủ điều kiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-UBND-...

..., ngày tháng năm ...

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị quyết định chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện ...

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố.....

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Báo cáo số/BC-SNNMT-... ngày ... tháng .. năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc... và hồ sơ kèm theo;

Căn cứ.....

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện....., với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung về dự án/hoạt động thăm dò khoáng sản/hoạt động khai thác khoáng sản
2. Sự cần thiết đầu tư dự án/ thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản/hoạt động khai thác khoáng sản
3. Diện tích đề nghị chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Diện tích rừng phân theo: mục đích sử dụng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng).

4. Vị trí khu rừng:.....

5. Về đáp ứng nguyên tắc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp.

6. Về tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác.

7.

.....

Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số/.../ND-CP ngày .../.../.... của Chính phủ kèm theo, gồm:

Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương/điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: NNMT, ...;
-
-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 21

TÊN TỔ CHỨC/CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...

....., ngày tháng năm

**ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH
 SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
 (Dùng cho tổ chức)**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND-.....ngày thángnăm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện hoặc Quyết định/Nghị quyết số..... ngày thángnăm..... của về việc chấp thuận/quyết định chủ trương đầu tư dự án

Căn cứ.....

- Tên tổ chức/chủ đầu tư dự án

- Địa chỉ liên hệ

- Điện thoại

- Người đại diện:

+ Họ và tên:.....

+ Chức vụ:.....

+ Số Căn cước công dân/Căn cước:ngày cấp ...nơi cấp:.....

+ Hộ khẩu thường trú:.....

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác như sau:

1. Các thông tin về rừng:

a) Các thông tin về: Vị trí khu rừng (ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, lô); diện tích rừng (ha); loại rừng theo mục đích sử dụng rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất), theo nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng).

b) Mục đích của việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

.....

2. Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số/.../NĐ-CP ngày .../.../.... của Chính phủ kèm theo, gồm:.....

3. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác về các thông tin trên.

...ngày....tháng.....năm....
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC/
 CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN**
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH
SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
(Dùng cho cá nhân)

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND-.....ngày thángnăm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện hoặc Quyết định/Nghị quyết số..... ngày thángnăm..... của về việc chấp thuận/quyết định chủ trương đầu tư dự án

Căn cứ.....

- Tên cá nhân:.....

- Địa chỉ:

- Số Căn cước công dân/Căn cước:..... ngày cấp..... nơi cấp

- Điện thoại:.....

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác như sau:

1. Các thông tin về rừng:

a) Các thông tin về: Vị trí khu rừng (ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, lô); diện tích rừng (ha); loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất); nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng).

b) Mục đích của việc chuyển mục đích sử dụng rừng

2. Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày /.../... của Chính phủ kèm theo, gồm:.....

3. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác về các thông tin trên.

.....ngày.... tháng năm ...

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký và ghi họ tên)

Mẫu số 23**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr-SNNMT-....

..., ngày tháng năm ...

TỜ TRÌNH**V/v đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác để thực hiện**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;**Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND-.....ngày thángnăm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện hoặc Nghị quyết/Quyết định số..... ngày thángnăm..... của về việc chấp thuận/quyết định chủ trương đầu tư dự án**Căn cứ(các văn bản liên quan khác).*

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố xem xét, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung về dự án/hoạt động thăm dò khoáng sản/hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng và diện tích rừng đề nghị sử dụng tạm (nếu có).

Tổng diện tích. ... ha rừng; phân loại rừng theo mục đích sử dụng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng); trữ lượng; loài cây (đối với rừng trồng).

Vị trí: lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính.

3. Đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Lâm nghiệp.....

4. Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số/.../NĐ-CP ngày .../.../.... của Chính phủ kèm theo, gồm:.....

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-

GIÁM ĐỐC

(Ghi tên, ký và đóng dấu)

Mẫu số 24

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG ...
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTr-.....

..., ngày tháng năm ...

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác để thực hiện
(Dùng cho cá nhân)**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường.....

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND-.....ngày thángnăm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện hoặc Nghị quyết/Quyết định số..... ngày thángnăm..... của về việc chấp thuận/quyết định chủ trương đầu tư dự án

Căn cứ.....(các văn bản liên quan khác).

..... (Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường.... xem xét, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung về dự án/hoạt động thăm dò khoáng sản/hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác và diện tích rừng đề nghị sử dụng tạm (nếu có).

Tổng diện tích. ... ha rừng; phân theo mục đích sử dụng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng); trữ lượng; loài cây (đối với rừng trồng).

Vị trí: lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính.

3. Đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Lâm nghiệp.....

4.

.....

Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số/.../NĐ-CP ngày .../.../.... của Chính phủ kèm theo, gồm:.....

Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường.....xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 25

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND-...

..., ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH

**V/v chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án...
(Dùng cho tổ chức)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ văn bản/Nghị quyết của cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện;

Căn cứ.....;

Xét đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số.....

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án.....với tổng diện tích làha, trong đó:

- Diện tích rừng tự nhiên:ha, trong đó: rừng đặc dụng....ha; rừng phòng hộ....ha; rừng sản xuất....ha.

- Diện tích rừng trồng:ha, trong đó: rừng đặc dụng....ha; rừng phòng hộ....ha; rừng sản xuất....ha.

- Vị trí :

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

2.

3.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; và tổ chức đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-

-

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-UBND-...

..., ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH**V/v chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án...
(Dùng cho cá nhân)****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN....***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;**Căn cứ văn bản/Nghị quyết của cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện**Căn cứ.....;**Xét đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của..... và đề nghị của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường tại địa phương.**Theo đề nghị của....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án.....với tổng diện tích làha, trong đó:

- Diện tích rừng tự nhiên:ha, trong đó: rừng đặc dụng.....ha; rừng phòng hộ.....ha; rừng sản xuất....ha.

- Diện tích rừng trồng:ha, trong đó: rừng đặc dụng.....ha; rừng phòng hộ.....ha; rừng sản xuất....ha.

- Vị trí:

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường... ..

2.

3.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

....Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã, và cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-

-

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 27

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ RỪNG (LÀ TỔ CHỨC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN
Sử dụng rừng để thực hiện công trình

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)/Bộ

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày thángnăm..... của về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình/dự án hoặc Quyết định số...../QĐ-..... ngày thángnăm..... của về việc phê duyệt công trình/dự án đầu tư.....;

Căn cứ.....

Chủ rừng²⁴ lập Phương án sử dụng rừng để xây dựng công trình..... thuộc quy định tại khoản²⁵ Điều 51 Luật Lâm nghiệp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)/Bộ xem xét, phê duyệt, như sau:

1. Về vị trí, diện tích, loại rừng, trữ lượng rừng khu vực đề nghị sử dụng rừng

- Vị trí: lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính.

- Diện tích phân theo:

+ Loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

+ Nguồn gốc hình thành: rừng tự nhiên, rừng trồng.

- Trữ lượng rừng:

- Loài cây đối với rừng trồng:

²⁴ Ghi rõ tên tổ chức quản lý rừng/chủ rừng (đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư), địa chỉ, số điện thoại liên hệ của chủ rừng/đại diện hợp pháp của chủ rừng.

²⁵ Ghi rõ loại công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Điều 51 Luật Lâm nghiệp.

2. Phương án xử lý cây rừng trên phạm vi diện tích rừng đề nghị sử dụng

- Phương án khai thác:
- Khai thác tận dụng lâm sản trên diện tích sử dụng rừng
- Phương thức thu hồi tài sản tận dụng lâm sản
- Đấu giá tài sản Nhà nước (nếu có).....
-

3. Tài liệu kèm theo

Bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị sử dụng rừng tỷ lệ 1/5.000 (thể hiện rõ vị trí lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính).

Để có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện, kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)/Bộ trưởng Bộ xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,.....

CHỦ RỪNG

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 28

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CHỦ RỪNG (LÀ TỔ CHỨC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị quyết định phê duyệt phương án sử dụng rừng
để thực hiện công trình

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)/Bộ trưởng Bộ...

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.....ngày thángnăm..... của về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình/dự án hoặc Quyết định số...../QĐ-..... ngày thángnăm..... của về việc phê duyệt công trình/dự án đầu tư.....;

Căn cứ

Chủ rừng²⁶..... đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)/Bộ trưởng Bộ xem xét, quyết định phê duyệt Phương án sử dụng rừng như sau:

1. Các thông tin về sử dụng rừng:

a) Các thông tin về: Vị trí khu rừng (ghi rõ tên lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính); diện tích rừng (ha); loại rừng (rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất); nguồn gốc hình thành (ghi rõ rừng tự nhiên, rừng trồng).

b) Mục đích của việc sử dụng rừng để thực hiện.....²⁷

2. Cam kết:

²⁶ Đối với chủ rừng là tổ chức thì ghi tên tổ chức quản lý rừng, địa chỉ, số điện thoại; đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì ghi họ và tên, số căn cước/căn cước công dân, nơi cư trú, số điện thoại liên hệ của người đại diện hợp pháp của chủ rừng.

²⁷ Ghi rõ loại công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Điều 51 Luật Lâm nghiệp.

Chủ rừng cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác về các thông tin trên.

3. Hồ sơ:

Có hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số/.../ND-CP ngày .../.../.... của Chính phủ kèm theo, gồm:
.....

Để có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện, kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)/Bộ trưởng Bộ xem xét, phê duyệt.

...ngày....tháng.....năm...

ĐẠI DIỆN CHỦ RỪNG

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

UBND TỈNH (TP)/BỘ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH**V/v phê duyệt Phương án sử dụng rừng để thực hiện công trình****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP)/BỘ TRƯỞNG BỘ....***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;**Căn cứ Quyết định số (các quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án).....;**Căn cứ Phương án sử dụng rừng để thực hiện công trình ngày tháng năm của**Căn cứ**Xét đề nghị của tại**Theo đề nghị của.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với diện tích ha rừng (gồm: rừng tự nhiên ha; rừng trồng....ha) để thực hiện công trình²⁸....., trong đó:²⁸ Ghi rõ loại công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Điều 51 Luật Lâm nghiệp.

- Rừng đặc dụng....ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng ...ha); rừng phòng hộ....ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng ...ha); rừng sản xuất....ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng ...ha).

- Trữ lượng rừng:; loài cây đối với rừng trồng.

- Vị trí: ghi rõ tên lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính.

- Về xử lý tài sản (nếu có).....;

-

(Chi tiết thông tin tại Phương án sử dụng rừng kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường/cơ quan chuyên môn trực thuộc bộ, ngành được giao tiếp nhận hồ sơ

2. Sở/cơ quan

3. Chủ rừng²⁹:

4.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

....., Sở Nông nghiệp và Môi trường/cơ quan chuyên môn trực thuộc bộ, ngành được giao tiếp nhận hồ sơ, ông (bà)/tổ chức và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-

- Các Sở/cơ quan...;

- ...

CHỦ TỊCH UBND/BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

²⁹ Đối với chủ rừng là tổ chức thì ghi tên tổ chức quản lý rừng, địa chỉ, số điện thoại; đối với chủ rừng là cá nhân, cộng đồng dân cư thì ghi họ và tên, số căn cước/căn cước công dân, nơi cư trú, số điện thoại liên hệ của người đại diện hợp pháp của chủ rừng

Mẫu số 30

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN/SỞ NÔNG
NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTr-.....

..., ngày tháng năm ...

TỜ TRÌNH
V/v đề nghị quyết định thu hồi rừng

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;**Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND-.....ngày thángnăm..... của về việc thu hồi đất**Căn cứ.....(các văn bản liên quan khác).*

..... (Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường)/Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định thu hồi rừng, với các nội dung như sau:

1. Thu hồi rừng với diện tích làha, có hiện trạng gồm: rừng tự nhiên.....ha, rừng trồng.....ha, tại³⁰ thuộc quyền quản lý của³¹.....

2. Vị trí thu hồi rừng (lô, khoảnh, tiểu khu):

3. Lý do thu hồi:

4.

.....

Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường/Sở Nông nghiệp và

³⁰ Ghi rõ theo địa danh hành chính.

³¹ Ghi rõ tên tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư; số căn cước/căn cước công dân, nơi cư trú, số điện thoại liên hệ của người đại diện hợp pháp.

Môi trường đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dânxem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CỦA
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ NÔNG
NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/SỞ NÔNG
NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-UBND-...

..., ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi rừng**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN....***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp;**Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND-.....ngày thángnăm..... của về việc thu hồi đất**Căn cứ.....**Xét đề nghị của tại Tờ trình số...../TTr-.....ngàytháng....năm**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thu hồi rừng với diện tích làha, có hiện trạng gồm: rừng tự nhiên.....ha, rừng trồng.....ha, tại³² thuộc quyền quản lý của³³.....**- Vị trí thu hồi rừng (lô, khoảnh, tiểu khu):**³² Ghi rõ theo địa danh hành chính.³³ Ghi rõ tên tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư; số căn cước/căn cước công dân, nơi cư trú, số điện thoại liên hệ của người đại diện hợp pháp.

- Lý do thu hồi:

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường... ..

2.

3.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường;...../Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã,, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-

-

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục III
*(Kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
 ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Mẫu phương án phòng cháy và chữa cháy rừng dùng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
Mẫu số 02	Mẫu phương án phòng cháy và chữa cháy rừng dùng cho chủ rừng là tổ chức
Mẫu số 03	Mẫu phương án phòng cháy và chữa cháy rừng dùng cho Ủy ban nhân dân xã
Mẫu số 04	Mẫu cấp dự báo cháy rừng
Mẫu số 05 ³⁴	Lệnh huy động lực lượng, phương tiện và tài sản tham gia chữa cháy rừng

³⁴ Mẫu số 05 Phụ lục III được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 34 của Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG

(Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư)

1. Thông tin về chủ rừng

- Tên chủ rừng:
- Địa

chỉ:.....

- Điện thoại:

2. Thông tin về khu rừng

- Vị trí khu rừng: (địa danh, lô, khoảnh)
- Loại rừng: (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất); nguồn gốc hình thành rừng (rừng trồng, rừng tự nhiên).
- Diện tích:.....(ha).

3. Nội dung phương án

a) Phòng cháy rừng: Kiểm tra, phát dọn vệ sinh rừng; thu gom vật liệu dễ cháy dưới tán rừng, chỉnh sửa, bổ sung biển báo, biển cấm lửa.

b) Chữa cháy rừng

Khi có cháy rừng xảy ra, báo tin về:

- Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ quần chúng bảo vệ rừng: Họ và tên, số điện thoại

.....

....

- Kiểm lâm địa bàn:....., Số điện thoại.....
- Hạt trưởng Kiểm lâm huyện:....., Số điện thoại
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã:....., Số điện thoại.....

Thực hiện các biện pháp chữa cháy rừng

- Tổ chức báo động (thông báo bằng kèn, bằng loa, gọi điện thoại...) cho các chủ rừng xung quanh; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gần khu vực cháy rừng để huy động lực lượng, công cụ tham gia chữa cháy.

..... ngày.... tháng.... năm....

ĐẠI DIỆN CHỦ RỪNG

(Ký ghi rõ họ tên)

* Ghi chú:

- Phương án lập thành 03 bản; một bản gửi Kiểm lâm địa bàn; một bản gửi Trưởng thôn và một bản do chủ rừng giữ.

- Chủ rừng tự xây dựng phương án với sự hướng dẫn của Kiểm lâm địa bàn hoặc cán bộ phụ trách lâm nghiệp của xã (nơi không có kiểm lâm địa bàn).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG
(Chủ rừng là tổ chức)

Tên chủ rừng.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Phần I

CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ pháp lý⁽¹⁾

2. Đặc điểm của khu rừng⁽²⁾

3. Những nguy cơ gây cháy rừng⁽³⁾

4. Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng⁽⁴⁾

Phần II

PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng⁽⁵⁾

2. Các biện pháp phòng cháy rừng⁽⁶⁾

3. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng⁽⁷⁾

4. Kinh phí⁽⁸⁾

Phần III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng (Chủ rừng tự tổ chức chữa cháy)⁽⁹⁾

2. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất

2.1. Giả định tình huống cháy phức tạp nhất⁽¹⁰⁾

2.2. Tổ chức triển khai chữa cháy rừng⁽¹¹⁾

2.3. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy⁽¹²⁾

2.4. Báo cáo tình hình cháy rừng⁽¹³⁾

2.5. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra⁽¹⁴⁾

Phần IV

**BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY
VÀ CHỮA CHÁY HÀNG NĂM (nếu có thay đổi)⁽¹⁵⁾**

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung bổ sung, chỉnh lý	Thủ trưởng đơn vị

..... ngày.... tháng.... năm....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN GHI PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG

Ghi chú: Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng có thể co giãn số trang tùy theo yêu cầu thực tế.

(1) Căn cứ pháp lý: Nêu rõ các văn bản quy định của pháp luật liên quan đến phòng cháy và chữa cháy rừng.

(2) Đặc điểm của khu rừng: Ghi rõ diện tích rừng đang quản lý, trạng thái rừng (rừng tự nhiên); rừng trồng (loài cây, cấp tuổi); thảm thực bì (cỏ ranh, lau lách...); tiếp giáp với các chủ rừng khác; về giao thông bên trong và bên ngoài khu rừng; thống kê các nguồn nước chính gần nhất có thể phục vụ chữa cháy như: bể, hồ, ao, sông, ngòi, kênh, rạch, trụ, bến lấy nước, hồ lấy nước.

(3) Những nguy cơ gây cháy rừng: Nêu các nguy cơ gây cháy rừng: Nêu các nguồn lửa có nguy cơ gây cháy rừng, đốt nương làm rẫy; xử lý đốt thực bì...

(4) Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng: Nêu rõ tình hình cháy rừng (số vụ, diện tích; đặc điểm cháy, khu vực thường xảy ra cháy, thời điểm cháy thống kê ít nhất trong 5 năm); lực lượng PCCCR; phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR hiện có; các giải pháp PCCCR đang áp dụng; phân tích các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội ảnh hưởng đến nguy cơ cháy rừng ở địa phương và khu vực.

(5) Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng: Ghi rõ tổ, đội PCCCR, số lượng thành viên phòng cháy chữa cháy rừng và số người đã qua huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy rừng, số người thường trực trong phòng cháy và chữa cháy rừng, nêu quy chế hoạt động của tổ, đội PCCCR, người chỉ huy chữa cháy rừng và các thành viên.

(6) Các biện pháp phòng cháy rừng: Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn; xây dựng bản đồ phân vùng trọng điểm cháy rừng; xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; tuyên truyền nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng; xây dựng và duy trì các công trình phòng cháy rừng; xây dựng các giải pháp làm giảm nguồn vật liệu cháy phù hợp; xây dựng và thực hiện phát hiện điểm cháy rừng

(7) Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng: Ghi rõ chủng loại, số lượng, vị trí bố trí phương tiện chữa cháy rừng, công cụ phòng cháy, chữa cháy rừng... (chỉ thống kê phương tiện chữa cháy rừng đảm bảo chất lượng theo quy định).

(8) Kinh phí: Ghi rõ nguồn kinh phí thực hiện phương án.

(9) Tình huống xảy ra cháy rừng (Chủ rừng tự tổ chức chữa cháy): Giả định tình huống cháy rừng xảy ra, đám cháy rừng mới phát sinh xảy ra, chủ rừng phát hiện, tự tổ chức lực lượng và công cụ dập tắt đám cháy. Nội dung nêu rõ từng tình huống được ghi tóm tắt theo thứ tự và số lượng lực lượng, phương tiện của chủ rừng cần huy động và bố trí triển khai chỉ huy chữa cháy, huy động phương tiện, công cụ chữa cháy, sơ đồ chữa cháy... Tổng hợp báo cáo về vụ cháy rừng về Ban chỉ đạo các cấp và cơ quan Kiểm lâm địa phương (Cơ quan thường trực PCCCR); nêu biện pháp khắc phục hậu

quả sau cháy rừng, trồng lại rừng; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên phục hồi rừng...

(10) Giả định tình huống cháy phức tạp nhất: Giả định tình huống cháy rừng dễ dẫn đến cháy lan diện rộng với quy mô lớn, đám cháy gây thiệt hại về rừng, gây khó khăn, phức tạp cho việc chữa cháy rừng, cần phải huy động nhiều lực lượng và phương tiện mới có thể xử lý được. Ghi rõ thời điểm xảy ra cháy, điểm xuất phát cháy, nguyên nhân xảy ra cháy, loại rừng, lớp thảm thực bì, thời gian cháy tự do, dự kiến khả năng lan truyền của đám cháy và những ảnh hưởng tác động tới việc chữa cháy rừng.

(11) Tổ chức triển khai chữa cháy rừng: Ghi rõ nhiệm vụ của người chỉ huy, của từng người, từng bộ phận trong việc báo cháy, triển khai các biện pháp dập tắt đám cháy rừng, chống cháy lan, hướng dẫn thoát nạn và tổ chức cứu người, cứu và di tản tài sản; đón tiếp các lực lượng được cấp có thẩm quyền huy động đến chữa cháy rừng; đảm bảo hậu cần và thực hiện các hoạt động phục vụ chữa cháy rừng; bảo vệ hiện trường và khắc phục hậu quả vụ cháy rừng.

(12) Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng: Vẽ sơ đồ thể hiện rõ vị trí và kích thước đám cháy rừng, xác định khoanh vùng khu rừng xung quanh có nguy cơ cháy lan; hướng gió chủ đạo; các vị trí bố trí triển khai lực lượng, phương tiện để dập cháy, chống cháy lan, hướng dẫn tự thoát nạn và tổ chức cứu người, di tản tài sản; hướng chữa cháy chính; áp dụng các biện pháp phát đường băng cản lửa...

(13) Báo cáo tình hình cháy rừng: Tổng hợp báo cáo tình hình về vụ cháy rừng Ban chỉ đạo các cấp và cơ quan Kiểm lâm địa phương (Cơ quan thường trực PCCCR).

(14) Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra: Ghi rõ các biện pháp khắc phục hậu quả sau cháy rừng, trồng lại rừng; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên phục hồi rừng...

(15) Bổ sung, chỉnh lý phương án phòng cháy và chữa cháy: Ghi rõ trường hợp thay đổi có liên quan đến việc tổ chức chữa cháy nhưng chưa đến mức làm thay đổi cơ bản nội dung phương án chữa cháy. Khi có thay đổi lớn cơ bản làm ảnh hưởng đến nội dung phương án thì phải tiến hành xây dựng và phê duyệt lại.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG
(Ủy ban nhân dân cấp xã)

Tên xã.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:

Phần I

CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ pháp lý⁽¹⁾
2. Đặc điểm rừng trên địa bàn⁽²⁾
3. Những nguy cơ gây cháy rừng⁽³⁾
4. Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng⁽⁴⁾

Phần II

PHÒNG CHÁY RỪNG

1. Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng
 - 1.1. Ban Chỉ đạo cấp xã⁽⁵⁾
 - 1.2. Tổ, đội PCCC thôn, bản⁽⁶⁾
2. Các biện pháp phòng cháy rừng⁽⁷⁾
3. Các biện pháp chữa cháy rừng⁽⁸⁾
4. Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng⁽⁹⁾
5. Tổ chức theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến tình hình cháy rừng và báo cáo về Ban chỉ đạo các cấp⁽¹⁰⁾
6. Kinh phí⁽¹¹⁾

Phần III

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY RỪNG

1. Tình huống xảy ra cháy rừng (Thôn, bản tự tổ chức chữa cháy)⁽¹²⁾
2. Phương án xử lý tình huống cháy phức tạp nhất
 - 2.1. Giả định tình huống cháy phức tạp nhất⁽¹³⁾
 - 2.2. Tổ chức triển khai chữa cháy rừng⁽¹⁴⁾
 - 2.3. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy⁽¹⁵⁾
 - 2.4. Báo cáo tình hình cháy rừng⁽¹⁶⁾
 - 2.5. Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra⁽¹⁷⁾

Phần IV

BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY HÀNG
NĂM (nếu có thay đổi)⁽¹⁸⁾

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung bổ sung, chỉnh lý	Chủ tịch UBND xã

..... ngày.... tháng.... năm....

CHỦ TỊCH UBND XÃ

(Ký ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN GHI PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG

Ghi chú: Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng có thể co giãn số trang tùy theo yêu cầu thực tế.

(1) Căn cứ pháp lý: Nêu rõ các văn bản quy định của pháp luật liên quan đến phòng cháy và chữa cháy rừng.

(2) Đặc điểm rừng trên địa bàn: Ghi rõ diện tích rừng trên địa bàn, trạng thái rừng (rừng tự nhiên); rừng trồng (loài cây, cấp tuổi); thảm thực bì (cỏ ranh, lau lách...); tiếp giáp với các chủ rừng khác; về giao thông bên trong và bên ngoài khu rừng; thống kê các nguồn nước chính gần nhất có thể phục vụ chữa cháy như: bể, hồ, ao, sông, ngòi, kênh, rạch, trụ, bến lấy nước, hồ lấy nước.

(3) Những nguy cơ gây cháy rừng: Nêu các nguy cơ gây cháy rừng: Nêu các nguồn lửa có nguy cơ gây cháy rừng, đốt nương làm rẫy; xử lý đốt thực bì...

(4) Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy rừng: Nêu rõ tình hình cháy rừng (số vụ, diện tích; đặc điểm cháy, khu vực thường xảy ra cháy, thời điểm cháy thống kê ít nhất trong 5 năm); lực lượng PCCCR; phương tiện, thiết bị, công cụ PCCCR hiện có; các giải pháp PCCCR đang áp dụng; phân tích các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội ảnh hưởng đến nguy cơ cháy rừng ở địa phương và khu vực.

(5) Ban chỉ đạo cấp xã: Ghi rõ Trưởng ban; thành viên; ban hành quy chế, nhiệm vụ của Ban, Trưởng ban và các thành viên, danh sách tên, số điện thoại liên hệ.

(6) Tổ, đội PCCCR thôn, bản: Ghi rõ tổ, đội PCCCR thôn, bản, số lượng thành viên phòng cháy chữa cháy rừng và số người đã qua huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy rừng, số người thường trực trong phòng cháy và chữa cháy rừng, danh sách tên, số điện thoại liên hệ.

(7) Các biện pháp phòng cháy rừng: Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn; xác định vùng trọng điểm cháy rừng; tuyên truyền nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; huấn luyện và diễn tập chữa cháy rừng; xây dựng và duy trì công trình phòng cháy rừng; thực hiện các giải pháp làm giảm nguồn vật liệu cháy phù hợp; thực hiện theo dõi phát hiện điểm cháy rừng, kiểm tra công tác PCCCR.

(8) Các biện pháp chữa cháy rừng: Ghi rõ các nội dung về quy trình chữa cháy rừng; biện pháp kỹ thuật chữa cháy rừng cho từng khu vực cụ thể; cách tổ chức, chỉ huy ứng cứu chữa cháy rừng, huy động lực lượng, phương tiện PCCCR... theo phương châm 4 tại chỗ.

(9) Trang bị phương tiện và thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng: Ghi rõ chủng loại, số lượng, vị trí bố trí phương tiện chữa cháy rừng, công cụ phòng cháy, chữa cháy rừng... (chỉ thống kê phương tiện chữa cháy rừng đảm bảo chất lượng theo quy định).

(10) Tổ chức theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến tình hình cháy rừng và báo cáo về Ban chỉ đạo các cấp: Trong thời kỳ cấp cảnh báo cháy rừng ở cấp IV, V có thông tin báo cáo tình hình cháy rừng hàng ngày về cơ quan Kiểm lâm địa phương (Cơ quan thường trực PCCCR).

(11) Kinh phí: Ghi rõ nguồn kinh phí thực hiện phương án.

(12) Tình huống xảy ra cháy rừng (Thôn, bản tự tổ chức chữa cháy: Giả định tình huống cháy rừng xảy ra, đám cháy rừng mới phát sinh xảy ra, Trưởng thôn, bản tổ chức huy động lực lượng và công cụ dập tắt đám cháy. Nội dung nêu rõ từng tình huống được ghi tóm tắt theo thứ tự và số lượng lực lượng, phương tiện, công cụ chữa cháy rừng của thôn, bản cần huy động và bố trí triển khai chỉ huy chữa cháy, huy động

phương tiện, công cụ chữa cháy, sơ đồ chữa cháy... Trưởng thôn, bản tổng hợp báo cáo về vụ cháy rừng về Ban chỉ đạo cấp xã và cơ quan Kiểm lâm địa phương (Cơ quan thường trực PCCCR); nêu biện pháp khắc phục hậu quả sau cháy rừng, trồng lại rừng; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên phục hồi rừng...

(13) Giả định tình huống cháy phức tạp nhất: Giả định tình huống cháy rừng dễ dẫn đến cháy lan diện rộng với quy mô lớn, đám cháy gây thiệt hại về rừng, gây khó khăn, phức tạp cho việc chữa cháy rừng, cần phải huy động nhiều lực lượng và phương tiện mới có thể xử lý được. Ghi rõ thời điểm xảy ra cháy, điểm xuất phát cháy, nguyên nhân xảy ra cháy, loại rừng, lớp thảm thực bì, thời gian cháy tự do, dự kiến khả năng lan truyền của đám cháy và những ảnh hưởng tác động tới việc chữa cháy rừng.

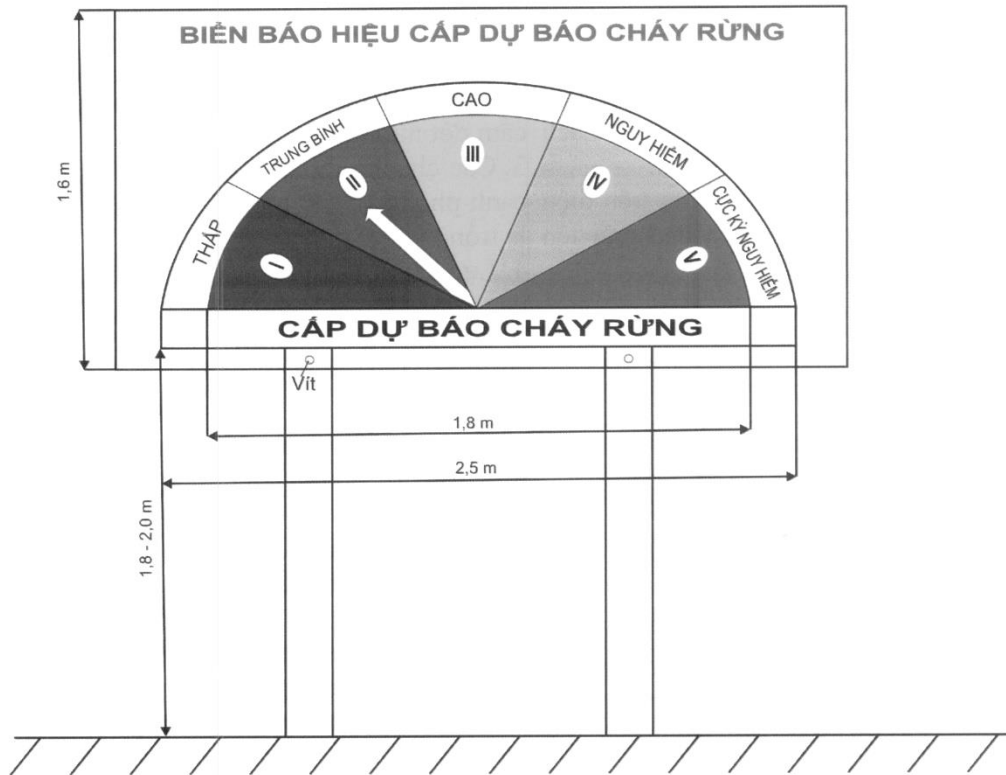
(14) Tổ chức triển khai chữa cháy rừng: Ghi rõ nhiệm vụ của người chỉ huy, của từng người, từng bộ phận trong việc báo cháy, triển khai các biện pháp dập tắt đám cháy rừng, chống cháy lan, hướng dẫn thoát nạn và tổ chức cứu người, cứu và di tản tài sản; đón tiếp các lực lượng được cấp có thẩm quyền huy động đến chữa cháy rừng; đảm bảo hậu cần và thực hiện các hoạt động phục vụ chữa cháy rừng; bảo vệ hiện trường và khắc phục hậu quả vụ cháy rừng.

(15) Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng: Vẽ sơ đồ thể hiện rõ vị trí và kích thước đám cháy rừng, xác định khoanh vùng khu rừng xung quanh có nguy cơ cháy lan; hướng gió chủ đạo; các vị trí bố trí triển khai lực lượng, phương tiện để dập cháy, chống cháy lan, hướng dẫn tự thoát nạn và tổ chức cứu người, di tản tài sản; hướng chữa cháy chính; áp dụng các biện pháp phát đường băng cản lửa...

(16) Báo cáo tình hình cháy rừng: Tổng hợp báo cáo tình hình về vụ cháy rừng Ban chỉ đạo các cấp và cơ quan Kiểm lâm địa phương (Cơ quan thường trực PCCCR).

(17) Khắc phục hậu quả do cháy rừng gây ra: Ghi rõ các biện pháp khắc phục hậu quả sau cháy rừng, trồng lại rừng; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên phục hồi rừng...

(18) BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY: Ghi rõ trường hợp thay đổi có liên quan đến việc tổ chức chữa cháy nhưng chưa đến mức làm thay đổi cơ bản nội dung phương án chữa cháy. Khi có thay đổi lớn cơ bản làm ảnh hưởng đến nội dung phương án thì phải tiến hành xây dựng và phê duyệt lại.



CHÚ THÍCH

- Biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng thống nhất cả nước là 5 cấp, từ cấp I đến cấp V được đặt ở cửa rừng, ven rừng, trong rừng vào mùa cháy rừng.
- Biển báo làm bằng gỗ hoặc kim loại nhẹ để bảo quản, cất giữ trong mùa mưa, cột bằng sắt hoặc bằng gỗ chắc, cỡ kích của biển báo được ghi trên sơ đồ.

VỀ MÀU SẮC

	: Cấp I		: Cấp III		: Cấp V
	: Cấp II		: Cấp IV		

CẤP CHÁY	ĐẶC TRƯNG CHÁY RỪNG	BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY RỪNG
I	Cấp thấp: Ít có khả năng cháy rừng Khả năng cháy rừng thấp, trên biển báo mũi tên chỉ số I.	1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng và các chủ rừng phối hợp với Kiểm lâm triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng. 2. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn quy vùng sản xuất nương rẫy, tuyên truyền giáo dục về phòng cháy, chữa cháy rừng và phát đốt nương làm rẫy đúng kỹ thuật.
II	Cấp trung bình: Có khả năng cháy rừng Khả năng cháy rừng ở mức trung bình, trên biển báo mũi tên chỉ số II.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng, các chủ rừng tăng cường kiểm tra, đôn đốc bố trí người canh phòng, lực lượng sẵn sàng kịp thời dập tắt khi mới xảy ra cháy rừng, hướng dẫn kỹ thuật làm nương rẫy.
III	Cấp cao: Thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng.	1. Thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng, chú trọng phòng cháy các loại rừng: thông, bạch đàn, khộp, tre nứa, tràm...

	Chú trọng phòng cháy các loại rừng thông, khộp, bạch đàn, tre, nứa, tràm... Khả năng cháy lan trên diện rộng, trên biển báo mũi tên chỉ số III.	2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị chỉ đạo Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng, Hạt Kiểm lâm đôn đốc việc phòng cháy, chữa cháy rừng của các chủ rừng cấm đốt nương rẫy. 3. Các chủ rừng phải thường xuyên kiểm tra lực lượng canh phòng và lực lượng khoán quản bảo vệ rừng, nhất là trồng rừng. 4. Lực lượng canh phòng trực 10/24h trong ngày (từ 10h đến 20h). Đặc biệt chú trọng các giờ cao điểm. 5. Khi xảy ra cháy rừng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã được quyền huy động mọi lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy.
IV	Cấp nguy hiểm: Thời tiết khô hanh, hạn kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lan tràn lửa nhanh. Nguy cơ cháy rừng lớn, trên biển báo mũi tên chỉ số IV.	1. Thời tiết khô hanh, kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lửa lan tràn nhanh. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị và Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng trực tiếp chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương. 3. Các chủ rừng và lực lượng Kiểm lâm thường xuyên kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm dễ cháy. 4. Lực lượng canh phòng phải thường xuyên trên chòi canh và ngoài hiện trường rừng, đảm bảo trực 12/24h (từ 9h đến 21h trong ngày) nhất là các giờ cao điểm, phát hiện kịp thời điểm cháy, báo động và huy động lực lượng, phương tiện dập tắt ngay. 5. Huyện đề nghị tỉnh tăng cường lực lượng, phương tiện chữa cháy khi cần thiết. 6. Dự báo viên nắm chắc tình hình khí tượng, thủy văn để dự báo và thông báo kịp thời trên mạng vi tính và trên các phương tiện thông tin đại chúng về cấp cháy và tình hình cháy rừng hàng ngày ở địa phương.
V	Cấp cực kỳ nguy hiểm: Thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh trên các loại rừng	1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh, huyện, xã, các chủ rừng. 2. Lực lượng Công an phòng cháy, chữa cháy phối hợp với lực lượng Kiểm lâm tăng cường kiểm tra

	Rất nguy hiểm, thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài có khả năng cháy lớn ở tất cả các loại rừng, tốc độ lửa lan tràn rất nhanh, trên biển báo mũi tên chỉ số V.	ng nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm cháy, đảm bảo 24/24h trong ngày, tăng cường kiểm tra người và phương tiện vào rừng. 3. Thông báo thường xuyên nội quy dùng lửa trong rừng và ven rừng. 4. Khi xảy ra cháy phải huy động lực lượng, phương tiện dập tắt ngay, tiến hành điều tra xác minh vụ cháy và truy tìm thủ phạm xử lý nghiêm minh. 5. Khi cần thiết đề nghị trung ương chi viện lực lượng và phương tiện chữa cháy.
--	--	---

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /LHD-....

....., ngày tháng năm

LỆNH HUY ĐỘNG
LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN VÀ TÀI SẢN THAM GIA CHỮA CHÁY RỪNG

Căn cứ Luật.....

Căn cứ Nghị định số / / ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ

Theo đề nghị của(3).....

Tôi:; Chức vụ:

Cơ quan/đơn vị:

Yêu cầu ông/bà:

Đại diện cho cơ quan/tổ chức/hộ gia đình:

Địa chỉ:

Huy động/Điều động ngay lực lượng, phương tiện, tài sản thuộc phạm vi quản lý, gồm:

- Lực lượng: người;

- Phương tiện:

- Tài sản:

Có mặt tại:

trước giờ phút, ngày / / để.....(4).....

Thời gian huy động/điều động (nếu có): đếngiờ..... ngày....tháng..... năm...../.

- Thời điểm phát lệnh: giờ phút, ngày / /;(5).....
 - Thời điểm nhận lệnh: giờ phút, ngày / /; (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản cấp trên;

(2) Tên cơ quan của người ra lệnh;

(3) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị huy động/điều động;

(4) Ghi cụ thể nhiệm vụ tham gia chữa cháy rừng;

(5) Quyền hạn, chức vụ của người ký.

PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ HUY ĐỘNG

Để phục vụ chữa cháy rừng

(Kèm theo Lệnh huy động số..... ngày của.....)

[illegible]

Phụ lục III³⁵
QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT (HOẶC ĐIỀU CHỈNH)
PHƯƠNG ÁN TẠM SỬ DỤNG RỪNG

(Kèm theo Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

UBND TỈNH/TP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng) để thực hiện Dự án.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng ... năm; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số;

Căn cứ Quyết định số;

Căn cứ;

Căn cứ Phương án (hoặc điều chỉnh Phương án) tạm sử dụng rừng để thực hiện Dự án ngày ... tháng ... năm 20... của;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng (hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng) đối với diện tích ha rừng (gồm: rừng tự nhiên ha; rừng trồng.... ha) để thực hiện công trình xây dựng tạm của Dự án....., trong đó:

³⁵ Phụ lục III được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2025.

- Tên, địa chỉ chủ rừng:
- Tên tổ chức/chủ đầu tư dự án tạm sử dụng rừng:
- Rừng đặc dụng ... ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng ... ha); rừng phòng hộ ... ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng ...ha); rừng sản xuất.... ha (rừng tự nhiên ... ha, rừng trồng ...ha).
- Trữ lượng rừng:; loài cây, năm trồng đối với rừng trồng.
- Sản lượng dự kiến khai thác: gỗ.....m³; củi hoặc sản phẩm khác....ster/m³.
- Thực vật rừng ngoài gỗ:tán; hoặccây (nếu xác định được).
- Vị trí: ghi rõ tên lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính.
- Phương thức khai thác:
- Phương thức thu hồi gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ khai thác tận dụng:.....
- Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng:
- Thời gian tạm sử dụng rừng: từ ngày ... đến ngày
- Về trồng lại, phục hồi rừng: nội dung trồng lại rừng, phục hồi rừng, kinh phí và nguồn kinh phí trồng lại rừng, phục hồi rừng, thời gian trồng lại rừng, phục hồi rừng,
- Kinh phí và nguồn kinh phí khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ,.....

(Chi tiết tại Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng kèm theo).

Có hồ sơ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2025 của Chính phủ kèm theo, gồm:

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:
2. Chủ đầu tư dự án:
3. Chủ rừng:

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh/tp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,, tổ chức đề nghị tạm sử dụng rừng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng nhân dân (để b/c);
- Các Sở: NN&MT,...;
- ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số hợp lệ)

Phụ lục IIIA³⁶**CÁC MẪU BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ TRỒNG RỪNG THAY THẾ**
(Kèm theo Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Báo cáo tổng hợp tình hình quyết toán kinh phí trồng rừng thay thế
Mẫu số 02	Báo cáo quyết toán kinh phí trồng rừng thay thế
Mẫu số 03	Báo cáo tổng hợp quyết toán hoàn thành kinh phí trồng rừng thay thế
Mẫu số 04	Báo cáo chi tiết quyết toán hoàn thành kinh phí trồng rừng thay thế

³⁶ Phụ lục IIIA được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 34 của Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

CƠ QUAN BÁO CÁO/ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ TRỒNG RỪNG THAY THẾ NĂM

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên công trình	Tổng kinh phí được duyệt	Giá trị khối lượng đã thực hiện đến 31/12 năm quyết toán	Lũy kế kế hoạch đã bố trí đến hết ngày 31/12 năm quyết toán	Năm hoàn thành	Kế hoạch năm ...	Vốn đã giải ngân theo kế hoạch năm ...	Ghi chú
1	Công trình trồng rừng thay thế							
2	Công trình trồng rừng thay thế							
3								
Tổng cộng								

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO/ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ TRỒNG RỪNG THAY THẾ NĂM

Tên công trình trồng rừng thay thế:.....

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng kinh phí được phê duyệt	Lũy kế kinh phí đã giải ngân từ khi thực hiện đến hết năm ngân sách quyết toán	Kinh phí tiếp nhận trong năm (đến ngày 31/12 năm quyết toán)	Lũy kế kinh phí đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán	Kinh phí thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm	Ghi chú
1	Công trình...						
1.1	Vật tư, thiết bị						
	...						
1.2	Chi phí trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh (XTTS) tự nhiên hoặc có trồng bổ sung, các biện pháp lâm sinh khác						
	...						
1.3	Chi phí chăm sóc năm ...						
	...						
1.4	Chi phí quản lý						
	...						
1.5	Chi phí khác						
	...						
2	Công trình.... (như mục 1)						

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO/ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO**BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN HOÀN THÀNH KINH PHÍ TRỒNG RỪNG THAY THẾ****I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên công trình:
2. Đơn vị được giao thực hiện:
3. Diện tích thực hiện:
4. Thời gian thực hiện:

II. TỔNG HỢP THÔNG TIN QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Giá trị	Ghi chú/cơ sở pháp lý
I	TỔNG KINH PHÍ ĐƯỢC DUYỆT		
	Tổng kinh phí được duyệt:		
II	TỔNG HỢP KINH PHÍ SỬ DỤNG		
1	Tổng vốn đã được thanh toán (A):		
2	Giá trị đề nghị quyết toán (B):		
III	KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN		
1	Chi phí xây dựng (nếu có công trình phụ trợ)		
2	Chi phí vật tư, thiết bị (cây giống, vật tư, máy móc nhỏ)		
3	Chi phí quản lý		
4	Chi phí tư vấn (thiết kế, dự toán, thẩm định)		
5	Chi phí trồng, chăm sóc, bảo vệ, nghiệm thu (trồng rừng, khoanh nuôi XTTS tự nhiên hoặc có trồng bổ sung, các biện pháp lâm sinh khác)		
6	Chi phí khác		
IV	GIÁ TRỊ TÀI SẢN BÀN GIAO		
1	Giá trị tài sản cố định (rừng tự nhiên, rừng trồng và hạ tầng)		

TT	Nội dung	Giá trị	Ghi chú/cơ sở pháp lý
2	Giá trị tài sản ngắn hạn		
3	Giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng		

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO/ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO

BÁO CÁO CHI TIẾT QUYẾT TOÁN HOÀN THÀNH KINH PHÍ TRỒNG RỪNG THAY THẾ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị hợp đồng đã ký	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị đã thanh toán	Giá trị đề nghị quyết toán
I	CHI PHÍ THIẾT BỊ (Cây giống, vật tư)					
1	Hợp đồng mua cây giống (nhà cung cấp ...)					
2	Hợp đồng mua phân bón (nhà cung cấp ...)					
	...					
II	CHI PHÍ KHÁC TRỒNG, CHĂM SÓC, BẢO VỆ					
1	Trồng rừng, khoanh nuôi XTTS tự nhiên hoặc có trồng bổ sung, các biện pháp lâm sinh khác					
2	Chăm sóc, bảo vệ rừng (chi tiết các năm)					
3	Chi phí quản lý					
4	Chi phí khác					
	...					
	TỔNG CỘNG					

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục IV

*(Kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ)*

**NỘI DUNG XÂY DỰNG BẢN ĐỒ LƯU VỰC NƠI CUNG ỨNG
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG****I. QUY ĐỊNH VỀ BẢN ĐỒ LƯU VỰC**

1. Hệ quy chiếu bản đồ lưu vực theo tiêu chuẩn Việt Nam VN2000.
2. Tỷ lệ bản đồ áp dụng theo quy mô diện tích lưu vực như sau:
 - a) Lưu vực có diện tích dưới 10.000 ha: tỷ lệ bản đồ 1/10.000 hoặc 1/5.000.
 - b) Lưu vực có diện tích từ 10.000 ha đến 100.000 ha: tỷ lệ bản đồ 1/25.000.
 - c) Lưu vực có diện tích từ trên 100.000 ha đến 500.000 ha: tỷ lệ bản đồ 1/50.000.
 - d) Lưu vực có diện tích lớn hơn 500.000 ha: tỷ lệ bản đồ 1/100.000.

II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH LƯU VỰC

1. Xác định lưu vực gắn với thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng về phạm vi diện tích rừng cung cấp dịch vụ cho các đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng như cơ sở sản xuất thủy điện, sản xuất nước sạch, sản xuất công nghiệp.
2. Việc xác định lưu vực phải đảm bảo tính khách quan, khoa học và công khai, minh bạch.
3. Đối với dòng sông, suối có lưu vực nằm trên lãnh thổ Việt Nam và quốc gia khác, thì chỉ xác định phần diện tích trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

III. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH LƯU VỰC

1. Xác định lưu vực bằng bản đồ địa hình như sau:
 - a) Hiện thị trên màn hình máy tính bản đồ địa hình có tỷ lệ phù hợp với diện tích của lưu vực bằng các phần mềm chuyên dụng;
 - b) Thể hiện tọa độ điểm đầu ra của lưu vực trên bản đồ địa hình;
 - c) Khoanh vẽ ranh giới lưu vực bắt đầu từ điểm đầu ra dọc theo đường phân thủy theo hướng vuông góc với đường đồng mức cho đến khi trở lại điểm đầu ra của lưu vực thành một đường khép kín. Trường hợp một phần diện tích lưu vực

nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam thì khoanh vẽ ranh giới về cả hai phía của điểm đầu ra cho đến khi gặp biên giới quốc gia.

2. Xác định lưu vực bằng mô hình số hóa độ cao như sau:

a) Kiểm tra và hiệu chỉnh mô hình số hóa độ cao để đảm bảo độ chính xác và hệ quy chiếu phù hợp với quy định tại Mục I của Phụ lục này;

b) Hiện thị tọa độ điểm đầu ra của lưu vực trên mô hình số hóa độ cao;

c) Xác định ranh giới lưu vực bằng các chức năng chuyên dụng trong phần mềm GIS.

3. Xác định diện tích và các đặc trưng cơ bản khác của lưu vực.

IV. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH DIỆN TÍCH RỪNG TRONG LƯU VỰC

1. Bản đồ dùng để xác định diện tích rừng trong lưu vực là bản đồ số có độ chính xác và hệ quy chiếu phù hợp với quy định tại Mục I của Phụ lục này, bao gồm các lớp dữ liệu tối thiểu: ranh giới lưu vực; địa giới hành chính các cấp; hiện trạng rừng.

2. Chồng xếp các lớp bản đồ quy định tại khoản 1 Mục IV của Phụ lục này, truy xuất và thống kê diện tích rừng theo đơn vị hành chính (xã, huyện, tỉnh) và phân theo nguồn gốc rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng).

3. Trường hợp diện tích rừng của một tỉnh trong lưu vực nằm trên địa bàn nhiều tỉnh hoặc của một huyện trong lưu vực nằm trên địa bàn nhiều huyện trong một tỉnh có thay đổi trên 10% so với diện tích đã công bố thì tiến hành xác định lại diện tích rừng trong lưu vực.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với địa phương chưa thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh có trách nhiệm xác định ranh giới lưu vực và diện tích rừng trong lưu vực nằm trong địa giới hành chính của địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam có trách nhiệm xác định ranh giới lưu vực và diện tích rừng nằm trên địa giới hành chính từ hai tỉnh trở lên, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

3. Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí quản lý tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng các cấp.

Phụ lục V

*(Kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Mẫu tổng hợp diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng (Áp dụng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng)
Mẫu số 02	Mẫu tổng hợp diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng (Áp dụng cho chủ rừng là tổ chức)

TT	Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Vị trí khu rừng				Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Hệ số K	Trong đó				Diện tích được chi trả tiền DVMTR (ha)
		Lô	khoảnh	Tiểu khu	Tên địa phương (nếu có)			K1	K2	K3	K4	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8=9x10x11x12]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13=8x7]
I	TÊN HỌ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN											
1												
	Cộng (các cột 7, 13)											
	Cộng (các cột 7, 13)											
II	TÊN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ											
1												
	Cộng (các cột 7, 13)											
	Cộng (các cột 7, 13)											
III	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ											

	Cộng (các cột 7, 13)											
IV	TÊN TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ RỪNG											
1												
	Cộng (các cột 7, 13)											
	Cộng (các cột 7, 13)											
	Tổng:											

....., ngày..... tháng..... năm 201...

HẠT KIỂM LÂM

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH...

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG ĐƯỢC CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Tên chủ rừng:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Nội dung tổng hợp:

TT	Vị trí khu rừng			Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Hệ số K	Trong đó				Diện tích được chi trả tiền DVMTR (ha)
	Lô	khoảnh	Tiểu khu			K1	K2	K3	K4	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=7x8x9x10]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11=5x6]
1										
2										
3										
...										
Tổng (Cộng các cột 5, 11)										

CHI CỤC KIỂM LÂM

....., ngày..... tháng..... năm 201...

QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH...

Phụ lục VI

*(Kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP
ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Mẫu hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng
Mẫu số 02	Mẫu kế hoạch nộp tiền dịch vụ môi trường rừng
Mẫu số 03	Mẫu bản kê nộp tiền dịch vụ môi trường rừng
Mẫu số 04	Mẫu tổng hợp nộp tiền dịch vụ môi trường rừng
Mẫu số 05	Mẫu thông báo số tiền dịch vụ môi trường rừng điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh
Mẫu số 06	Mẫu kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam
Mẫu số 07	Mẫu dự toán chi quản lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam
Mẫu số 08	Mẫu kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh
Mẫu số 09	Mẫu dự toán chi quản lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh
Mẫu số 10	Mẫu thông báo tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho chủ rừng là tổ chức
Mẫu số 11	Mẫu thông báo tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng
Mẫu số 12	Mẫu báo cáo thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng (áp dụng cho đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ chi trả)
Mẫu số 13	Mẫu bảng tổng hợp thanh toán tiền chi trả Dịch vụ môi trường rừng
Mẫu số 14	Mẫu báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng (Áp dụng đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng)
Mẫu số 15	Mẫu báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng (Áp dụng đối với chủ rừng là tổ chức có khoán bảo vệ rừng)
Mẫu số 16	Mẫu báo cáo thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY THÁC CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG
 Số:...../HĐUT-DVMTR/20...

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số.../20.../NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số.../20.../NĐ-CP ngày.... tháng... năm 20... của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp,

Hôm nay, ngày.... tháng..... năm 20... tại....., chúng tôi gồm:

1. Bên A - Bên ủy thác: (Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng)

Đại diện: Ông/Bà:..... Chức vụ:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax

Tài khoản số:.....

Tại:

Mã số thuế:.....

2. Bên B - Bên nhận ủy thác: (Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng.....)

Đại diện: Ông/Bà:..... Chức vụ:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax

Tài khoản số:.....

Tại:

Hai bên cùng nhau thống nhất ký Hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng với các điều, khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

1. Bên A ủy thác cho bên B trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho cơ sở..... (tên cơ sở sử dụng

dịch vụ).

2. Thời gian và số tiền chi trả:

- Thời gian chi trả: từ ngày 01/01/2011 (đối với những trường hợp bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng hoạt động sau ngày 01/01/2011 thời điểm chi trả được tính từ ngày có hoạt động sản xuất kinh doanh);

- Mức chi trả và xác định số tiền phải chi trả theo quy định tại Nghị định số/201...../NĐ-CP ngày..... tháng..... năm 2018 của Chính phủ.

3. kê khai, phương thức và thời hạn chi trả:

a) kê khai:

- Trước ngày 15/10 hàng năm, bên A gửi đăng ký kế hoạch nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của năm tiếp theo cho bên B theo Mẫu số 02 Phụ Lục VI ban hành kèm theo Nghị định số...../201...../NĐ-CP.

- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, bên A lập bản kê nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng gửi cho bên B theo Mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số...../201...../NĐ-CP.

- Chậm nhất 50 ngày kể từ ngày kết thúc năm, bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng tổng hợp tình hình nộp tiền dịch vụ môi trường rừng gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng theo Mẫu số 04 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số...../201...../NĐ-CP.

b) Phương thức chi trả: bên A chuyển khoản số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng vào tài khoản của bên B.

c) Thời hạn chi trả:

- Bên A nộp tiền cho bên B theo từng quý, thời gian nộp tiền chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với Quý I, II, III; 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với Quý IV.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

Quyền và nghĩa vụ của bên A được quy định tại Điều 64 của Luật Lâm nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

a) Quyền hạn

- Đại diện bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ký hợp đồng và nhận tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng của bên A;

- Được quyền yêu cầu bên A thực hiện việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đầy đủ và đúng thời hạn.

b) Nghĩa vụ:

- Thực hiện việc chi trả ủy thác tiền dịch vụ môi trường rừng cho các bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số.../2018/NĐ-CP (đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh) hoặc thực hiện điều phối số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho Quỹ cấp tỉnh theo diện tích lưu vực của từng tỉnh (đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam);

- Thông báo cho bên A tình hình thực hiện chi trả ủy thác.

Điều 3. Thời hạn của hợp đồng

Hợp đồng này là hợp đồng không thời hạn, trừ trường hợp có sự thay đổi của chính sách Nhà nước.

Điều 4. Trường hợp bất khả kháng

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số.../2018/NĐ-CP.

Điều 5. Giải quyết tranh chấp

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu xảy ra tranh chấp, các bên sẽ cùng nhau tiến hành giải quyết qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết được một trong hai bên có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền là căn cứ để giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp một trong hai bên không chấp nhận Quyết định của cơ quan thẩm quyền thì trong vòng 15 ngày sau khi nhận được Quyết định có quyền khởi kiện ra Tòa án hành chính hoặc Tòa án kinh tế để giải quyết nhưng phải thông báo cho bên kia biết trước khi khởi kiện. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng các bên có nghĩa vụ phải thi hành.

Điều 6. Điều khoản cuối cùng

1. Hai bên thống nhất thông qua tất cả các điều khoản trên của bản Hợp đồng, cam kết thực hiện tốt các thỏa thuận trong bản hợp đồng này và các quy định tại Nghị định số.../201.../NĐ-CP, Nghị định số.../201.../NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 05 bản tiếng Việt, mỗi bản có..... trang. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản, 01 bản được gửi Tổng cục Lâm nghiệp/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, giám sát thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH NỘP TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Năm.....

Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:.....

Địa chỉ:..... Quận/huyện..... Tỉnh/thành phố.....

Điện thoại:..... Fax:..... Số tài khoản:..... tại Ngân hàng.....

Đăng ký nộp tiền dịch vụ môi trường rừng tại Quỹ

TT	Dự kiến sản lượng hoặc doanh thu năm đăng ký kế hoạch			Mức chi trả	Số tiền DVMTR (đồng)
	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Khối/số lượng		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]
1	Sản lượng điện thương phẩm	KWh			
2	Sản lượng nước thương phẩm	m ³			
3	Doanh thu (đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí)	Đồng			
4					

Nơi nhận:

- Quỹ BV&PTR (VN/tỉnh...)

- Lưu...

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KÊ NỘP TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**

Kỳ nộp tiền: Quý..... Năm 20...

Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:.....

Địa chỉ:.....Quận/huyện.....Tỉnh/thành phố.....

Điện thoại:..... Fax:..... Số tài khoản:..... tại Ngân hàng

Nộp tiền dịch vụ môi trường rừng tại Quỹ.....

TT	Sản lượng hoặc doanh thu quý			Mức chi trả	Số tiền DVMTR (đồng)		
	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Khối/số lượng		Phải nộp	Được miễn, giảm	Thực phải nộp
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6-7]
1	Sản lượng điện thương phẩm	KWh					
2	Sản lượng nước thương phẩm	m ³					
3	Doanh thu (đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí)	Đồng					
4							

Nơi nhận:

- Quỹ BV&PTR (VN/tỉnh...);
- Lưu.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP NỘP TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Năm 20....

Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:.....

Địa chỉ:..... Quận/huyện..... Tỉnh/thành phố.....

Điện thoại:..... Fax:..... Số tài khoản:..... tại Ngân hàng.....

TT	Sản lượng hoặc doanh thu năm ¹			Mức chi trả	Số tiền DVMTR năm (đồng)			
	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Khối/số lượng		Phải nộp	Đã nộp	Được miễn, giảm	Còn phải nộp
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6-7]	[9]
1	Sản lượng điện thương phẩm	KWh						
2	Sản lượng nước thương phẩm	m ³						
3	Doanh thu (đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí)	Đồng						
4								

1. Cơ sở sử dụng DVMTR chịu trách nhiệm về tính chính xác của sản lượng hoặc doanh thu năm

Nơi nhận:

- Quỹ BV&PTR (VN/tỉnh...);
- Lưu.....

Ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Mẫu số 05

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN
RỪNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20...

Số: /TB-VNFF-BĐH
V/v thông báo số tiền DVMTR
dự kiến điều phối cho năm.....

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.....

Căn cứ:.....

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam thông báo số tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm..... dự kiến điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh như sau:

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền điều phối (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5=3*4]	[6]
I	Cơ sở sản xuất thủy điện				
					
II	Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch				
					
III					
	Tổng cộng				

Số tiền (bằng chữ:.....)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH THU, CHI TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG
NĂM 20.....

(Kèm theo văn bản số...../VNFF-BĐH ngày..... tháng..... năm.... của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam)

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH THU, CHI

-

Căn

cứ:.....

-

II. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THU, CHI

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
[1]	[2]	[3]
I	Kế hoạch thu	
1	Thu ủy thác tiền DVMTR	
2	Thu lãi tiền gửi	
II	Kế hoạch chi	
1	Chi quản lý (....%)	
2	Chi điều phối cho Quỹ cấp tỉnh (...%)	

III. CHI TIẾT KẾ HOẠCH THU

TT	Bên sử dụng DVMTR	Đơn vị	Sản lượng/ doanh thu năm	Mức chi trả	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Cơ sở sản xuất thủy điện	KWh				
						
II	Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch	m ³				
						
III	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Đồng				
						
IV						
	Tổng cộng					

IV. CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHI

1. Kế hoạch phân bổ tiền

TT	Đơn vị nộp tiền DVMTR	Kế hoạch thu (đồng)	Kế hoạch phân bổ (đồng)	Trong đó		Ghi chú
				Chi quản lý	Chi điều phối cho Quỹ cấp tỉnh	
[1]	[2]	[3]	[4=5+6]	[5]	[6]	[7]
I	Cơ sở sản xuất thủy điện					
						
II	Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch					
						
III	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí					
						
IV						
	Tổng cộng					

2. Kế hoạch điều phối cho Quỹ cấp tỉnh

TT	Bên sử dụng DVMTR	Tổng diện tích rừng trong lưu vực (ha)	Trong đó				Tổng số tiền điều phối (đồng)	Trong đó			
			Tỉnh A	Tỉnh B	Tỉnh C			Tỉnh A	Tỉnh B	Tỉnh C	
[1]	[2]	[3=4+5+6+7]	[4]	[5]	[6]	[n]	n=9+10+11+12	[9]	[10]	[11]	[12]
I	Cơ sở sản xuất thủy điện										
											
II	Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch										
											
III	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí										
											
IV											
	Tổng cộng										

V. THUYẾT MINH KẾ HOẠCH THU, CHI

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ CỦA QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM
NĂM 20.....

(Kèm theo văn bản số...../VNFF-BĐH ngày..... tháng..... năm.... của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam)

TT	Hạng mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Chi thường xuyên					
1						
2						
II	Chi không thường xuyên					
1						
2						
	Tổng cộng					

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH THU, CHI TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG
 NĂM 20.....**

(Kèm theo văn bản số..... ngày..... tháng..... năm.... của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh....)

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH THU, CHI

- Căn cứ:.....
 -

II. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THU, CHI

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
[1]	[2]	[3]
I	Kế hoạch thu	
1	Thu điều phối từ Quỹ BV&PTR Việt Nam	
2	Thu nội tỉnh	
3	Thu lãi tiền gửi	
II	Kế hoạch chi	
1	Chi quản lý (.....%)	
2	Trích dự phòng (.....%)	
3	Chi trả cho bên cung ứng DVMTR (.....%)	

III. CHI TIẾT KẾ HOẠCH THU

TT	Bên sử dụng DVMTR	Đơn vị	Sản lượng/doanh thu	Mức chi trả	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Cơ sở sản xuất thủy điện	KWh				
						
II	Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch	m ³				
						
III	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Đồng				
						
IV						
	Tổng cộng					

IV. CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHI

1. Kế hoạch phân bổ tiền

TT	Đơn vị nộp tiền DVMTR	Kế hoạch thu (đồng)	Kế hoạch phân bổ (đồng)	Trong đó:			Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Ghi chú
				Chi quản lý	Trích dự phòng	Chi trả cho bên cung ứng DVMTR		
[1]	[2]	[3]	[4=5+6+7]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]
I	Cơ sở sản xuất thủy điện							
								
II	Cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch							
								
III	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí							
IV								
	Tổng cộng							

2. Kế hoạch chi tiền cho bên cung ứng DVMTR

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số lượng (hộ)	Số tiền chi trả (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
I	Chủ rừng là tổ chức (chi tiết từng tổ chức)					
1						
II	Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư					
1	Huyện.....					
1.1	Xã					
III	Ủy ban nhân dân xã (chi tiết từng Ủy ban nhân dân xã)					
1	Huyện.....					
1.1	Ủy ban nhân xã.....					
IV	Tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng (chi tiết từng tổ chức khác)					
1	Huyện.....					
1.1	Tổ chức.....					
	Tổng cộng					

Cột 5: Thống kê số lượng chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhận tiền DVMTR trên địa bàn xã

V. THUYẾT MINH KẾ HOẠCH THU, CHI

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ CỦA QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH
NĂM 20.....

(Kèm theo văn bản số..... ngày..... tháng..... năm.... của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh....)

TT	Hạng mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
I	Chi thường xuyên					
1						
2						
II	Chi không thường xuyên					
1						
2						
Tổng cộng						

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ NĂM.....

(Kèm theo văn bản số.....)

1. Tên bên cung ứng:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Nội dung chi tiết:

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6-7]	[9]
	Tổng							

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ NĂM.....

(Kèm theo văn bản số.....)

1. Tên xã:..... Huyện:.....

2. Nội dung chi tiết:

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
I	HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN				
1					
...					
II	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ				
1					
...					
III	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ				
IV	TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ RỪNG				
1					
...					
Tổng					

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN:.....
 ĐƠN VỊ CHI TRẢ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BÁO CÁO THỰC HIỆN
 CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG
 Năm.....**

Đơn vị chi trả..... báo cáo tình hình thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm như sau:

1. Đối tượng sử dụng DVMTR:

(Ghi tên tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ, loại dịch vụ, hình thức chi trả (trực tiếp, gián tiếp) địa chỉ: lập danh mục lần đầu, các lần sau chỉ ghi danh mục mới)

2. Diện tích rừng cung ứng DVMTR:

- Diện tích theo kế hoạch:..... ha
- Diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng:..... ha, trong đó diện tích khoán bảo vệ rừng..... ha

3. Kinh phí được nhận trong năm

- Tổng số:
- Kinh phí quản lý:
- Kinh phí chi trả DVMTR:
- Lãi ngân hàng:

4. Sử dụng kinh phí trong năm:

- Kinh phí quản lý:
- Kinh phí chi trả DVMTR:
- Số hộ gia đình, nhóm hộ:.... hộ, trong đó số hộ gia đình:.... hộ, số nhóm hộ:.... nhóm

5. Nhận xét, đánh giá và kiến nghị.

Nơi nhận:

- Quỹ cấp tỉnh;
- ...

....., ngày... tháng..... năm 20....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN:

ĐƠN VỊ CHI TRẢ:

TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM....*(Kèm theo báo cáo thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng)*

STT	Bên nhận tiền dịch vụ môi trường rừng	Diện tích rừng (ha)		Đơn giá chi trả (đồng/ha)	Số tiền DVMTR năm.... (đồng)		
		Theo kế hoạch	Theo kết quả được chi trả dịch vụ môi trường rừng		Được nhận	Đã nhận	Chưa nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)	(8)=(6)-(7)
1	Xã.....						
1	Thôn, bản.....						
1	Nguyễn văn A						
2	Xã.....						
2	Thôn, bản.....						
2	Nguyễn văn B						
2							
	Tổng cộng						

NGƯỜI LẬP BIỂU*(Ký, họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, họ tên)***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

CƠ QUAN CHỦ QUẢN:.....
ĐƠN VỊ CHI TRẢ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG
Năm.....

Phần I
TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2
I	TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang	01		
	Kinh phí quản lý			xxx
	Kinh phí ủy thác chi trả cho chủ rừng			xxx
	Kinh phí dự phòng			xxx
2	Kinh phí thực nhận trong kỳ	02		
	Kinh phí quản lý			
	Kinh phí ủy thác chi trả cho chủ rừng			
	Kinh phí dự phòng			
3	Kinh phí được sử dụng	03		
	Kinh phí quản lý			
	Kinh phí ủy thác chi trả cho chủ rừng			
	Kinh phí dự phòng			
4	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	04		
	Kinh phí quản lý			
	Kinh phí ủy thác chi trả cho chủ rừng			

	Kinh phí dự phòng			
5	Kinh phí giảm	05		
	Kinh phí quản lý			
	Kinh phí ủy thác chi trả cho chủ rừng			
	Kinh phí dự phòng			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau	06		
	Kinh phí quản lý			
	Kinh phí ủy thác chi trả cho chủ rừng			
	Kinh phí dự phòng			
II	KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN			
1	Kinh phí quản lý	100		
2	Kinh phí ủy thác chi trả cho chủ rừng	200		
	Cơ sở sản xuất thủy điện			
	Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch			
	Cơ sở sản xuất công nghiệp			
	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch			
				

Phần II THUYẾT MINH

1. Tình hình chi trả của các đối tượng sử dụng DVMTR
2. Tình hình thực hiện ủy thác chi trả tới các đối tượng cung cấp DVMTR
3. Nhận xét, đánh giá và kiến nghị

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng.....năm 20....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....

CHỦ RỪNG:.....

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Năm.....

Phần I**TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ***Đơn vị tính: nghìn đồng*

STT	Nội dung	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2
I	TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ			
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang	01		
	Kinh phí quản lý			xxx
	Kinh phí tự bảo vệ			xxx
	Kinh phí chi cho hộ nhận khoán			xxx
2	Kinh phí thực nhận trong kỳ	02		
	Kinh phí quản lý			
	Kinh phí tự bảo vệ			
	Kinh phí chi cho hộ nhận khoán			
3	Kinh phí được sử dụng	03		
	Kinh phí quản lý			
	Kinh phí tự bảo vệ			
	Kinh phí chi cho hộ nhận khoán			
4	Kinh phí đã sử dụng	04		

	Kinh phí quản lý			
	Kinh phí tự bảo vệ			
	Kinh phí chi cho hộ nhận khoán			
5	Kinh phí giảm	05		
	Kinh phí quản lý			
	Kinh phí tự bảo vệ			
	Kinh phí chi cho hộ nhận khoán			
6	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau	06		
	Kinh phí quản lý			
	Kinh phí tự bảo vệ			
	Kinh phí chi cho hộ nhận khoán			
II	KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN			
1	Kinh phí quản lý	100		
2	Kinh phí chi cho hộ nhận khoán	200		

Phần II THUYẾT MINH

1. Tình hình chi kinh phí quản lý.
2. Tình hình chi trả cho hộ nhận khoán.
3. Nhận xét, đánh giá và kiến nghị.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN
RỪNG TỈNH...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG
Năm.....**

I. KẾT QUẢ THU TIỀN DVMTR

Đơn vị tính: đồng

STT	Bên sử dụng DVMTR	Kế hoạch nộp tiền (đồng)	Số tiền phải nộp	Trong đó			Số tiền đã nộp (từ ngày 01/01 đến 31/12)	Trong đó		
				Quý 4 năm trước	Quý 1+2+3	Số nợ		Quý 4 năm trước	Quý 1+2+3	Số nợ
[1]	[2]	[3]	[4=5+6]	[5]	[6]		[7=8+9+10]	[8]	[9]	[10]
I	Cơ sở sản xuất thủy điện									
										
II	Cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch									
										
III	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí									
										
IV										
	Tổng cộng									

II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH DIỆN TÍCH CUNG ỨNG DVMTR

STT	Bên cung ứng DVMTR	Số lượng ³⁷	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Trong đó	
				Diện tích tự quản lý bảo vệ	Diện tích khoán bảo vệ
[1]	[2]	[3]	[4=5+6]	[5]	[6]
1	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng				
2	Công ty Lâm nghiệp				
3	Tổ chức khác là chủ rừng				
4	Hộ gia đình, cá nhân				
5	Cộng đồng dân cư				
6	UBND xã				
7	Tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng				

III. KẾT QUẢ CHI TIỀN DVMTR

1. Phân bổ tiền DVMTR

STT	Nội dung phân bổ	Số tiền phân bổ theo Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt (đồng)	Số tiền thực phân bổ (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]
1	Chi quản lý		
2	Chi dự phòng		
3	Chi cho bên cung ứng DVMTR		
Tổng cộng			

2. Kết quả chi trả cho bên cung ứng DVMTR

³⁷ Số lượng ban quản lý rừng phòng hộ đặc dụng, Công ty Lâm nghiệp, Tổ chức khác, hộ gia đình cá nhân cộng đồng dân cư, UBND xã và các tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng

STT	Bên cung ứng DVMTR	Số lượng	Số tiền dự kiến chi theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt (đồng)	Số tiền phải chi (đồng)	Số tiền đã chi (đồng)	Số tiền còn phải chi (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7=5-6]	[8]
1	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng						
2	Công ty Lâm nghiệp						
3	Tổ chức khác là chủ rừng						
4	Hộ gia đình						
5	Cộng đồng dân cư, thôn						
6	UBND xã						
7	Tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng						

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận

- UBND tỉnh ...;
- Sở NN&PTNT;
- Sở TC;
- Quỹ TW;

....., ngày..... tháng..... năm 20....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục VII³⁸

(Kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

XÁC ĐỊNH TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

I. Số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm là số tiền Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thực tế thu được từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12, gồm: tiền ủy thác thực nhận từ bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng, tiền lãi thu được từ số tiền bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng chậm trả và lãi tiền gửi từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng.

II. Xác định số tiền điều phối từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh

1. Hằng năm, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam xác định số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm để điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng trong lưu vực nằm trên địa giới hành chính từ hai tỉnh trở lên.

a) Xác định số tiền chi trả cho 01 ha rừng từ một bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền} \\ \text{chi trả} \\ \text{cho 01 ha} \\ \text{rừng} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) = \frac{\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền dịch vụ môi trường} \\ \text{rừng do Quỹ Bảo vệ và phát} \\ \text{triển rừng Việt Nam thực} \\ \text{thu trong năm (đồng)} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{c} \text{Kinh phí quản lý} \\ \text{của Quỹ Bảo vệ} \\ \text{và phát triển rừng} \\ \text{Việt Nam (đồng)} \end{array} \right)}{\left(\begin{array}{c} \text{Tổng diện tích cung} \\ \text{ứng dịch vụ môi} \\ \text{trường rừng (ha)} \end{array} \right)} \quad (1)$$

b) Xác định số tiền điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh từ một bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền điều phối cho} \\ \text{Quỹ Bảo vệ và phát} \\ \text{triển rừng cấp tỉnh} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi trả} \\ \text{cho 01 ha rừng} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Diện tích cung ứng} \\ \text{dịch vụ môi trường} \\ \text{rừng của tỉnh (ha)} \end{array} \right) \quad (2)$$

³⁸ Phụ lục VII được thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2024.

c) Xác định tổng số tiền điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh từ nhiều bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Tổng số tiền} \\ \text{điều phối cho} \\ \text{Quỹ Bảo vệ} \\ \text{và phát triển} \\ \text{rừng cấp tỉnh} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi} \\ \text{trả từ bên sử} \\ \text{dụng dịch vụ} \\ \text{môi trường} \\ \text{rừng thứ 1} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi} \\ \text{trả từ bên sử} \\ \text{dụng dịch vụ} \\ \text{môi trường} \\ \text{rừng thứ 2} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) + \dots + \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi} \\ \text{trả từ bên sử} \\ \text{dụng dịch vụ} \\ \text{môi trường} \\ \text{rừng thứ n} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) \quad (3)$$

2. Xác định số tiền điều phối, điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng

a) Xác định số tiền dịch vụ môi trường rừng điều tiết từ 01 tỉnh (nếu có)

$$\left(\begin{array}{c} \text{Số} \\ \text{tiền điều} \\ \text{tiết của 01} \\ \text{tỉnh} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền điều} \\ \text{phối từ Quỹ} \\ \text{Bảo vệ và phát} \\ \text{triển rừng Việt} \\ \text{Nam (đồng)} \end{array} \right) - \left\{ \begin{array}{c} \text{Hai lần mức hỗ} \\ \text{trợ cao nhất của} \\ \text{ngân sách nhà nước} \\ \text{cho khoán bảo vệ} \\ \text{rừng (đồng)} \end{array} \right\} \times \left\{ \begin{array}{c} \text{Diện tích chi trả} \\ \text{toàn tỉnh theo kế} \\ \text{hoạch được Ủy} \\ \text{ban nhân dân cấp} \\ \text{tỉnh phê duyệt} \\ \text{(ha)} \end{array} \right\} \quad (4)$$

b) Đối với các địa phương phải điều tiết nằm trên một lưu vực sông liên tỉnh có diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, xác định tổng số tiền điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng trên cùng một lưu vực sông liên tỉnh:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Tổng số tiền} \\ \text{điều tiết} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền điều} \\ \text{tiết từ tỉnh} \\ \text{thứ 1} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền điều} \\ \text{tiết từ tỉnh} \\ \text{thứ 2 (đồng)} \end{array} \right) + \dots + \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền điều} \\ \text{tiết từ tỉnh} \\ \text{thứ n (đồng)} \end{array} \right) \quad (5)$$

c) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam xác định số tiền điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh bằng tổng số tiền điều phối được xác định tại điểm c khoản 1 Mục II Phụ lục này trừ đi số tiền điều tiết được xác định tại điểm b khoản 2 Mục II Phụ lục này (nếu có).

3. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều tiết số tiền tại điểm b khoản 2 Mục II Phụ lục này cho các địa phương trên cùng lưu vực sông liên tỉnh có số tiền chi trả bình quân 01 ha từ thấp nhất trở lên.

a) Xác định số tiền điều tiết lần thứ nhất:

- Xác định số tiền chi trả bình quân toàn tỉnh

$$\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi trả} \\ \text{bình quân} \\ \text{toàn tỉnh} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) = \frac{\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền dịch vụ môi trường rừng} \\ \text{Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp} \\ \text{tỉnh thực thu trong năm bao gồm số} \\ \text{tiền được điều phối và thu nội tỉnh} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right)}{\left(\begin{array}{c} \text{Tổng diện tích chi trả theo kế hoạch} \\ \text{được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê} \\ \text{duyet (ha)} \end{array} \right)} \quad (6)$$

- Xác định số tiền điều tiết lần thứ nhất:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Số} \\ \text{tiền điều} \\ \text{tiết lần thứ} \\ \text{nhất} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi} \\ \text{trả bình quân} \\ \text{của địa} \\ \text{phương thấp} \\ \text{thứ hai} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi trả} \\ \text{bình quân của} \\ \text{địa phương} \\ \text{thấp nhất} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Diện tích chi trả theo} \\ \text{kế hoạch được Ủy ban} \\ \text{nhân dân cấp tỉnh phê} \\ \text{duyet của tỉnh có đơn} \\ \text{giá bình quân thấp} \\ \text{nhất} \\ \text{(ha)} \end{array} \right) \quad (7)$$

a1) Trường hợp số tiền cần điều tiết được xác định tại điểm b khoản 2 mục II Phụ lục này nhỏ hơn hoặc bằng số tiền điều tiết lần thứ nhất thì Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam điều tiết cho các địa phương có đơn giá bình quân thấp nhất theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền điều} \\ \text{tiết cho 01} \\ \text{tỉnh (đồng)} \end{array} \right) = \frac{\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền cần} \\ \text{điều tiết (đồng)} \end{array} \right)}{\left(\begin{array}{c} \text{Tổng diện tích chi trả theo kế hoạch} \\ \text{được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê} \\ \text{duyet của các tỉnh có số tiền chi trả} \\ \text{bình quân thấp nhất (ha)} \end{array} \right)} \times \left(\begin{array}{c} \text{Diện tích chi trả} \\ \text{theo kế hoạch} \\ \text{được Ủy ban} \\ \text{nhân dân cấp} \\ \text{tỉnh phê duyệt} \\ \text{của 01 tỉnh (ha)} \end{array} \right) \quad (8)$$

a2) Trường hợp số tiền cần điều tiết được xác định tại điểm b khoản 2 mục II Phụ lục này lớn hơn số tiền điều tiết lần thứ nhất, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam điều tiết số tiền lần thứ nhất cho địa phương có đơn giá chi trả bình quân thấp nhất trở lên theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền} \\ \text{điều tiết} \\ \text{cho 01 tỉnh} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) = \frac{\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền} \\ \text{điều tiết lần} \\ \text{thứ nhất} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right)}{\left(\begin{array}{c} \text{Tổng diện tích chi trả theo kế hoạch} \\ \text{được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê} \\ \text{duyet của các tỉnh có số tiền chi trả bình} \\ \text{quân thấp nhất (ha)} \end{array} \right)} \times \left(\begin{array}{c} \text{Diện tích chi trả} \\ \text{theo kế hoạch được} \\ \text{Ủy ban nhân dân} \\ \text{cấp tỉnh phê duyệt} \\ \text{của 01 tỉnh (ha)} \end{array} \right) \quad (9)$$

Số tiền còn lại, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam tiếp tục điều tiết lần thứ hai.

b) Xác định số tiền điều tiết lần thứ hai (nếu có):

Số tiền còn lại sau khi điều tiết lần thứ nhất, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam tiếp tục điều tiết cho các địa phương có cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên cùng một lưu vực sông có số tiền chi trả bình quân thấp nhất trở lên.

* Xác định số tiền chi trả bình quân từng tỉnh:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi trả} \\ \text{bình quân} \\ \text{từng tỉnh} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) = \frac{\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền dịch vụ môi trường rừng} \\ \text{thực thu trong năm gồm số tiền được} \\ \text{điều phối, số tiền nhận điều tiết lần 1} \\ \text{(nếu có), thu nội tỉnh} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right)}{\left(\begin{array}{c} \text{Tổng diện tích chi trả theo kế hoạch} \\ \text{được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê} \\ \text{duyet (ha)} \end{array} \right)} \quad (10)$$

* Xác định số tiền điều tiết cho địa phương lần thứ hai:

- Xác định số tiền điều tiết lần thứ hai:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Số} \\ \text{tiền} \\ \text{điều} \\ \text{tiết lần} \\ \text{thứ hai} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) = \left\{ \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi trả} \\ \text{bình quân của} \\ \text{địa phương} \\ \text{thấp thứ hai} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi trả} \\ \text{bình quân của địa} \\ \text{phương thấp nhất} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) \right\} \times \left(\begin{array}{c} \text{Tổng diện tích chi trả} \\ \text{theo kế hoạch được Ủy} \\ \text{ban nhân dân cấp tỉnh} \\ \text{phê duyệt của tỉnh có} \\ \text{số tiền chi trả bình} \\ \text{quân thấp nhất} \\ \text{(ha)} \end{array} \right) \quad (11)$$

- Trường hợp số tiền điều tiết còn lại nhỏ hơn hoặc bằng số tiền điều tiết lần thứ hai, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam điều tiết cho địa phương có số tiền chi trả bình quân thấp nhất lên theo quy định tại điểm a1 khoản 3 mục II Phụ lục này.

- Trường hợp số tiền điều tiết còn lại lớn hơn số tiền để điều tiết cho các địa phương có số tiền chi trả bình quân thấp nhất lên mức chi của địa phương có mức chi trả bình quân thấp thứ hai thực hiện điều tiết theo quy định tại điểm a2 khoản 3 mục II Phụ lục này.

c) Thực hiện điều tiết theo nguyên tắc trên đến khi đơn giá bình quân sau khi nhận điều tiết không vượt quá hai lần mức hỗ trợ cao nhất của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng.

d) Trường hợp địa phương phải điều tiết nằm trên hai hoặc nhiều lưu vực sông liên tỉnh theo quy định, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam xác định số tiền phải điều tiết theo quy định tại điểm b khoản 2 mục II Phụ lục này, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để điều tiết cho các địa phương nằm trên hai hoặc nhiều lưu vực sông liên tỉnh trên có mức chi trả bình quân thấp nhất trở lên theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 mục II Phụ lục này.

đ) Tổng số tiền điều tiết cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh:

$$\left(\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền} \\ \text{điều tiết cho} \\ \text{Quỹ Bảo vệ} \\ \text{và phát triển} \\ \text{rừng cấp tỉnh} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Số tiền điều} \\ \text{tiết lần thứ} \\ \text{nhất} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{l} \text{Số tiền điều} \\ \text{tiết lần thứ} \\ \text{hai} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) + \dots + \left(\begin{array}{l} \text{Số tiền điều} \\ \text{tiết lần thứ } n \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) \quad (12)$$

III. Xác định số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng

1. Hằng năm, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh xác định số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo số tiền thực thu trong năm, gồm số tiền điều phối từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và thu nội tỉnh.

a) Xác định số tiền chi trả cho 01 ha rừng từ một bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:

$$\left(\begin{array}{l} \text{Số tiền chi} \\ \text{trả cho 01} \\ \text{ha rừng} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) = \frac{\left(\begin{array}{l} \text{Số tiền dịch vụ môi} \\ \text{trường rừng do Quỹ} \\ \text{Bảo vệ và phát triển} \\ \text{rừng cấp tỉnh thực} \\ \text{thu trong năm (đồng)} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{l} \text{Kinh phí quản lý} \\ \text{của Quỹ Bảo vệ} \\ \text{và phát triển rừng} \\ \text{cấp tỉnh (đồng)} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{l} \text{Kinh} \\ \text{phí} \\ \text{dự} \\ \text{phòng} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right)}{\left(\begin{array}{l} \text{Tổng diện tích} \\ \text{rừng đã quy đổi} \\ \text{theo hệ số K (ha)} \end{array} \right)} \quad (13)$$

Trường hợp có thiên tai, khô hạn và trường hợp mức chi trả cho 01 ha rừng thấp hơn năm trước liền kề, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ sung từ nguồn kinh phí dự phòng.

b) Xác định số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng từ một bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:

$$\left(\begin{array}{l} \text{Số tiền chi trả cho bên} \\ \text{cung ứng dịch vụ môi} \\ \text{trường rừng (đồng)} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Số tiền chi trả} \\ \text{cho 01 ha rừng} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Tổng diện tích} \\ \text{rừng đã quy} \\ \text{đổi theo hệ số} \\ \text{K (ha)} \end{array} \right) \quad (14)$$

c) Xác định tổng số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng từ nhiều bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:

$$\left(\begin{array}{l} \text{Tổng số} \\ \text{tiền chi trả} \\ \text{cho bên} \\ \text{cung ứng} \\ \text{dịch vụ} \\ \text{môi trường} \\ \text{rừng} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Số tiền chi} \\ \text{trả từ bên sử} \\ \text{dụng dịch vụ} \\ \text{môi trường} \\ \text{rừng thứ 1} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{l} \text{Số tiền chi} \\ \text{trả từ bên sử} \\ \text{dụng dịch} \\ \text{vụ môi} \\ \text{trường rừng} \\ \text{thứ 2 (đồng)} \end{array} \right) + \dots + \left(\begin{array}{l} \text{Số tiền chi trả} \\ \text{từ bên sử} \\ \text{dụng dịch vụ} \\ \text{môi trường} \\ \text{rừng thứ n} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) \quad (15)$$

Đối với nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng được điều tiết từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh xây dựng kế hoạch chi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo Mẫu số 02 Phụ lục IX kèm theo Nghị định này, kế hoạch chi bao gồm: kinh phí quản lý tối đa 10%, số còn lại chi bổ sung cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng được xác định tại điểm c khoản 1 Mục III Phụ lục này trước ngày 01 tháng 6; nguồn tiền nhận điều tiết từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam được quyết toán vào năm sau.

Đối với diện tích rừng có số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ bình quân của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng, tùy theo đối tượng trên cùng địa bàn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức điều tiết phù hợp cho diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng tại các lưu vực có số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng bình quân 01ha từ thấp nhất trở lên.

2. Hệ số K

a) Hệ số K được xác định cho từng lô rừng, làm cơ sở để tính toán mức chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Hệ số K bằng tích số của các hệ số K thành phần.

b) Các hệ số K thành phần gồm:

- Hệ số K_1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng. Hệ số K_1 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình; 0,90 đối với rừng nghèo, rừng nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng, rừng tre nứa, rừng không phân chia trữ lượng và rừng trồng. Tiêu chí trữ lượng rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Hệ số K_2 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Hệ số K_2 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng đặc dụng; 0,95 đối với rừng phòng hộ; 0,90 đối với rừng sản xuất;

- Hệ số K_3 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng, gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Hệ số K_3 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng tự nhiên; 0,90 đối với rừng trồng;

- Hệ số K_4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hệ số K_4 có giá trị bằng: 1,00 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 0,90 đối với xã thuộc khu vực I và các xã chưa được Thủ tướng Chính phủ quy định.

c) Áp dụng hệ số K

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương và hệ số K được quy định tại khoản 2 Mục III Phụ lục này, quy định, hướng dẫn áp dụng các hệ số K thành phần trên địa bàn tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các cơ quan, tổ chức liên quan phối hợp với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh xác định hệ số K của các lô rừng khi có sự thay đổi về trữ lượng, mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành và mức độ khó khăn.

IV. Xác định số tiền chi trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng

1. Hằng năm, bên khoán bảo vệ rừng (sau đây viết chung là bên khoán) xác định số tiền chi trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng (sau đây viết chung là bên nhận khoán) theo số tiền thực nhận từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.

2. Xác định mức khoán bảo vệ rừng cho 01 ha (sau đây viết chung là đơn giá khoán) từ một bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức khoán} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) = \frac{\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền bên khoán} \\ \text{nhận được cho diện} \\ \text{tích khoán (đồng)} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{c} \text{Kinh phí quản} \\ \text{lý của bên} \\ \text{khoán (đồng)} \end{array} \right)}{\left(\begin{array}{c} \text{Tổng diện tích rừng khoán đã} \\ \text{quy đổi theo hệ số K (ha)} \end{array} \right)} \quad (16)$$

3. Xác định số tiền chi trả cho bên nhận khoán từ một bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi trả} \\ \text{cho bên nhận} \\ \text{khoán (đồng)} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng/ha)} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Diện tích rừng của bên} \\ \text{nhận khoán đã quy đổi} \\ \text{theo hệ số K (ha)} \end{array} \right) \quad (17)$$

4. Xác định tổng số tiền chi trả cho bên nhận khoán từ nhiều bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Tổng số} \\ \text{tiền chi} \\ \text{trả cho} \\ \text{bên} \\ \text{nhận} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng)} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi} \\ \text{trả cho diện} \\ \text{tích khoán từ} \\ \text{bên sử dụng} \\ \text{dịch vụ môi} \\ \text{trường rừng} \\ \text{thứ 1 (đồng)} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi} \\ \text{trả cho diện} \\ \text{tích khoán từ} \\ \text{bên sử dụng} \\ \text{dịch vụ môi} \\ \text{trường rừng} \\ \text{thứ 2 (đồng)} \end{array} \right) + \dots + \left(\begin{array}{c} \text{Số tiền chi} \\ \text{trả cho diện} \\ \text{tích khoán từ} \\ \text{bên sử dụng} \\ \text{dịch vụ môi} \\ \text{trường rừng} \\ \text{thứ n (đồng)} \end{array} \right) \quad (18)$$

5. Hệ số K

Áp dụng theo quy định tại khoản 2 Mục III của Phụ lục này.

Phụ lục VIII³⁹
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP
CÓ SỬ DỤNG NƯỚC TỪ NGUỒN NƯỚC
(Kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

TT	Tên ngành
1.	Chăn nuôi trang trại quy mô lớn và chăn nuôi trang trại quy mô vừa ⁴⁰
2.	Khai thác than cứng và than non
3.	Khai thác quặng kim loại
4.	Khai khoáng khác (đá, cát, sỏi, đất sét)
5.	Sản xuất, chế biến thực phẩm
6.	Sản xuất đồ uống
7.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá
8.	Dệt (sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt; hàng dệt khác)
9.	Sản xuất trang phục
10.	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan
11.	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện
12.	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy
13.	Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế
14.	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất
15.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
16.	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic
17.	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác
18.	Sản xuất kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn
19.	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí (Sản xuất nhiệt điện than, nhiệt điện khí; khí đốt; nước đá)
20.	Ngành nghề công nghiệp khác có sử dụng nước từ nguồn nước.

³⁹ Phụ lục VIII được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 91/2024/NĐ- CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2024.

⁴⁰ Cụm từ “Cơ sở chăn nuôi công nghiệp” được thay thế bởi cụm từ “Chăn nuôi trang trại quy mô lớn và chăn nuôi trang trại quy mô vừa” theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Phụ lục IX⁴¹

*(Kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Báo cáo kết quả thu tiền dịch vụ môi trường rừng theo hình thức trực tiếp
Mẫu số 02	Kế hoạch chi tiền dịch vụ môi trường rừng được nhận điều tiết từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam
Mẫu số 03	Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng nguồn tài chính của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng
Mẫu số 04	Báo cáo tình hình thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

⁴¹ Phụ lục IX được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THU TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG THEO HÌNH THỨC TRỰC TIẾP
Kỳ.....Năm

STT	Tỉnh/ thành phố	Bên cung ứng DVMTR	Bên sử dụng DVMTR	Mức chi trả	Thời gian chi trả	Số tiền (đồng)		Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Ghi chú
						Số tiền thu theo hợp đồng/ kế hoạch thu trong năm	Số tiền đã thu đến thời điểm báo cáo		
I	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí								
1									
2									
II	Cơ sở nuôi trồng thủy sản								
1									
2									

Nơi nhận:

- Quỹ BV và PTR tỉnh...
- Lưu:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng
(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH CHI TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG ĐƯỢC ĐIỀU TIẾT
TỪ QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM
Năm

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Căn cứ ...

- ...

II. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH CHI

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(A)	(2)	(B)
	Số tiền điều tiết		
1	Khi phí quản lý (tối đa 10%)		Được trích lập, sử dụng năm tài chính.
2	Kinh phí chi trả cho chủ rừng		Thực hiện chi bổ sung vào năm trước liền kề cho các chủ rừng.

III. KẾ HOẠCH CHI TIẾT CHI CHO CHỦ RỪNG

STT	Chủ rừng	Mức chi trả năm trước liền kề (đồng/ha) ⁴²	Mức dự kiến chi trả (đồng)	Mức dự kiến chi bổ sung từ nguồn điều tiết của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam (đồng/ha)	Diện tích chi trả được UBND tỉnh phê duyệt theo kế hoạch (ha) ⁴³	Dự kiến số tiền được chi trả (đồng)	Ghi chú
(1)	(A)	(2)	(3)	(4) = (2) + (3)	(5)	(6) = (5) * (4)	(B)
	Tổng						

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)

⁴² Mức chi trả năm trước liền kề được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch thu, chi hằng năm.

⁴³ Diện tích chi trả năm trước liền kề được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch thu, chi hằng năm.

Mẫu số 03

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN TÀI CHÍNH
CỦA QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG ...**

Năm.....

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng báo cáo tình hình quản lý và sử dụng nguồn tài chính của Quỹ như sau:

1. Tổng thu của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng
 - a) Tiền dịch vụ môi trường rừng
 - b) Các nguồn thu khác (chi tiết theo từng nguồn thu)
2. Tình hình quản lý, sử dụng
 - a) Tiền dịch vụ môi trường rừng
 - b) Nguồn thu khác
3. Đề xuất, kiến nghị

...

Nơi nhận:

- Cấp có thẩm quyền;
- Lưu: VT, BDH.

....., ngày... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG
VIỆT NAM**

Số:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm ...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU, CHI TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG
Năm.....**

Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam báo cáo tình hình thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng như sau:

1. Ký kết hợp đồng ủy thác

2. Tổng thu

a) Theo cấp thu (trung ương, địa phương)

b) Theo đối tượng nộp tiền (cơ sở sản xuất thủy điện, cơ sở sản xuất nước sạch, tổ chức kinh doanh du lịch sinh thái, ...) ⁴⁴.

3. Đơn đốc thu hồi tiền chậm nộp (nếu có)

4. Tình hình chi

a) Trung ương

b) Địa phương

5. Đề xuất, kiến nghị

...

Nơi nhận:

- Cấp có thẩm quyền;
- Lưu: VT, BĐH.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

⁴⁴ Chi tiết theo từng loại đối tượng nộp tiền.